

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

# HỒ SƠ MỜI THẦU (E-HSMT)

GÓI THẦU: THI CÔNG XÂY DỰNG ĐOẠN TỪ SÔNG VÀM CỎ  
TÂY ĐẾN ĐT.827B

DỰ ÁN: XÂY DỰNG ĐƯỜNG DẪN VÀO 03 CẦU TRÊN  
ĐT.827E

CHỦ ĐẦU TƯ: BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG  
LONG AN

TƯ VẤN LẬP HỒ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG  
SƠ MỜI THẦU: HUNG LONG

\*\*\*\*\*

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 7 năm 2025

# HỒ SƠ MỜI THẦU (E-HSMT)

(điều chỉnh)

Số hiệu gói thầu và

số E-TBMT: .....

Tên gói thầu: Thi công xây dựng đoạn từ sông Vàm Cỏ Tây đến ĐT.827B.

Tên dự án: Xây dựng đường dẫn vào 03 cầu trên ĐT.827E.

Phát hành ngày: Ngày ... tháng ... năm 2025.

Ban hành kèm theo Số ..... ngày .... tháng .... năm 2025 của  
Quyết định: Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng Long An. *Ước*

TƯ VẤN LẬP HỒ SƠ MỜI THẦU

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng  
**Hưng Long**



**GIÁM ĐỐC**  
*Phạm Quốc Đạo*

CHỦ ĐẦU TƯ

Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng  
**Long An**



**Nguyễn Anh Phương**

## MỤC LỤC

### Mô tả tóm tắt

### Phần 1. THỦ TỤC ĐÁU THẦU

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSĐT

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

### Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật

### Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng

Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng

Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng

## MÔ TẢ TÓM TẮT

### Phần 1. THỦ TỤC ĐẦU THẦU

#### Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà thầu chuẩn bị E-HSDT. Thông tin bao gồm các quy định về việc chuẩn bị, nộp E-HSDT, mở thầu, đánh giá E-HSDT và trao hợp đồng. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.

Chương này áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu xây lắp qua mạng, được có định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống.

#### Chương II. Bảng dữ liệu đầu thầu

Chương này quy định cụ thể các nội dung của Chương I khi áp dụng đối với từng gói thầu.

Chương này được số hóa dưới dạng các biểu mẫu trên Hệ thống (webform). Chủ đầu tư nhập các nội dung thông tin vào E-BDL trên Hệ thống.

#### Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT

Chương này bao gồm các tiêu chí để đánh giá E-HSDT. Cụ thể:

- Mục 1 (Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT) được có định theo định dạng tệp tin PDF/word và đăng tải trên Hệ thống;
- Mục 2 (Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm) được số hóa dưới dạng webform. Chủ đầu tư cần nhập thông tin vào các webform tương ứng;
- Mục 3 (Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật), Mục 4 (Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính) và Mục 5 (Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT (nếu có)) là tệp tin PDF/Word do Chủ đầu tư chuẩn bị và đăng tải trên Hệ thống.

Căn cứ các thông tin do Chủ đầu tư nhập, Hệ thống tự động tạo ra các biểu mẫu dự thầu có liên quan tương ứng với tiêu chuẩn đánh giá.

#### Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà Chủ đầu tư và nhà thầu sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của E-HSMT và E-HSDT. Trong chương này một số mẫu được số hóa dưới dạng webform và một số Mẫu là tệp tin PDF/Word. Chủ đầu tư và nhà thầu cần nhập các thông tin vào webform tương ứng phù hợp với gói thầu để lập E-HSMT, E-HSDT trên Hệ thống.

### Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

#### Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật

Chương này cung cấp các thông tin về thông số kỹ thuật, bản vẽ, thông tin bổ sung mô tả công trình được hiển thị dưới dạng tệp tin PDF/Word/CAD do Chủ đầu tư chuẩn bị và đính kèm lên Hệ thống.

### **Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG**

#### **Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng**

Chương này gồm điều khoản chung được áp dụng cho tất cả các hợp đồng của các gói thầu khác nhau. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.

Chương này áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu xây lắp qua mạng, được có định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống.

#### **Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng**

Chương này bao gồm dữ liệu hợp đồng và Điều kiện cụ thể cho mỗi hợp đồng. Điều kiện cụ thể của hợp đồng nhằm chi tiết hóa, bổ sung nhưng không thay thế được Điều kiện chung của Hợp đồng.

Chương này được số hóa dưới dạng webform. Chủ đầu tư nhập các nội dung thông tin vào Điều kiện cụ thể của hợp đồng trên Hệ thống.

#### **Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng**

Chương này gồm các biểu mẫu mà sau khi được hoàn chỉnh sẽ trở thành một bộ phận cấu thành của hợp đồng. Các mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng (Thư bảo lãnh) và Bảo lãnh tiền tạm ứng (nếu có) do nhà thầu trúng thầu hoàn chỉnh trước khi hợp đồng có hiệu lực.

Chương này bao gồm tệp tin PDF/Word do Chủ đầu tư chuẩn bị theo mẫu.

**Phần 1. THỦ TỤC ĐÁU THẦU**  
**Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU**

<p><b>1. Phạm vi gói thầu</b></p>	<p>1.1. Chủ đầu tư quy định tại <b>E-BDL</b> phát hành bộ E-HSMT này để lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu xây lắp theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ.</p> <p>1.2. Tên gói thầu, dự án/dự toán mua sắm được quy định tại <b>E-BDL</b>.</p>
<p><b>2. Giải thích từ ngữ trong đấu thầu qua mạng</b></p>	<p>2.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm hết hạn nhận E-HSDT và được quy định trong E-TBMT trên Hệ thống.</p> <p>2.2. Ngày là ngày theo dương lịch, bao gồm cả ngày nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ, nghỉ Tết theo quy định của pháp luật về lao động.</p> <p>2.3. Thời gian và ngày tháng trên Hệ thống là thời gian và ngày tháng được hiển thị trên Hệ thống (GMT+7).</p>
<p><b>3. Nguồn vốn</b></p>	<p>Nguồn vốn để sử dụng cho gói thầu được quy định tại <b>E-BDL</b>.</p>
<p><b>4. Hành vi bị cấm</b></p>	<p>4.1. Đưa, nhận, môi giới hối lộ.</p> <p>4.2. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để gây ảnh hưởng, can thiệp trái pháp luật vào hoạt động đấu thầu dưới mọi hình thức.</p> <p>4.3. Thông thầu bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Dàn xếp, thỏa thuận, ép buộc để một hoặc các bên chuẩn bị E-HSDT hoặc rút E-HSDT để một bên trúng thầu;</p> <p>b) Dàn xếp, thỏa thuận để từ chối cung cấp hàng hóa, dịch vụ, không ký hợp đồng thầu phụ hoặc thực hiện các hình thức thỏa thuận khác nhằm hạn chế cạnh tranh để một bên trúng thầu;</p> <p>c) Nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm đã tham dự thầu và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT nhưng cố ý không cung cấp tài liệu để chứng minh năng lực, kinh nghiệm khi được Chủ đầu tư yêu cầu làm rõ E-HSDT hoặc khi được yêu cầu đối chiếu tài liệu nhằm tạo điều kiện để một bên trúng thầu.</p> <p>4.4. Gian lận bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Làm giả hoặc làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu trong đấu thầu;</p> <p>b) Cố ý cung cấp thông tin, tài liệu không trung thực, không khách quan trong E-HSDT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.</p> <p>4.5. Cản trở bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Hủy hoại, lừa dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo sai sự thật; đe dọa hoặc gợi ý đối với bất kỳ bên nào nhằm ngăn chặn</p>

việc làm rõ hành vi đưa, nhận, môi giới hối lộ, gian lận hoặc thông đồng với cơ quan có chức năng, thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán;

b) Cán trở người có thẩm quyền, chủ đầu tư, nhà thầu trong lựa chọn nhà thầu;

c) Cán trở cơ quan có thẩm quyền giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán đối với hoạt động đấu thầu;

d) Cố tình khiêu nại, tố cáo, kiến nghị sai sự thật để cản trở hoạt động đấu thầu;

đ) Có hành vi vi phạm pháp luật về an toàn, an ninh mạng nhằm can thiệp, cản trở việc đấu thầu qua mạng.

4.6. Không bảo đảm công bằng, minh bạch bao gồm các hành vi sau đây:

a) Tham dự thầu với tư cách là nhà thầu đối với gói thầu do mình làm chủ đầu tư hoặc thực hiện nhiệm vụ của chủ đầu tư không đúng quy định của Luật Đấu thầu;

b) Tham gia lập, đồng thời tham gia thẩm định E-HSMT đối với cùng một gói thầu;

c) Tham gia đánh giá E-HSDT đồng thời tham gia thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu đối với cùng một gói thầu;

d) Cá nhân thuộc chủ đầu tư trực tiếp tham gia quá trình lựa chọn nhà thầu hoặc tham gia tổ chuyên gia, tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc là người có thẩm quyền, người đứng đầu chủ đầu tư đối với các gói thầu do người có quan hệ gia đình theo quy định của Luật Doanh nghiệp đứng tên dự thầu hoặc là người đại diện hợp pháp của nhà thầu tham dự thầu;

đ) Nhà thầu tham dự thầu gói thầu xây lắp do nhà thầu đó cung cấp dịch vụ tư vấn: lập, thẩm tra, thẩm định dự toán, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, thiết kế kỹ thuật tổng thể (thiết kế FEED); lập, thẩm định E-HSMT; đánh giá E-HSDT; kiểm định hàng hóa; thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu; giám sát thực hiện hợp đồng;

e) Đứng tên tham dự thầu gói thầu thuộc dự án do chủ đầu tư là cơ quan, tổ chức nơi mình đã công tác và giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong thời gian 12 tháng kể từ ngày không còn làm việc tại cơ quan, tổ chức đó;

g) Nêu yêu cầu cụ thể về nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa trong E-HSMT, trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản 3 Điều 10, khoản 2 Điều 44 và khoản 1 Điều 56 của Luật Đấu thầu;

h) Nêu điều kiện E-HSMT nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng, vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 44 của Luật Đấu thầu;

4.7. Tiết lộ những tài liệu, thông tin về quá trình lựa chọn nhà thầu, từ trường hợp cung cấp thông tin theo quy định tại điểm b khoản 8 Điều 77, khoản 11 Điều 78, điểm h khoản 1 Điều 79, khoản 4 Điều 80, khoản 4 Điều 81, khoản 2 Điều 82, điểm b khoản 4 Điều 93 của Luật Đấu thầu, bao gồm:

- a) Nội dung E-HSMT trước thời điểm phát hành theo quy định;
- b) Nội dung E-HSDT; nội dung yêu cầu làm rõ E-HSDT của chủ đầu tư và trả lời của nhà thầu trong quá trình đánh giá E-HSDT; báo cáo của tổ chuyên gia, báo cáo thẩm định, báo cáo của nhà thầu tư vấn, báo cáo của cơ quan chuyên môn có liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu; tài liệu ghi chép, biên bản cuộc họp xét thầu, các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với từng E-HSDT trước khi được công khai theo quy định;
- c) Kết quả lựa chọn nhà thầu trước khi được công khai theo quy định;
- d) Các tài liệu khác trong quá trình lựa chọn nhà thầu được xác định chứa nội dung bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật.

4.8. Chuyển nhượng thầu trong trường hợp sau đây:

- a) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu ngoài giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ và khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ đặc biệt đã nêu trong hợp đồng;
- b) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu chưa vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng nhưng ngoài phạm vi công việc dành cho nhà thầu phụ đã đề xuất trong E-HSDT mà không được chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận;
- c) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm a khoản này;
- d) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm b khoản này mà vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng.

**5. Tư cách hợp lệ của nhà thầu và tài liệu**

5.1. Nhà thầu là tổ chức đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- a) Hạch toán tài chính độc lập;
- b) Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị

<p><b>chứng minh sự phù hợp của vật tư, thiết bị</b></p>	<p>thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản;</p> <p>c) Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định tại <b>E-BDL</b>;</p> <p>d) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Luật Đấu thầu;</p> <p>đ) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;</p> <p>e) Đáp ứng điều kiện về cấp doanh nghiệp theo quy định tại <b>E-BDL</b>.</p> <p>5.2. Nhà thầu là hộ kinh doanh đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật;</p> <p>b) Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;</p> <p>c) Đáp ứng điều kiện quy định tại các điểm c và d Mục 5.1 E-CDNT.</p> <p>5.3. Tính hợp lệ của vật tư, thiết bị:</p> <p>a) Tất cả vật tư, thiết bị được cung cấp theo hợp đồng phải có xuất xứ rõ ràng, hợp pháp. Nhà thầu phải nêu rõ ký hiệu, mã hiệu, nhãn mác (nếu có) và xuất xứ của vật tư, thiết bị chính. Chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp bằng chứng về xuất xứ của vật tư, thiết bị. Đối với các vật tư, thiết bị khác, nhà thầu phải nêu rõ xuất xứ trong quá trình thực hiện hợp đồng;</p> <p>b) “Xuất xứ của vật tư, thiết bị” được hiểu là được hiểu là quốc gia hoặc vùng lãnh thổ nơi vật tư, thiết bị được sản xuất, chế tạo hoặc chế biến tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ đó, thông qua quá trình chế tạo, chế biến hoặc lắp ráp để tạo thành một sản phẩm được công nhận về mặt thương mại và có sự khác biệt đáng kể về các đặc điểm căn bản so với các yếu tố cấu thành ban đầu;</p> <p>c) Nhà thầu có trách nhiệm cung cấp các tài liệu chứng minh về xuất xứ của vật tư, thiết bị phù hợp với đề xuất của nhà thầu.</p>
<p><b>6. Nội dung của E-HSMT</b></p>	<p>6.1. E-HSMT bao gồm E-TBMT và Phần 1, Phần 2, Phần 3 cùng với tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT (nếu có), trong đó bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p><b>Phần 1. Thủ tục đấu thầu:</b></p> <p>- Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu;</p>

	<ul style="list-style-type: none"><li>- Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu;</li><li>- Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT;</li><li>- Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu.</li></ul> <p><b>Phần 2. Yêu cầu về kỹ thuật:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật.</li></ul> <p><b>Phần 3. Điều kiện hợp đồng và Biểu mẫu hợp đồng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng;</li><li>- Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng;</li><li>- Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng.</li></ul> <p>6.2. Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm về tính chính xác, hoàn chỉnh của E-HSMT, tài liệu giải thích làm rõ E-HSMT hay các tài liệu sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT nếu các tài liệu này không được cung cấp bởi Chủ đầu tư trên Hệ thống. E-HSMT do Chủ đầu tư phát hành trên Hệ thống là cơ sở để xem xét, đánh giá.</p> <p>6.3. Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin của E-TBMT, E-HSMT, bao gồm các nội dung sửa đổi, làm rõ E-HSMT, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) để chuẩn bị E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT cho phù hợp.</p>
<p><b>7. Sửa đổi, làm rõ E-HSMT, khảo sát hiện trường</b></p>	<p>7.1. Trường hợp sửa đổi E-HSMT thì chủ đầu tư đăng tải quyết định sửa đổi kèm theo các nội dung sửa đổi và E-HSMT đã được sửa đổi cho phù hợp (webform và file đính kèm). Việc sửa đổi E-HSMT được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 10 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu; đối với gói thầu có giá gói thầu không quá 20 tỷ đồng, việc sửa đổi E-HSMT được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu và bảo đảm đủ thời gian để nhà thầu hoàn chỉnh E-HSDT; trường hợp không bảo đảm đủ thời gian như nêu trên thì phải gia hạn thời điểm đóng thầu.</p> <p>7.2. Trường hợp cần làm rõ E-HSMT, nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ đến Chủ đầu tư thông qua Hệ thống trong thời hạn tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu để Chủ đầu tư xem xét, xử lý. Chủ đầu tư tiếp nhận nội dung làm rõ để xem xét, làm rõ theo đề nghị của nhà thầu và thực hiện làm rõ trên Hệ thống trong thời hạn tối thiểu 02 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà thầu đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi E-HSMT thì Chủ đầu tư tiến hành sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT.</p>

7.3. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để kịp thời làm rõ E-HSMT theo đề nghị của nhà thầu.

7.4. Nhà thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để cập nhật thông tin về việc sửa đổi E-HSMT, thay đổi thời điểm đóng thầu (nếu có) để làm cơ sở chuẩn bị E-HSDT. Trường hợp xảy ra các sai sót do không theo dõi, cập nhật thông tin trên Hệ thống dẫn đến bất lợi cho nhà thầu trong quá trình tham dự thầu bao gồm: thay đổi, sửa đổi E-HSMT, thời điểm đóng thầu và các nội dung khác thì nhà thầu phải tự chịu trách nhiệm và chịu bất lợi trong quá trình tham dự thầu.

7.5. Nhà thầu nên đi khảo sát hiện trường công trình cũng như khu vực liên quan và tự chịu trách nhiệm tìm hiểu mọi thông tin cần thiết để lập E-HSDT cũng như thực hiện hợp đồng thi công công trình nếu trúng thầu. Toàn bộ chi phí đi khảo sát hiện trường do nhà thầu tự chi trả.

7.6. Chủ đầu tư sẽ cho phép nhà thầu và các bên liên quan của nhà thầu tiếp cận hiện trường để phục vụ mục đích khảo sát hiện trường với điều kiện nhà thầu và các bên liên quan của nhà thầu phải ký kết ràng Chủ đầu tư và các bên liên quan của Chủ đầu tư không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với nhà thầu và các bên liên quan của nhà thầu liên quan đến việc khảo sát hiện trường này. Nhà thầu và các bên liên quan của nhà thầu sẽ tự chịu trách nhiệm cho những rủi ro của mình như tai nạn, mất mát hoặc thiệt hại tài sản và bất kỳ các mất mát, thiệt hại và chi phí nào khác phát sinh từ việc khảo sát hiện trường. Trong trường hợp cần thiết, Chủ đầu tư sẽ tổ chức, hướng dẫn nhà thầu đi khảo sát hiện trường theo quy định tại **E-BDL**.

7.7. Trường hợp cần thiết, Chủ đầu tư tổ chức hội nghị tiền đấu thầu để trao đổi về những nội dung trong E-HSMT mà các nhà thầu chưa rõ theo quy định tại **E-BDL**. Chủ đầu tư đăng tải thông báo tổ chức hội nghị tiền đấu thầu trên Hệ thống; tất cả các nhà thầu quan tâm được tham dự hội nghị tiền đấu thầu mà không cần phải thông báo trước cho chủ đầu tư. Nội dung trao đổi giữa Chủ đầu tư và nhà thầu phải được ghi lại thành biên bản và lập thành văn bản làm rõ E-HSMT đăng tải trên Hệ thống trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc hội nghị tiền đấu thầu.

7.8. Trường hợp E-HSMT cần phải được sửa đổi sau khi tổ chức hội nghị tiền đấu thầu, Chủ đầu tư thực hiện việc sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT. Biên bản hội nghị tiền đấu thầu không phải là văn bản sửa đổi E-HSMT.

7.9. Việc nhà thầu không đi khảo sát hiện trường hoặc không tham dự hội nghị tiền đấu thầu hoặc không có giấy xác nhận đã khảo sát hiện trường hoặc không có giấy xác nhận đã tham dự hội nghị tiền

	<p>đấu thầu không phải là lý do để loại bỏ E-HSĐT của nhà thầu.</p>
<p><b>8. Chi phí dự thầu</b></p>	<p>E-HSMT được phát hành miễn phí trên Hệ thống ngay sau khi Chủ đầu tư đăng tải thành công E-TBMT trên Hệ thống. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu. Chi phí nộp E-HSĐT theo quy định tại <b>E-BDL</b>.</p> <p>Trong mọi trường hợp, Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà thầu.</p>
<p><b>9. Ngôn ngữ của E-HSĐT</b></p>	<p>E-HSĐT cũng như tất cả văn bản và tài liệu liên quan đến E-HSĐT được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu bổ trợ trong E-HSĐT có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, Chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung (nếu cần thiết).</p>
<p><b>10. Thành phần của E-HSĐT</b></p>	<p>E-HSĐT bao gồm các thành phần sau:</p> <p>10.1. Đơn dự thầu theo mẫu số 02 chương IV và được quy định tại Mục 11 E-CDNT;</p> <p>10.2. Thỏa thuận liên danh được Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 03 Chương IV (đối với nhà thầu liên danh);</p> <p>10.3. Bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18 E-CDNT;</p> <p>10.4. Bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu theo Mục 16 E-CDNT;</p> <p>10.5. Đề xuất về kỹ thuật và các tài liệu theo quy định tại Mục 15 E-CDNT;</p> <p>10.6. Đề xuất về tài chính và các bảng biểu được ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại Mục 11 và Mục 13 E-CDNT;</p> <p>10.7. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSĐT theo quy định tại Mục 12 E-CDNT (nếu có);</p> <p>10.8. Các nội dung khác theo quy định tại <b>E-BDL</b>.</p>
<p><b>11. Đơn dự thầu và các bảng biểu</b></p>	<p>Nhà thầu điền đầy đủ thông tin vào các Mẫu ở Chương IV của E-HSMT. Nhà thầu kiểm tra thông tin trong đơn dự thầu và các bảng biểu được Hệ thống trích xuất để hoàn thành E-HSĐT.</p>
<p><b>12. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSĐT</b></p>	<p>12.1. Trường hợp E-HSMT có quy định tại <b>E-BDL</b> về việc nhà thầu có thể đề xuất phương án kỹ thuật thay thế thì phương án kỹ thuật thay thế đó mới được xem xét.</p> <p>12.2. Phương án kỹ thuật thay thế chỉ được xem xét khi phương án chính được đánh giá là đáp ứng yêu cầu và nhà thầu được xếp hạng thứ nhất. Trong trường hợp này, nhà thầu phải cung cấp tất cả các</p>

thông tin cần thiết để Chủ đầu tư có thể đánh giá phương án kỹ thuật thay thế, bao gồm: thuyết minh, bản vẽ, thông số kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công, tiến độ thi công, chi phí và các thông tin liên quan khác. Việc đánh giá phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương III của E-HSMT.

### **13. Giá dự thầu và giảm giá**

13.1. Giá dự thầu là giá do nhà thầu chào trong đơn dự thầu (chưa bao gồm giảm giá), bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu. Hệ thống tự động trích xuất giá thầu từ Mẫu số 11 (11A hoặc 11B hoặc 11C hoặc 11D hoặc 11E) Chương IV vào đơn dự thầu.

13.2. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu. Giá trị giảm giá này được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục trong Bảng tổng hợp giá dự thầu. Đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định, đơn giá điều chỉnh, giá trị giảm giá được tính trên giá dự thầu không bao gồm dự phòng.

13.3. Đối với hợp đồng trọn gói:

a) Đối với hợp đồng trọn gói, giá dự thầu bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu theo đúng thiết kế và yêu cầu kỹ thuật nêu trong E-HSMT. Nhà thầu chịu trách nhiệm rà soát Bảng kê hạng mục công việc tại Mẫu số 01A Chương IV (hoặc phần công việc áp dụng hợp đồng trọn gói trong Mẫu số 01E Chương IV) so với thiết kế để đề xuất bảng tổng hợp giá dự thầu cho phù hợp. Bảng kê hạng mục công việc tại Mẫu số 01A Chương IV (hoặc phần công việc áp dụng hợp đồng trọn gói trong Mẫu số 01E Chương IV) chỉ mang tính chất tham khảo.

b) Nhà thầu có thể thêm hoặc bớt các hạng mục công việc trong Bảng kê hạng mục công việc tại Mẫu số 01A Chương IV (hoặc phần công việc áp dụng hợp đồng trọn gói trong Mẫu số 01E Chương IV) để phù hợp với thiết kế và chào giá cho các hạng mục công việc (sau khi đã thêm hoặc bớt hạng mục (nếu có)) tại Mẫu số 11A Chương IV (hoặc phần công việc áp dụng hợp đồng trọn gói trong Mẫu số 11E Chương IV). Trường hợp tại cột “đơn giá dự thầu” ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của hạng mục công việc này vào hạng mục công việc khác thuộc gói thầu và sẽ không được chủ đầu tư thanh toán riêng; nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các hạng mục công việc theo yêu cầu của E-HSMT, bảo đảm chất lượng, tiến độ.

13.4. Đối với hợp đồng theo đơn giá cố định, đơn giá điều chỉnh:

a) Giá dự thầu bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết để thực hiện

	<p>gói thầu. Nhà thầu phải chào đơn giá cho từng hạng mục công việc theo phạm vi công việc tại Mẫu số 01B, Mẫu số 01C Chương IV.</p> <p>b) Trường hợp tại cột “đơn giá dự thầu” ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của hạng mục công việc này vào hạng mục công việc khác thuộc gói thầu và sẽ không được chủ đầu tư thanh toán riêng. Nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các hạng mục công việc theo yêu cầu của E-HSMT, bảo đảm chất lượng, tiến độ.</p> <p>13.5. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì E-HSĐT của nhà thầu sẽ bị loại.</p> <p>13.6. Nhà thầu phải nộp E-HSĐT cho toàn bộ công việc yêu cầu trong E-HSMT và ghi đơn giá dự thầu cho tất cả các công việc nêu trong cột “Mô tả công việc mời thầu” theo Mẫu số 01 (01A hoặc 01B hoặc 01C hoặc 01D hoặc 01E) Chương IV.</p> <p>13.7. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về giá dự thầu để thực hiện các công việc theo đúng thiết kế và yêu cầu kỹ thuật nêu trong E-HSMT. Trường hợp nhà thầu có giá dự thầu thấp khác thường, ảnh hưởng đến chất lượng gói thầu thì Chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu làm rõ về tính khả thi của giá dự thầu thấp khác thường đó theo quy định tại khoản 11 Điều 131 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.</p> <p>13.8. Hợp đồng theo kết quả đấu ra có thể được áp dụng đối với công việc duy tu, bảo dưỡng, bảo trì công trình đã xác định được yêu cầu cụ thể về chất lượng đầu ra, biện pháp kiểm tra, đánh giá mức độ đáp ứng về chất lượng đầu ra.</p>
<p><b>14. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán</b></p>	<p>Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.</p>
<p><b>15. Thành phần đề xuất kỹ thuật</b></p>	<p>Nhà thầu phải nộp một Đề xuất kỹ thuật (đính kèm file lên Hệ thống) gồm mô tả cụ thể phương pháp thực hiện công việc, thiết bị, nhân sự, lịch biểu thực hiện và bất kỳ thông tin nào khác theo quy định tại Chương V và phải mô tả đủ chi tiết để chứng minh tính phù hợp của đề xuất đối với các yêu cầu công việc và thời hạn cần hoàn thành công việc.</p>
<p><b>16. Tài liệu chứng minh</b></p>	<p>16.1. Nhà thầu kê khai các thông tin cần thiết vào các Mẫu trong Chương IV để cung cấp thông tin về năng lực, kinh nghiệm theo yêu</p>

<p><b>năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu</b></p>	<p>câu tại Chương III. Trường hợp được mời vào đối chiếu tài liệu, nhà thầu phải chuẩn bị sẵn sàng các tài liệu để đối chiếu với thông tin nhà thầu kê khai trong E-HSDT và để Chủ đầu tư lưu trữ.</p> <p>16.2. Trường hợp gói thầu đã áp dụng sơ tuyến, nếu có sự thay đổi về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu khi nộp E-HSDT và khi tham dự sơ tuyến thì phải cập nhật lại năng lực và kinh nghiệm của mình.</p>
<p><b>17. Thời hạn có hiệu lực của E-HSDT</b></p>	<p>17.1. E-HSDT có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn nêu tại E-BDL.</p> <p>17.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, Chủ đầu tư có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của E-HSDT, đồng thời yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu (bằng thời gian hiệu lực E-HSDT sau khi gia hạn cộng thêm 30 ngày). Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của E-HSDT thì E-HSDT của nhà thầu sẽ không được xem xét tiếp, trong trường hợp này, nhà thầu không phải nộp bản gốc thư bảo lãnh cho Chủ đầu tư. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn E-HSDT không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của E-HSDT, trừ việc gia hạn hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn được thực hiện trên Hệ thống.</p>
<p><b>18. Bảo đảm dự thầu</b></p>	<p>18.1. Khi tham dự thầu qua mạng, nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo một hoặc các hình thức thư bảo lãnh do đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành. Trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng thì thực hiện theo quy định tại Mục 18.7 E-CDNT. Đối với bảo lãnh dự thầu hoặc chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy, nhà thầu quét (scan) thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh và đính kèm khi nộp E-HSDT. Đối với bảo lãnh dự thầu điện tử, nhà thầu chọn bảo lãnh dự thầu điện tử được phát hành, lưu trữ trên Hệ thống. Trường hợp E-HSDT được gia hạn hiệu lực theo quy định tại Mục 17.2 E-CDNT thì hiệu lực của bảo đảm dự thầu cũng phải được gia hạn tương ứng. Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu: bảo lãnh dự thầu điện tử hoặc bằng giấy.</p> <p>Trường hợp liên danh thì phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự</p>

thầu theo một trong hai cách sau:

a) Từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện riêng rẽ bảo đảm dự thầu nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT; nếu bảo đảm dự thầu của một thành viên trong liên danh được xác định là không hợp lệ thì E-HSDT của liên danh đó sẽ không được xem xét, đánh giá tiếp. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì giá trị bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả;

b) Các thành viên trong liên danh thỏa thuận để một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho thành viên liên danh đó và cho thành viên khác trong liên danh. Trong trường hợp này, bảo đảm dự thầu có thể bao gồm tên của liên danh hoặc tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho các thành viên trong liên danh nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì giá trị bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

18.2. Giá trị, đồng tiền và thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu được quy định cụ thể tại **E-BDL**. Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo đảm dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo đảm dự thầu nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo đảm dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó).

18.3. Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian có hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không có chữ ký (ký số đối với bảo lãnh dự thầu điện tử) hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT, có kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 04A, Mẫu số 04B Chương IV). Trường hợp áp dụng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh thì thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tin dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh

nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có).

18.4. Nhà thầu không được lựa chọn sẽ được hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu theo thời hạn quy định **E-BDL**. Đối với nhà thầu được lựa chọn, bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa khi hợp đồng có hiệu lực.

18.5. Các trường hợp phải nộp bản gốc thư bảo lãnh dự thầu, giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh (đối với trường hợp sử dụng bảo lãnh dự thầu bằng văn bản giấy) cho Chủ đầu tư:

a) Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu;  
b) Nhà thầu vi phạm quy định của pháp luật về đấu thầu dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu trong các trường hợp sau đây:

- Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT, nhà thầu có văn bản rút E-HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT;

- Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu;

- Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời thương thảo hợp đồng hoặc đã thương thảo hợp đồng nhưng từ chối hoàn thiện, ký kết biên bản thương thảo hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Chủ đầu tư, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

18.6. Trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của chủ đầu tư, nếu nhà thầu từ chối hoặc không nộp bản gốc thư bảo lãnh dự thầu, giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh (đối với

	<p>trường hợp sử dụng bảo lãnh dự thầu bằng văn bản giấy) theo yêu cầu của Chủ đầu tư thì nhà thầu sẽ bị xử lý theo đúng cam kết của nhà thầu trong đơn dự thầu.</p> <p>18.7. Đối với gói thầu có giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18.2 E-CDNT nhỏ hơn 50 triệu đồng, tại thời điểm đóng thầu, nhà thầu không phải đính kèm thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh theo quy định tại Mục 18.1 E-CDNT mà phải cam kết trong đơn dự thầu (không phải đính kèm cam kết riêng bằng văn bản) là nếu được mời vào đối chiếu tài liệu hoặc vi phạm quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì phải nộp một khoản tiền hoặc Séc bảo chi (trong trường hợp thời hạn hiệu lực của Séc bảo chi đáp ứng yêu cầu của Chủ đầu tư) hoặc thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh với giá trị quy định tại Mục 18.2 E-CDNT (thời gian có hiệu lực của thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh mà chủ đầu tư yêu cầu là số ngày được quy định trong Thông báo mời đối chiếu tài liệu và được tính từ ngày thực hiện đối chiếu tài liệu). Trường hợp nhà thầu chọn áp dụng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh khi đối chiếu tài liệu nhưng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của nhà thầu không đáp ứng quy định tại Mục 18.3 E-CDNT thì nhà thầu phải nộp một khoản tiền hoặc Séc bảo chi (trong trường hợp thời hạn hiệu lực của Séc bảo chi đáp ứng yêu cầu của Chủ đầu tư) với giá trị quy định tại Mục 18.2 E-CDNT. Trường hợp nhà thầu không thực hiện theo cam kết nêu trên, nhà thầu bị xử lý theo đúng cam kết của nhà thầu nêu trong đơn dự thầu (bị đánh giá không bảo đảm uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP, nêu tên trên Hệ thống và bị khóa tài khoản trong vòng 06 tháng, kể từ ngày Cục Quản lý đấu thầu, Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận được văn bản đề nghị của Chủ đầu tư). Trường hợp nhà thầu vi phạm quy định nêu tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì nhà thầu sẽ không được hoàn trả khoản tiền bảo đảm dự thầu này.</p> <p>18.8. Đối với gói thầu đấu thầu trước, bảo đảm dự thầu thực hiện theo quy định tại E-BDL.</p>
<p><b>19. Thời điểm đóng thầu</b></p>	<p>19.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm quy định tại E-TBMT.</p> <p>19.2. Chủ đầu tư có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng cách sửa đổi E-TBMT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của Chủ đầu tư và nhà thầu theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn.</p>
<p><b>20. Nộp, rút và sửa đổi E-</b></p>	<p>20.1. Nộp E-HSDT: Nhà thầu chỉ nộp một bộ E-HSDT đối với một E-TBMT khi tham gia đấu thầu qua mạng. Trường hợp liên danh,</p>

<b>HSMT</b>	<p>thành viên đứng đầu liên danh (theo thỏa thuận trong liên danh) nộp E-HSMT sau khi được sự chấp thuận của tất cả các thành viên trong liên danh.</p> <p>20.2. Sửa đổi, nộp lại E-HSMT: Trường hợp cần sửa đổi E-HSMT đã nộp, nhà thầu phải tiến hành rút toàn bộ E-HSMT đã nộp trước đó để sửa đổi cho phù hợp. Sau khi hoàn thiện E-HSMT, nhà thầu tiến hành nộp lại E-HSMT mới. Trường hợp nhà thầu đã nộp E-HSMT trước khi Chủ đầu tư thực hiện sửa đổi E-HSMT (nếu có) thì nhà thầu phải nộp lại E-HSMT mới cho phù hợp với E-HSMT đã được sửa đổi. Trường hợp nhà thầu không nộp lại E-HSMT thì E-HSMT đã nộp trước thời điểm E-HSMT được sửa đổi sẽ không được mở, xem xét, đánh giá.</p> <p>20.3. Rút E-HSMT: nhà thầu được rút E-HSMT trước thời điểm đóng thầu. Trường hợp rút E-HSMT sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSMT thì nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm dự thầu, bị đánh giá là không bảo đảm uy tín tham dự thầu và không được tiếp tục đánh giá E-HSMT. Hệ thống sẽ thông báo cho nhà thầu tình trạng rút E-HSMT (thành công hay không thành công). Hệ thống ghi lại thông tin về thời gian rút E-HSMT của nhà thầu.</p> <p>20.4. Nhà thầu chỉ được rút, sửa đổi, nộp lại E-HSMT trước thời điểm đóng thầu. Sau thời điểm đóng thầu, tất cả các E-HSMT nộp thành công trên Hệ thống (ngoại trừ E-HSMT của nhà thầu đã nộp trước thời điểm sửa đổi E-HSMT và nhà thầu không nộp E-HSMT mới cho phù hợp với E-HSMT đã được sửa đổi) đều được mở thầu để đánh giá.</p>
<b>21. Mở thầu</b>	<p>21.1. Chủ đầu tư phải tiến hành mở thầu và công khai biên bản mở thầu trên Hệ thống trong thời hạn không quá 02 giờ, kể từ thời điểm đóng thầu. Trường hợp có 01 hoặc 02 nhà thầu nộp E-HSMT, Chủ đầu tư xem xét, xử lý tình huống theo quy định tại khoản 5 Điều 131 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP. Trường hợp không có nhà thầu nộp E-HSMT, Chủ đầu tư xem xét gia hạn thời điểm đóng thầu hoặc tổ chức lại việc lựa chọn nhà thầu qua mạng (hủy E-TBMT này và đăng E-TBMT mới) theo quy định tại khoản 4 Điều 131 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.</p> <p>21.2. Biên bản mở thầu được đăng tải công khai trên Hệ thống, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số E-TBMT;</li> <li>- Tên gói thầu;</li> <li>- Tên Chủ đầu tư ;</li> </ul>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình thức lựa chọn nhà thầu;</li> <li>- Loại hợp đồng;</li> <li>- Thời điểm hoàn thành mở thầu;</li> <li>- Tổng số nhà thầu tham dự.</li> </ul> <p>b) Thông tin về các nhà thầu tham dự:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên nhà thầu;</li> <li>- Giá dự thầu;</li> <li>- Tỷ lệ phần trăm (%) giảm giá (nếu có);</li> <li>- Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có);</li> <li>- Giá trị và hiệu lực của bảo đảm dự thầu;</li> <li>- Thời gian có hiệu lực của E-HSĐT;</li> <li>- Thời gian thực hiện gói thầu;</li> <li>- Các thông tin liên quan khác (nếu có).</li> </ul>
<p><b>22. Bảo mật</b></p>	<p>22.1. Thông tin liên quan đến việc đánh giá E-HSĐT và đề nghị trao hợp đồng phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà thầu hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn nhà thầu cho tới khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong E-HSĐT của nhà thầu này cho nhà thầu khác, trừ thông tin được công khai trong biên bản mở thầu.</p> <p>22.2. Trừ trường hợp làm rõ E-HSĐT, đối chiếu tài liệu, nhà thầu không được phép tiếp xúc với Chủ đầu tư về các vấn đề liên quan đến E-HSĐT của mình và các vấn đề khác liên quan đến gói thầu trong suốt thời gian từ khi mở thầu cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu.</p>
<p><b>23. Làm rõ E-HSĐT</b></p>	<p>23.1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ E-HSĐT theo yêu cầu của Chủ đầu tư, kể cả về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm, nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, tài liệu về nhân sự cụ thể đã được đề xuất trong E-HSĐT của nhà thầu. Đối với nội dung về tư cách hợp lệ, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của nhà thầu tham dự thầu. Đối với các nội dung về tính hợp lệ của E-HSĐT (trừ nội dung về tư cách hợp lệ), đề xuất về kỹ thuật, tài chính, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của E-HSĐT đã nộp, không thay đổi giá dự thầu.</p> <p>23.2. Trong quá trình đánh giá, việc làm rõ E-HSĐT giữa nhà thầu và Chủ đầu tư được thực hiện trực tiếp trên Hệ thống.</p>

	<p>23.3. Việc làm rõ E-HSDT chỉ được thực hiện giữa Chủ đầu tư và nhà thầu có E-HSDT cần phải làm rõ. Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm và yêu cầu về kỹ thuật, tài chính, nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà thầu không thực hiện làm rõ hoặc có thực hiện làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Chủ đầu tư thì Chủ đầu tư đánh giá E-HSDT của nhà thầu theo E-HSDT nộp trước thời điểm đóng thầu. Chủ đầu tư phải dành cho nhà thầu một khoảng thời gian hợp lý nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để nhà thầu thực hiện việc làm rõ E-HSDT.</p> <p>23.4. Nhà thầu không thể tự làm rõ E-HSDT sau thời điểm đóng thầu.</p> <p>23.5. Trường hợp có sự không thống nhất trong nội dung của E-HSDT hoặc có nội dung chưa rõ thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ trên cơ sở tuân thủ quy định tại Mục 23.1 E-CDNT.</p> <p>23.6. Trường hợp có nghi ngờ về tính xác thực của các tài liệu do nhà thầu cung cấp, Chủ đầu tư được xác minh với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung của tài liệu.</p> <p>23.7. Trường hợp E-HSMT có yêu cầu về cam kết, hợp đồng nguyên tắc thuê thiết bị, cung cấp vật liệu chính, bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng mà E-HSDT không đính kèm các tài liệu này thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ E-HSDT, bổ sung tài liệu trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để làm cơ sở đánh giá E-HSDT.</p>
<p><b>24. Các sai khác, đặt điều kiện và bỏ sót nội dung</b></p>	<p>24.1. “Sai khác” là các khác biệt so với yêu cầu nêu trong E-HSMT;</p> <p>24.2. “Đặt điều kiện” là việc đặt ra các điều kiện có tính hạn chế hoặc thể hiện sự không chấp nhận hoàn toàn đối với các yêu cầu nêu trong E-HSMT;</p> <p>24.3. “Bỏ sót nội dung” là việc nhà thầu không cung cấp được một phần hoặc toàn bộ thông tin hay tài liệu theo yêu cầu nêu trong E-HSMT.</p>
<p><b>25. Xác định tính đáp ứng của E-HSDT</b></p>	<p>25.1. Chủ đầu tư, tổ chuyên gia sẽ xác định tính đáp ứng của E-HSDT dựa trên nội dung của E-HSDT theo quy định tại Mục 10 E-CDNT.</p> <p>25.2. E-HSDT đáp ứng cơ bản là E-HSDT đáp ứng các yêu cầu nêu trong E-HSMT mà không có các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản. Sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản nghĩa là những điểm trong E-HSDT mà:</p> <p>a) Nếu được chấp nhận thì sẽ gây ảnh hưởng đáng kể đến phạm vi, chất lượng hay hiệu quả sử dụng của công trình được quy định trong</p>

	<p>hợp đồng; gây hạn chế đáng kể và không thống nhất với E-HSMT đối với quyền hạn của Chủ đầu tư hoặc nghĩa vụ của nhà thầu trong hợp đồng;</p> <p>b) Nếu được sửa lại thì sẽ gây ảnh hưởng không công bằng đến vị thế cạnh tranh của nhà thầu khác có E-HSĐT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT.</p> <p>25.3. Chủ đầu tư, tổ chuyên gia phải kiểm tra các khía cạnh kỹ thuật của E-HSĐT theo Mục 15 E-CDNT và việc kiểm tra đề xuất kỹ thuật nhằm khẳng định rằng tất cả các yêu cầu nêu trong Phần 2 – Yêu cầu về kỹ thuật đã được đáp ứng và E-HSĐT không có những sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót các nội dung cơ bản.</p> <p>25.4. Nếu E-HSĐT không đáp ứng cơ bản các yêu cầu nêu trong E-HSMT thì E-HSĐT đó sẽ bị loại; không được phép sửa đổi các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản trong E-HSĐT đó nhằm làm cho E-HSĐT đáp ứng cơ bản E-HSMT.</p>
<p><b>26. Sai sót không nghiêm trọng</b></p>	<p>26.1. Với điều kiện E-HSĐT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT thì chủ đầu tư, tổ chuyên gia có thể chấp nhận các sai sót mà không phải là những sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót nội dung cơ bản trong E-HSĐT;</p> <p>26.2. Với điều kiện E-HSĐT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT, chủ đầu tư, tổ chuyên gia có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các thông tin hoặc tài liệu cần thiết trong thời hạn hợp lý để sửa chữa những điểm chưa phù hợp hoặc sai sót không nghiêm trọng trong E-HSĐT liên quan đến các yêu cầu về tài liệu. Yêu cầu cung cấp các thông tin và các tài liệu để khắc phục các sai sót này không được liên quan đến bất kỳ yếu tố nào của giá dự thầu. E-HSĐT của nhà thầu bị loại nếu không đáp ứng yêu cầu này của chủ đầu tư;</p> <p>26.3. Với điều kiện E-HSĐT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT, chủ đầu tư, tổ chuyên gia điều chỉnh các sai sót không nghiêm trọng và có thể định lượng được liên quan đến giá dự thầu; giá dự thầu sẽ được điều chỉnh để phản ánh chi phí cho các hạng mục bị thiếu hoặc chưa đáp ứng yêu cầu; việc điều chỉnh này chỉ nhằm mục đích so sánh các E-HSĐT.</p>
<p><b>27. Nhà thầu phụ</b></p>	<p>27.1. Nhà thầu phụ là tổ chức, cá nhân ký hợp đồng với nhà thầu để tham gia thực hiện một phần công việc trong bảng tổng hợp giá dự thầu; không bao gồm tổ chức, cá nhân cung cấp, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, cấu kiện bán thành phẩm, thiết bị, cho thuê thiết bị thi công. Việc nhà thầu thuê nhân công để thực hiện gói thầu không phải là sử dụng nhà thầu phụ. Trừ các phần công việc không được phép sử dụng nhà thầu phụ theo quy định tại E-</p>

**BDL**, nhà thầu được kê khai Nhà thầu phụ và các hạng mục công việc dành cho Nhà thầu phụ theo Mẫu số 09A Chương IV. Trường hợp tại thời điểm tham dự thầu, chưa xác định được Nhà thầu phụ thì phải kê khai các hạng mục công việc dự kiến dành cho Nhà thầu phụ.

27.2. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSDT của nhà thầu, trừ trường hợp quy định tại Mục 27.5 E-CDNT. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ). Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT hoặc ký với nhà thầu phụ được chủ đầu tư chấp thuận để tham gia thực hiện công việc xây lắp.

27.3. Nhà thầu chỉ được sử dụng nhà thầu phụ thực hiện các công việc với tổng giá trị dành cho nhà thầu phụ không vượt quá tỷ lệ phần trăm (%) trên giá dự thầu của nhà thầu theo quy định tại **E-BDL**. Đối với trường hợp liên danh, từng thành viên liên danh chỉ được sử dụng nhà thầu phụ không vượt quá tỷ lệ phần trăm quy định tại Mục này trên giá trị phần công việc mà thành viên liên danh đó đảm nhận trong thoả thuận liên danh.

27.4. Nhà thầu có hành vi chuyển nhượng thầu theo quy định tại khoản 8 Điều 16 của Luật Đấu thầu thì bị xử lý theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 125 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

27.5. Chủ đầu tư có thể cho phép nhà thầu sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt theo quy định tại **E-BDL**. Trường hợp nhà thầu sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt thì nhà thầu phải kê khai danh sách nhà thầu phụ đặc biệt theo Mẫu số 09B Chương IV và kê khai về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu phụ đặc biệt. Chủ đầu tư đánh giá năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu phụ đặc biệt theo tiêu chuẩn đánh giá quy định tại Khoản 2.3 Mục 2 Chương III. Trường hợp nhà thầu phụ đặc biệt không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT (hoặc không đề xuất nhà thầu phụ đặc biệt) và nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm không đáp ứng yêu cầu thực hiện phần công việc đã dành cho nhà thầu phụ đặc biệt thì E-HSDT của nhà thầu được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT. Khi sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt, nhà thầu không bắt buộc phải đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm đối với phần công việc giao cho nhà thầu phụ đặc biệt.

27.6. Nhà thầu không được sử dụng nhà thầu phụ mà nhà thầu phụ này có tham gia thực hiện cung cấp dịch vụ tư vấn cho gói thầu mà

	<p>nhà thầu đã trúng thầu và các công việc tư vấn này bao gồm: lập, thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán, thiết kế FEED; thẩm định giá; giám sát thực hiện hợp đồng, kiểm định; lập, thẩm định E-HSMST, E-HSMT; đánh giá E-HSDST, E-HSDT; thẩm định kết quả sơ tuyển, kết quả lựa chọn nhà thầu; tư vấn quản lý dự án, quản lý hợp đồng, tư vấn khác mà các dịch vụ tư vấn này có phần công việc liên quan trực tiếp tới gói thầu.</p>
<p><b>28. Hiệu chỉnh sai lệch thầu</b></p>	<p>28.1. Hiệu chỉnh sai lệch thầu (chỉ áp dụng đối với loại hợp đồng trọn gói):</p> <p>Giá dự thầu của nhà thầu được coi là đã bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu theo đúng thiết kế và yêu cầu kỹ thuật nêu trong E-HSMT và không tiến hành hiệu chỉnh trong trường hợp phạm vi công việc mà nhà thầu đề xuất trong E-HSDT khác so với yêu cầu nêu tại Bảng kê hạng mục công việc tại Mẫu số 01A Chương IV (hoặc phần công việc áp dụng hợp đồng trọn gói trong Mẫu số 01E Chương IV), trừ trường hợp công việc được nhà thầu đề xuất khác đó ngoài phạm vi yêu cầu trong E-HSMT (ngoài khối lượng để hoàn thành theo thiết kế); trong trường hợp này, phần công việc ngoài phạm vi yêu cầu trong E-HSMT sẽ được coi là chào thầu và giá trị của các hạng mục chào thầu sẽ bị trừ đi.</p> <p>28.2. Trường hợp nhà thầu có giảm giá, việc giảm giá được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá dự thầu sau khi đã hiệu chỉnh sai lệch thầu.</p> <p>28.3. Sau hiệu chỉnh sai lệch thầu theo quy định tại Mục 28.1 E-CDNT, chủ đầu tư phải thông báo trên Hệ thống cho nhà thầu biết về việc hiệu chỉnh sai lệch thầu đối với E-HSDT của nhà thầu. Trong vòng 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của chủ đầu tư, nhà thầu phải có ý kiến phản hồi cho chủ đầu tư về việc chấp thuận kết quả hiệu chỉnh sai lệch thầu theo thông báo của chủ đầu tư. Trường hợp nhà thầu không chấp thuận với kết quả hiệu chỉnh sai lệch thầu theo thông báo của chủ đầu tư thì E-HSDT của nhà thầu đó sẽ bị loại.</p>
<p><b>29. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu</b></p>	<p>29.1. Trường hợp sau khi đánh giá, có nhiều nhà thầu được đánh giá tốt nhất, ngang nhau thì xử lý theo thứ tự ưu tiên như sau cho đến khi lựa chọn được nhà thầu trúng thầu:</p> <p>a) Trao thầu cho doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ theo quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (nếu có);</p> <p>b) Trao thầu cho nhà thầu có điểm kỹ thuật cao hơn hoặc có số tiêu chí đánh giá về kỹ thuật ở mức chấp nhận được ít hơn đối với</p>

	<p>trường hợp gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất; trao thầu cho nhà thầu có giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp hơn đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá đánh giá.</p> <p>c) Trao thầu cho nhà thầu có trụ sở chính ở địa phương nơi triển khai gói thầu;</p> <p>d) Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng lao động nữ, thương binh, người khuyết tật hoặc người dân tộc thiểu số có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực;</p> <p>e) Cho phép các nhà thầu này chào lại giá dự thầu để lựa chọn nhà thầu có giá chào thấp nhất. Nhà thầu không được chào giá cao hơn giá nhà thầu đã chào sau hiệu chỉnh sai lệch thừa, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có). Việc chào lại giá dự thầu thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều 131 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP;</p> <p>g) Mời các nhà thầu này tham gia chào giá trực tuyến theo quy trình rút gọn. Nhà thầu không được chào giá cao hơn giá nhà thầu đã chào sau hiệu chỉnh sai lệch thừa, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có).</p> <p>29.2. Trường hợp thuộc đối tượng ưu đãi nêu tại Mục 29.1 E-CDNT, nhà thầu phải đính kèm tài liệu chứng minh trong E-HSMT.</p>
<p><b>30. Đánh giá E-HSMT</b></p>	<p>30.1. Chủ đầu tư áp dụng phương pháp đánh giá theo quy định tại <b>E-BDL</b> để đánh giá E-HSMT.</p> <p>30.2. Quy trình đánh giá E-HSMT như sau:</p> <p>a) Bước 1: Đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III;</p> <p>- Tổ chuyên gia đánh giá trên cơ sở cam kết của nhà thầu trong đơn dự thầu đối với các nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>+ Tư cách hợp lệ của nhà thầu;</li><li>+ Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu.</li></ul> <p>Trường hợp tổ chuyên gia phát hiện nhà thầu cam kết không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận trong đấu thầu.</p>

- Tổ chuyên gia đánh giá về trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống của Nhà thầu.
- Tổ chuyên gia đánh giá tính hợp lệ của bảo đảm dự thầu, thỏa thuận liên danh (đối với trường hợp liên danh).
- Nhà thầu được đánh giá là đạt ở tất cả nội dung về tính hợp lệ thì được chuyển sang đánh giá về năng lực, kinh nghiệm.
- b) Bước 2: Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm theo quy định tại Mục 2 Chương III;
  - Tổ chuyên gia đánh giá các nội dung: lịch sử không hoàn thành hợp đồng, thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, kết quả hoạt động tài chính, doanh thu bình quân hằng năm trên cơ sở thông tin kê khai và các tài liệu đính kèm trong E-HSMT.
  - Đối với yêu cầu về nguồn lực tài chính: tổ chuyên gia đánh giá trên cơ sở thông tin mà nhà thầu kê khai trong E-HSMT. Trường hợp E-HSMT có yêu cầu về cam kết cung cấp tín dụng và nhà thầu sử dụng cam kết này để chứng minh nguồn lực tài chính, tổ chuyên gia căn cứ vào tài liệu đính kèm để đánh giá. Cam kết cung cấp tín dụng bổ sung sau thời điểm đóng thầu sẽ không được xem xét, đánh giá.
  - Đối với nội dung đánh giá về hợp đồng tương tự, tổ chuyên gia căn cứ vào thông tin nhà thầu kê khai và tài liệu đính kèm để đánh giá.
  - Đối với các nội dung về nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu, tổ chuyên gia đánh giá trên cơ sở thông tin kê khai của nhà thầu.
  - Nhà thầu được đánh giá là đạt ở các nội dung về năng lực, kinh nghiệm thì được chuyển sang đánh giá về kỹ thuật.
- c) Bước 3: Đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại Mục 3 Chương III. Nhà thầu được đánh giá là đạt về kỹ thuật thì được chuyển sang đánh giá về tài chính;
- d) Bước 4: Đánh giá về tài chính theo quy định tại Mục 4 Chương III.
- đ) Bước 5: Sau khi đánh giá về tài chính, việc xếp hạng nhà thầu thực hiện theo quy định tại E-BDL. Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời vào đối chiếu tài liệu theo quy định tại Mục 31 E-CDNT. Trường hợp chỉ có một nhà thầu vượt qua bước đánh giá về tài chính thì không cần phải xếp hạng nhà thầu. Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu mà không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu (trừ trường

hợp bất khả kháng) hoặc đối chiếu tài liệu nhưng không đáp ứng quy định của E-HSMT thì mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu tài liệu mà không phải xếp hạng lại nhà thầu.

Trường hợp nhà thầu được xếp hạng thứ nhất, nhà thầu không được thay đổi nhân sự chủ chốt (nhân sự đã đề xuất trong E-HSDT hoặc nhân sự đã được thay thế một lần theo quy định tại khoản 2 Điều 27 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP), trừ trường hợp do thời gian đánh giá E-HSDT kéo dài hơn so với dự kiến trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu hoặc vì lý do bất khả kháng mà các vị trí nhân sự chủ chốt do nhà thầu đã đề xuất không thể tham gia thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp đó, nhà thầu được quyền thay đổi nhân sự khác nhưng phải bảo đảm nhân sự dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm, năng lực tương đương hoặc cao hơn với nhân sự đã đề xuất và nhà thầu không được thay đổi giá dự thầu.

### 30.3. Nguyên tắc đánh giá E-HSDT:

- a) Tổ chuyên gia đánh giá theo thông tin kê khai và tài liệu đính kèm Trường hợp các thông tin mà nhà thầu cam kết, kê khai trong E-HSDT không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả đánh giá E-HSDT của nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận;
- b) Trường hợp có sự sai khác giữa thông tin về bảo đảm dự thầu mà nhà thầu kê khai và thông tin trong file scan bảo đảm dự thầu đính kèm thì căn cứ vào thông tin trong file scan bảo đảm dự thầu (đối với trường hợp áp dụng bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy) để đánh giá;
- c) Trường hợp có sự không thống nhất giữa thông tin về hợp đồng tương tự kê khai và file tài liệu chứng minh các thông tin về hợp đồng đó thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ E-HSDT. Trường hợp các hợp đồng mà nhà thầu kê khai, đính kèm trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT hoặc nhà thầu không kê khai hợp đồng tương tự, Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung hợp đồng khác (được cập nhật từ hồ sơ năng lực của nhà thầu trên Hệ thống) để đáp ứng yêu cầu của E-HSMT trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có hợp đồng đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại;
- d) Trường hợp nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu (nếu có) mà nhà thầu đề xuất trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự, thiết bị thi công chủ yếu (bao gồm trường hợp nhân sự, thiết bị của nhà thầu đề xuất đã được huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự, thiết bị trong một khoảng

	<p>thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự, thiết bị thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai nhân sự, thiết bị không trung thực thì nhà thầu không được thay thế nhân sự, thiết bị khác, E-HSĐT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 125 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP;</p> <p>đ) Đối với các nội dung ngoài các nội dung nêu tại các điểm a, b, c và d Mục này, trường hợp có sự không thống nhất giữa thông tin kê khai và file đính kèm thì thông tin kê khai là cơ sở để xem xét, đánh giá.</p> <p>e) Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu phải chuẩn bị các tài liệu để đối chiếu, chứng minh các thông tin mà nhà thầu kê khai trong E-HSĐT.</p>
<p><b>31. Đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng</b></p>	<p>31.1. Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu phải nộp một bộ tài liệu chứng minh tính hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm cho Chủ đầu tư để đối chiếu với thông tin nhà thầu kê khai trong E-HSĐT, bao gồm:</p> <p>a) Bản gốc bảo đảm dự thầu (đối với trường hợp sử dụng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy) hoặc tiền mặt hoặc Séc bảo chi theo quy định tại Mục 18.7 E-CDNT;</p> <p>b) Tài liệu chứng minh về các số liệu tài chính, tài liệu chứng minh thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế của năm gần nhất.</p> <p>c) Các tài liệu chứng minh về hợp đồng tương tự mà nhà thầu kê khai, đính kèm trong E-HSĐT (hợp đồng, biên bản nghiệm thu, thanh lý, thông tin về hóa đơn theo quy định của pháp luật...);</p> <p>d) Tài liệu chứng minh nguồn lực tài chính theo quy định tại Mẫu số 08B, Mẫu số 08C Chương IV;</p> <p>e) Tài liệu chứng minh khả năng huy động nhân sự, thiết bị, bằng cấp, chứng chỉ, kinh nghiệm của nhân sự mà nhà thầu kê khai trong E-HSĐT;</p> <p>g) Tài liệu khác (nếu có).</p> <p>31.2. Nhà thầu có tài liệu đối chiếu phù hợp sẽ được mời thương thảo hợp đồng.</p> <p>31.3. Chủ đầu tư gửi thông báo mời đối chiếu tài liệu đến nhà thầu trên Hệ thống. Trong thông báo mời đối chiếu tài liệu phải ghi rõ thời gian có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu (đối với bảo đảm dự</p>

	<p>thầu có giá trị dưới 50 triệu đồng); địa điểm, thời gian thực hiện đối chiếu tài liệu trên cơ sở bảo đảm nhà thầu có đủ thời gian chuẩn bị và đến để đối chiếu tài liệu theo yêu cầu của Chủ đầu tư.</p>
<p><b>32. Điều kiện xét duyệt trúng thầu</b></p>	<p>Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>32.1. Có E-HSDT hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III. Trường hợp tại thời điểm xét duyệt trúng thầu, nếu nhà thầu bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống thì chủ đầu tư cần yêu cầu nhà thầu thực hiện khôi phục trạng thái tham gia để được xét duyệt trúng thầu;</p> <p>32.2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương III;</p> <p>32.3. Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 3 Chương III;</p> <p>32.4. Đáp ứng điều kiện theo quy định tại <b>E-BDDL</b>;</p> <p>32.5. Đối với phương pháp giá thấp nhất: có giá dự thầu sau sửa lỗi; hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất; đối với phương pháp giá đánh giá: có giá đánh giá thấp nhất; đối với phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá: có điểm tổng hợp cao nhất; đối với phương pháp dựa trên kỹ thuật: có điểm kỹ thuật cao nhất;</p> <p>32.6. Có giá đề nghị trúng thầu không vượt giá gói thầu được phê duyệt. Đối với gói thầu xây lắp, trường hợp nhà thầu chào giá dự thầu thấp bất thường so với giá gói thầu, chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu giải trình, làm rõ tính khả thi, hợp lý của giá dự thầu đã chào để làm cơ sở đánh giá đáp ứng hoặc loại bỏ hồ sơ dự thầu theo quy định của Chính phủ.”.</p>
<p><b>33. Hủy thầu</b></p>	<p>33.1. Các trường hợp hủy thầu bao gồm:</p> <p>a) Tất cả E-HSDT không đáp ứng được các yêu cầu của E-HSMT;</p> <p>b) Thay đổi về mục tiêu, phạm vi đầu tư trong quyết định đầu tư đã được phê duyệt và các trường hợp bất khả kháng khác làm thay đổi khối lượng công việc, tiêu chuẩn đánh giá đã ghi trong E-HSMT;</p> <p>c) E-HSMT không tuân thủ quy định của Luật Đấu thầu, quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu;</p> <p>d) Nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu;</p> <p>đ) Tổ chức, cá nhân khác ngoài nhà thầu trúng thầu thực hiện hành</p>

	<p>vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.</p> <p>33.2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật về đấu thầu dẫn đến hủy thầu theo quy định tại các điểm c, d và đ Mục 33.1 E-CDNT phải đền bù chi phí cho các bên liên quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật.</p> <p>33.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại Mục này, trong thời hạn 05 ngày làm việc Chủ đầu tư phải hoàn trả hoặc giải toả bảo đảm dự thầu cho nhà thầu đã nộp bản gốc bảo đảm dự thầu, trừ trường hợp nhà thầu vi phạm quy định tại điểm d và điểm đ Mục 33.1 E-CDNT.</p>
<p><b>34. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu</b></p>	<p>34.1. Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống kèm theo báo cáo đánh giá E-HSDT trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu như sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số E-TBMT;</li> <li>- Tên gói thầu;</li> <li>- Giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt (nếu có);</li> <li>- Tên Chủ đầu tư;</li> <li>- Hình thức lựa chọn nhà thầu;</li> <li>- Loại hợp đồng;</li> <li>- Thời gian thực hiện gói thầu;</li> </ul> <p>b) Thông tin về nhà thầu trúng thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mã số thuế;</li> <li>- Tên nhà thầu;</li> <li>- Giá dự thầu;</li> <li>- Giá dự thầu sau khi hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), giảm giá (nếu có);</li> <li>- Điểm kỹ thuật (nếu có);</li> <li>- Giá đánh giá (nếu có);</li> <li>- Giá trúng thầu;</li> <li>- Thời gian thực hiện gói thầu.</li> <li>- Thời gian thực hiện hợp đồng.</li> </ul> <p>c) Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt về lý do</p>

	<p>không được lựa chọn của từng nhà thầu.</p> <p>34.2. Trường hợp có yêu cầu giải thích lý do cụ thể nhà thầu không trúng thầu, nhà thầu gửi đề nghị tới chủ đầu tư hoặc gặp trực tiếp chủ đầu tư. Chủ đầu tư có trách nhiệm trả lời yêu cầu của nhà thầu trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của nhà thầu.</p> <p>34.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 33.1 E-CDNT, trong thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu và trên Hệ thống phải nêu rõ lý do hủy thầu.</p>
<p><b>35. Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng</b></p>	<p>Sau khi Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, gửi thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng thông qua Hệ thống, bao gồm cả yêu cầu về biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng, thời gian hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo quy định tại Mẫu số 13 Chương VIII cho nhà thầu trúng thầu. Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng. Trường hợp nhà thầu trúng thầu không hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng thì nhà thầu sẽ bị loại và không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT. Thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E-HSDT được tính kể từ ngày chủ đầu tư gửi thông báo chấp thuận này cho nhà thầu trúng thầu trên Hệ thống.</p>
<p><b>36. Điều kiện ký kết hợp đồng</b></p>	<p>36.1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, E-HSDT của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.</p> <p>36.2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của E-HSMT. Trường hợp thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính theo quy định nêu trong E-HSMT thì Chủ đầu tư sẽ từ chối ký kết hợp đồng với nhà thầu. Chủ đầu tư sẽ hủy quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng trước đó và mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu tài liệu.</p> <p>36.3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán, mặt bằng thực hiện và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.</p>
<p><b>37. Bảo đảm thực hiện hợp đồng</b></p>	<p>37.1. Nhà thầu được lựa chọn phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng trước hoặc cùng thời điểm hợp đồng có hiệu lực theo quy định tại Mục 5 E-ĐKC Chương VI. Trường hợp áp dụng Bảo lãnh thực hiện hợp đồng phải sử dụng mẫu tại Chương</p>

	<p>VIII hoặc một mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận.</p> <p>37.2. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực;</p> <p>b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;</p> <p>c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.</p>
<p><b>38. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu</b></p>	<p>38.1. Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu, cơ quan, tổ chức được kiến nghị người có thẩm quyền, chủ đầu tư xem xét lại các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Điều 89 của Luật Đấu thầu.</p> <p>38.2. Trường hợp kiến nghị lên Chủ đầu tư, nhà thầu, cơ quan, tổ chức gửi kiến nghị trực tiếp trên Hệ thống. Trường hợp kiến nghị lên Người có thẩm quyền, nhà thầu gửi kiến nghị theo địa chỉ quy định tại <b>E-BDL</b>.</p>
<p><b>39. Giám sát quá trình lựa chọn nhà thầu</b></p>	<p>Khi phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp quy định của pháp luật đấu thầu, nhà thầu có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ giám sát theo quy định tại <b>E-BDL</b>.</p>

**Chương II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẦU THẦU**

<b>E-CDNT 1.1</b>	<b>Tên Chủ đầu tư:</b> Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng Long An.
<b>E-CDNT 1.2</b>	<b>Tên gói thầu:</b> Thi công xây dựng đoạn từ sông Vàm Cỏ Tây đến ĐT.827B.
<b>E-CDNT 3</b>	<b>Tên dự án:</b> Xây dựng đường dẫn vào 03 cầu trên ĐT.827E. <b>Nguồn vốn (hoặc phương thức thu xếp vốn):</b> Nguồn ngân sách tỉnh và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.
<b>E-CDNT 5.1</b> <b>(c)</b>	<p>Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp trên 30% với: <b>Chủ đầu tư:</b> Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng Long An. Số 66, đường Hùng Vương, phường Long An, tỉnh Tây Ninh.</li> <li>- Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp với các nhà thầu tư vấn; không cùng có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên, cụ thể như sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ <b>Tư vấn khảo sát lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công:</b> Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Giao thông vận tải phía Nam; Địa chỉ: 92 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh.</li> <li>+ <b>Tư vấn thẩm tra báo cáo kinh tế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán:</b> Công ty TNHH Giao thông vận tải; Địa chỉ: Nhà T2, trường Đại học Giao thông vận tải, phường Láng, thành phố Hà Nội.</li> <li>+ <b>Đơn vị thẩm định thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công:</b> Sở Xây dựng tỉnh Tây Ninh; Địa chỉ: số 4, đường Song Hành, phường Long An, tỉnh Tây Ninh.</li> <li>+ <b>Tư vấn lập E-HSMT, đánh giá E-HSDT:</b> Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hưng Long; Địa chỉ: Số 22, đường Số 4, phường Hạnh Thông, thành phố Hồ Chí Minh.</li> <li>+ <b>Đơn vị thẩm định E-HSMT, kết quả lựa chọn nhà thầu:</b> Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng Long An; Địa chỉ: Số 66, đường Hùng Vương, phường Long An, tỉnh Tây Ninh.</li> </ul> </li> <li>- Nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với nhà thầu tư vấn (đã nêu trên)<sup>1</sup>.</li> <li>- Trường hợp nhà thầu là đơn vị sự nghiệp công lập, nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với Chủ đầu tư, trừ trường hợp nhà thầu là nhà thầu là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan quản lý nhà nước có chức năng,</li> </ul>

<sup>1</sup> Chỉ đánh giá nội dung đối với nhà thầu là đơn vị sự nghiệp.

nhiệm vụ được giao phù hợp với tính chất gói thầu của cơ quan quản lý nhà nước đó; đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp có cùng một cơ quan trực tiếp quản lý, góp vốn; các đơn vị sự nghiệp công lập có cùng một cơ quan trực tiếp quản lý.

- Trường hợp nhà thầu, Chủ đầu tư, nhà thầu tư vấn là công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên trong tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước thì được tham dự thầu của nhau theo quy định của pháp luật<sup>2</sup>:

(i) Nhà thầu là công ty thành viên, công ty con của tập đoàn, tổng công ty nhà nước có ngành, nghề sản xuất, kinh doanh chính phù hợp với tính chất gói thầu của tập đoàn, tổng công ty nhà nước đó;

(ii) Nhà thầu là công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên trong tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước mà sản phẩm, dịch vụ thuộc gói thầu thuộc ngành nghề sản xuất kinh doanh chính của tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước và gói thầu này là của công ty con, công ty thành viên.

- Đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp có cùng một cơ quan trực tiếp quản lý, góp vốn khi tham dự thầu các gói thầu của nhau không phải đáp ứng quy định độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính giữa nhà thầu với chủ đầu tư.

- Tỷ lệ cổ phần, vốn góp giữa các bên được xác định tại thời điểm đóng thầu và theo tỷ lệ ghi trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập, các giấy tờ khác có giá trị tương đương.

Trường hợp nhà thầu tham dự thầu với tư cách liên danh hoặc nhà thầu tư vấn được lựa chọn với tư cách liên danh, tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong liên danh được xác định theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ sở hữu vốn} = \sum_{i=1}^n X_i \times Y_i$$

Trong đó:

$X_i$ : Tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong thành viên liên danh thứ  $i$ ;

$Y_i$ : Tỷ lệ phần trăm (%) khối lượng công việc của thành viên liên danh thứ  $i$  trong thỏa thuận liên danh;

<sup>2</sup> Trường hợp Luật Đầu thầu chưa được sửa đổi, Hệ thống trích xuất: "(i) Nhà thầu là công ty thành viên, công ty con của tập đoàn, tổng công ty nhà nước có ngành, nghề sản xuất, kinh doanh chính phù hợp với tính chất gói thầu của tập đoàn, tổng công ty nhà nước đó; (ii) Nhà thầu là công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên trong tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước mà sản phẩm, dịch vụ thuộc gói thầu thuộc ngành nghề sản xuất kinh doanh chính của tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước và gói thầu này là của công ty con, công ty thành viên." Trường hợp Luật Đầu thầu được sửa đổi, bổ sung thì Hệ thống trích xuất theo quy định của Luật Đầu thầu sửa đổi.

	n: Số thành viên tham gia trong liên danh.
<b>E-CDNT 5.1 (g)</b>	Điều kiện về cấp doanh nghiệp: <b>Không áp dụng.</b>
<b>E-CDNT 7.6</b>	Tổ chức khảo sát hiện trường: <b>Không áp dụng.</b>
<b>E-CDNT 7.7</b>	Hội nghị tiền đấu thầu: <b>Không.</b>
<b>E-CDNT 8</b>	Chi phí nộp E-HSĐT: <b>330.000 VND.</b>
<b>E-CDNT 10.8</b>	<p>Nhà thầu phải nộp cùng với E-HSĐT các tài liệu sau đây:</p> <p><b>1. Đối với kinh nghiệm thực hiện hợp đồng xây lắp tương tự:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hợp đồng thi công và các phụ lục hợp đồng liên quan, các chủ trương, pháp lý liên quan đến việc ký phụ lục (nếu có).</li> <li>- Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình để đưa vào sử dụng hoặc thanh lý hợp đồng.</li> <li>- Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công việc đã thực hiện (trong trường hợp chứng minh bằng hợp đồng hoàn thành phần lớn).</li> <li>- Tài liệu chứng minh tính tương tự của công trình.</li> <li>- Hóa đơn VAT và các tài liệu liên quan khác.</li> </ul> <p><u>Ghi chú:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Đối với hợp đồng của nhà thầu phụ cần phải có thêm hợp đồng của nhà thầu chính với chủ đầu tư, xác nhận nhà thầu phụ kèm theo xác nhận phần công việc mà nhà thầu phụ đảm nhận của chủ đầu tư trong gói thầu.</i></li> <li>- <i>Trường hợp nhà thầu chứng minh bằng những hợp đồng sử dụng vốn khác (không phải vốn Nhà nước) trong quá trình đánh giá E-HSĐT nếu phát hiện có những dấu hiệu không hợp lý hoặc dấu hiệu không thi công thực tế thì Nhà thầu phải có trách nhiệm làm rõ và cung cấp thêm tài liệu chứng minh khác theo yêu cầu của chủ đầu tư.</i></li> </ul> <p><b>2. Tài liệu chứng minh khả năng huy động nhân sự:</b> Tài liệu chứng minh nhân sự thuộc quyền quản lý của nhà thầu hoặc thỏa thuận hay cam kết của nhân sự với nhà thầu về việc tham gia công việc của gói thầu trong trường hợp nhà thầu huy động nhân sự không thuộc quyền quản lý của mình; Căn cước công dân. (Trong trường hợp huy động nhân sự không thuộc quyền quản lý của mình thì trong thỏa thuận hay cam kết cần ghi rõ nơi nhân sự đang làm việc để có thể kiểm tra xác minh).</p> <p><b>3. Tài liệu chứng minh khả năng huy động máy móc thiết bị:</b> Tài liệu chứng minh thiết bị thuộc sở hữu của nhà thầu (như hóa đơn chứng từ mua bán hay giấy đăng ký phương tiện) hoặc thỏa thuận</p>

	<p>thuê/cho thuê/chế tạo thiết bị cụ thể cho gói thầu trong trường hợp nhà thầu đi huy động thiết bị và tài liệu chứng minh thiết bị thuộc sở hữu của đơn vị cho thuê.</p> <p><b>4. Trường hợp nhà thầu liên danh:</b> Nhà thầu cần phải gửi kèm bảng phân chia từng hạng mục công việc cụ thể của thành viên trong liên danh theo các hạng mục công việc thuộc bảng giá dự thầu chi tiết của nhà thầu để chủ đầu tư có cơ sở đánh giá Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng xây lắp tương tự. Bảng phân chia này phải phù hợp với Thỏa thuận liên danh.</p> <p><b>5. Bảng dự toán phân tích chi tiết đơn giá dự thầu.</b></p> <p><b>6. Các văn bản ủy quyền của các cấp trong Ngân hàng (nếu có) để chứng minh tính hợp lệ của chữ ký trong bảo lãnh dự thầu, cam kết tín dụng.</b></p> <p><b>7. Các tài liệu khác theo yêu cầu của E-HSMT.</b></p>
<b>E-CDNT 12.1</b>	Nhà thầu <b>không được phép</b> nộp đề xuất phương án kỹ thuật thay thế.
<b>E-CDNT 17.1</b>	Thời hạn hiệu lực của E-HSDT là: <b>≥ 150 ngày</b> , kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.
<b>E-CDNT 18.2</b>	<p>Nội dung bảo đảm dự thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá trị và đồng tiền bảo đảm dự thầu: <b>3.900.000.000 VND</b>. Đối với nhà thầu có tên trong danh sách nhà thầu có các hành vi quy định tại khoản 1 Điều 18 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP và được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu với giá trị gấp 03 lần giá trị yêu cầu nêu trên trong thời hạn 02 năm kể từ lần cuối cùng thực hiện các hành vi này. Trường hợp nhà thầu liên danh, thành viên liên danh có các hành vi quy định tại khoản 1 Điều 18 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP như nêu trên phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu với giá trị gấp 03 lần giá trị bảo đảm dự thầu tương ứng với tỷ lệ giá trị công việc thành viên đó đảm nhận trong liên danh trong thời hạn 02 năm kể từ lần cuối cùng thực hiện hành vi này.</li> <li>- Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu: <b>≥ 180 ngày</b>.</li> </ul>
<b>E-CDNT 18.4</b>	Thời gian hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu đối với nhà thầu không được lựa chọn: 14 ngày, kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt.
<b>E-CDNT 27.1</b>	Các phần công việc của gói thầu không được sử dụng nhà thầu phụ bao gồm: <b>Không có</b> .

<b>E-CDNT 27.3</b>	Sử dụng nhà thầu phụ: Được sử dụng. Giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ: 20% giá dự thầu của nhà thầu.
<b>E-CDNT 27.5</b>	Sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt: <b>Không được phép.</b>
<b>E-CDNT 30.1</b>	Phương pháp đánh giá E-HSĐT là: - Đánh giá về năng lực kinh nghiệm: Đạt/Không đạt. - Đánh giá về kỹ thuật: Đạt/Không đạt. - Đánh giá về tài chính: Phương pháp giá thấp nhất.
<b>E-CDNT 30.2(đ)</b>	Xếp hạng nhà thầu: Nhà thầu có giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thầu (nếu có), trừ đi thứ nhất. Nhà thầu có giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thầu (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất.
<b>E-CDNT 32.4</b>	Nhà thầu có giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thầu (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất.
<b>E-CDNT 32.5</b>	Giá gói thầu để làm căn cứ xét duyệt trúng thầu: Giá gói thầu được phê duyệt trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Trường hợp dự toán của gói thầu được phê duyệt thấp hơn hoặc cao hơn giá gói thầu được phê duyệt thì dự toán này sẽ thay thế giá gói thầu để làm cơ sở xét duyệt trúng thầu.
<b>E-CDNT 38.2</b>	- Người có thẩm quyền: Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh. + Địa chỉ: Số 61 đường Nguyễn Huệ, phường Long An, tỉnh Tây Ninh; Điện thoại: 0272.3838.454; Fax: 0272.3821.858. + E-mail: <a href="mailto:ubnd@tayninh.gov.vn">ubnd@tayninh.gov.vn</a> .
<b>E-CDNT 39</b>	- Bộ phận thường trực giúp việc Chủ tịch Hội đồng tư vấn: Sở Tài chính tỉnh Tây Ninh; Địa chỉ: Số 61 Trương Định, phường Long An, tỉnh Tây Ninh. SĐT: 02723886009. Email: <a href="mailto:stc@tayninh.gov.vn">stc@tayninh.gov.vn</a> . Địa chỉ của tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ giám sát: Không có.

### **Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSDT**

#### **Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT**

E-HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Có bảo đảm dự thầu<sup>3</sup> không vi phạm một trong các trường hợp quy định tại Mục 18.3 E-CDNT. Thư bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có) với giá trị bảo lãnh, thời hạn có hiệu lực và đơn vị thụ hưởng theo yêu cầu của E-HSMT (đối với bảo lãnh dự thầu điện tử thì phải được ký số). Thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh không được ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT; không được kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 04A, Mẫu số 04B Chương IV). Đối với bảo lãnh dự thầu hoặc chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy, trường hợp có sự sai khác giữa thông tin về bảo đảm dự thầu mà nhà thầu kê khai trên Hệ thống và thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh dự thầu để đánh giá. Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu: bảo lãnh dự thầu điện tử hoặc bằng giấy.

Đối với gói thầu có giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng, nhà thầu có cam kết trong đơn dự thầu theo quy định tại Mục 18.7 E-CDNT.

2. Trường hợp nhà thầu liên danh thì thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện theo Mẫu số 03 Chương IV. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng tổng hợp giá dự thầu quy định tại Mẫu số 11 (11A hoặc 11B hoặc 11C hoặc 11D hoặc 11E) Chương IV hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng tổng hợp giá dự thầu; không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này.

3. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 E-CDNT.

4. Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống.

5. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về dấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu.

Nhà thầu có E-HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong bước tiếp theo.

#### **Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm**

<sup>3</sup> Trường hợp đối với gói thầu áp dụng đấu thầu trước, pháp luật không có yêu cầu nhà thầu thực hiện bảo đảm dự thầu thì bỏ khoản này.

## 2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Tiêu chuẩn đánh giá năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo Bảng số 01 Chương này và được số hóa dưới dạng webform trên Hệ thống, nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ (trừ nhà thầu phụ đặc biệt) sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSMT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

Không đưa ra yêu cầu nhà thầu đã từng thực hiện một hoặc nhiều hợp đồng trên một địa bàn cụ thể hoặc nhà thầu phải có kinh nghiệm thi công xây dựng trên một địa bàn cụ thể như là tiêu chí để loại bỏ nhà thầu.

Trường hợp đồng tiền nêu trong các hợp đồng tương tự hoặc xác nhận thanh toán của Chủ đầu tư đối với những hợp đồng xây lắp đã thực hiện hoặc tờ khai nộp thuế hoặc các tài liệu liên quan chứng minh năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu không phải VND thì khi lập E-HSMT, nhà thầu phải quy đổi về VND để làm cơ sở đánh giá E-HSMT. Việc quy đổi được áp dụng tỷ giá quy đổi của **Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)** tại ngày ký hợp đồng tương tự đó.

Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) có huy động công ty con, công ty thành viên thực hiện một phần công việc của gói thầu thì nhà thầu phải kê khai cụ thể phần công việc dành cho các công ty con, công ty thành viên theo Mẫu số 09C Chương IV. Việc đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị, khối lượng công việc do công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên đảm nhiệm trong gói thầu.

## BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm		Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp	
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 <sup>(1)</sup> đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng xây lắp, EPC, EC, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu <sup>(2)</sup> .	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 7
2	Thực hiện nghĩa vụ thuế	Đã thực hiện nghĩa vụ thuế <sup>(3)</sup> của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Cam kết trong đơn dự thầu
3	Năng lực tài chính					
3.1	Kết quả hoạt động tài chính <sup>(4)</sup>	Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu phải dương. (Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản - Tổng nợ)	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 08A
3.2	Doanh thu bình quân hằng năm	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 <sup>(5)</sup> năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 08A

	(không bao gồm thuế VAT)	có giá trị tối thiểu là <b>114.965.828.000 (6)VND.</b>	ngày	ngày	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 08B, 08C
<b>3.3</b>	<b>Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu</b>	<p>Nhà thầu phải chứng minh có khả năng tiếp cận hoặc có sẵn các tài sản có khả năng thanh khoản cao<sup>(7)</sup>, hạn mức tín dụng khả dụng (hạn mức tín dụng còn được sử dụng) hoặc các nguồn tài chính khác (không bao gồm các khoản tạm ứng thanh toán theo hợp đồng) để đáp ứng yêu về cầu nguồn lực tài chính thực hiện gói thầu với giá trị là <b>17.818.578.000 (8)VND.</b></p> <p>Đối với trường hợp nhà thầu sử dụng cam kết cung cấp tín dụng của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam thì cam kết cung cấp tín dụng phải đáp ứng các điều kiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá trị: Tối thiểu <b>17.818.578.000 VND.</b></li> <li>- Thời gian có hiệu lực của cam kết cung cấp tín dụng: có hiệu lực trong <b>730 ngày</b> kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc có hiệu lực đến ngày <b>30/9/2027.</b></li> <li>- Được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu.</li> </ul>	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng		

<p>4</p>	<p><b>Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng xây lắp tương tự<sup>(9)</sup></b></p>	<p>Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022<sup>(10)</sup> đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn<sup>(11)</sup> tối thiểu <b>02 công trình</b> có: Loại kết cấu: công trình giao thông đường bộ (phải thi công đầy đủ các thành phần chính theo thiết kế tương tự gói thầu đang xét gồm: Đường giao thông có kết cấu mặt đường bê tông nhựa (phải thi công hoàn thiện cả nền và áo đường); Hệ thống thoát nước (công tròn và hố ga), <b>cấp: III trở lên<sup>(12)</sup></b>, trong đó ít nhất một công trình có giá trị là <b>63.932.517.000 VND (V1)<sup>(13)</sup></b> và tổng giá trị tất cả các công trình <math>\geq</math> <b>127.865.035.000 VND (X1)</b>, với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh), nhà thầu quản lý<sup>(14)</sup> hoặc nhà thầu phụ. Trong đó <math>X1 = 2 \times V1</math>. Trường hợp nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc phần lớn<sup>(11)</sup> 01 công trình đáp ứng yêu cầu về loại kết cấu, cấp công trình và có giá trị <math>\geq X1</math> thì được coi là đáp ứng.</p> <p>Ngoài ra, cần cứ tính chất của gói thầu, có thể quy định điều kiện tương tự về hiện trường nhưng phải bảo đảm không làm hạn chế sự tham dự thầu của nhà thầu.</p>	<p>Phải thỏa mãn yêu cầu này</p>	<p>Phải thỏa mãn yêu cầu này</p>	<p>Phải thỏa mãn yêu cầu (tương với phần công việc đảm nhận)</p>	<p>Mẫu số 5</p>
----------	---	--	----------------------------------	----------------------------------	--	-----------------

**Ghi chú:**

(1) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường từ 03 đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Ví dụ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến thời điểm đóng thầu.

(2) Hợp đồng xây lắp, EPC, EC, PC, chia khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu bao gồm:

- Hợp đồng bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành và nhà thầu không phản đối;
- Hợp đồng bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành, không được nhà thầu chấp thuận nhưng đã được trong tài hoặc tòa án kết luận theo hướng bất lợi cho nhà thầu.

Các hợp đồng không hoàn thành không bao gồm các hợp đồng mà quyết định của Chủ đầu tư đã bị bác bỏ bằng cơ chế giải quyết tranh chấp. Việc xác định hợp đồng không hoàn thành phải dựa trên tất cả những thông tin về tranh chấp hoặc kiện tụng được giải quyết theo quy định của cơ chế giải quyết tranh chấp của hợp đồng tương ứng và khi mà nhà thầu đã hết tất cả các cơ hội có thể khiếu nại. Đối với các hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng vẫn hoàn thành hợp đồng thì không được coi là hợp đồng không hoàn thành.

Đối với nhà thầu liên danh mà chỉ có thành viên liên danh vi phạm và bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 125 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP thì thành viên liên danh còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu. Trường hợp một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng, không còn năng lực để tiếp tục thực hiện hợp đồng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ, chất lượng, hiệu quả của gói thầu thì chỉ một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng bị coi là không hoàn thành hợp đồng, thành viên còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu.

(3) Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế thu nhập cá nhân đối với nhà thầu là hộ kinh doanh) của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu (đối với trường hợp Hệ thống chưa cập nhật thông tin về nghĩa vụ nộp thuế) để đối chiếu khi được mời vào đối chiếu tài liệu. Nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế phải được thực hiện trước thời điểm đóng thầu. Nghĩa vụ nộp thuế là nộp thuế với giá trị thuế tương ứng với thuế suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế nhà thầu kê khai trên Hệ thống thuế điện tử (số thuế đã nộp tương ứng với số thuế phải nộp); trường hợp được chậm nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế theo chính sách của Nhà nước thì thực hiện theo quy định này. Trường hợp Hệ thống chưa trích xuất tự động thông tin về nghĩa vụ nộp thuế của nhà thầu thì nhà thầu nộp các tài liệu như sau:

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc
- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu vào sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính

trước năm Y (năm Y-1)

*(Ví dụ: ngày có thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu là 01/01 – 31/12 thì nhà thầu phải chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm 2022).*

(4) Việc xác định giá trị tài sản ròng được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính của nhà thầu. Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, việc xác định giá trị tài sản ròng của nhà thầu được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính năm trước của năm Y (năm Y-1, Y-2...).

*Ví dụ: Thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu là 01/01 – 31/12 và E-HSMT yêu cầu nhà thầu nộp báo cáo tài chính của 03 năm gần nhất thì việc xác định giá trị tài sản ròng của nhà thầu được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính năm 2022.*

Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh thì không đánh giá tiêu chí này.

(5) Ghi số năm yêu cầu, thông thường từ 03 năm đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu có số năm thành lập ít hơn số năm theo yêu cầu của E-HSMT thì doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên số năm mà nhà thầu thành lập. Trường hợp doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của nhà thầu đáp ứng yêu cầu về giá trị của E-HSMT thì nhà thầu vẫn được đánh giá tiếp mà không bị loại.

Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh, không bắt buộc phải nộp báo cáo tài chính nhưng nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh doanh thu tương ứng với nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu vào sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu về nộp báo cáo tài chính áp dụng đối với các năm trước của năm Y (năm Y-1, năm Y-2...).

*Ví dụ:*

- Thời điểm đóng thầu là vào ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu là 01/01 – 31/12 và E-HSMT yêu cầu nhà thầu nộp báo cáo tài chính của 03 năm gần nhất thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2020, 2021, 2022).

- Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp này, thời điểm đóng thầu là ngày 15/11/2024 thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2021, 2022, 2023. Nhà thầu được thành lập vào năm 2022 nhưng doanh thu trung bình của năm 2022 và năm 2023 đáp ứng yêu cầu thì nhà

thầu được tiếp tục đánh giá.

(6) Cách tính toán về mức yêu cầu doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT):

a) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu từ 12 tháng trở lên thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = [(Giá gói thầu – giá trị thuế VAT)/thời gian thực hiện gói thầu theo năm] x k. Thông thường yêu cầu hệ số k trong công thức này là từ 1,5 đến 2;

b) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu dưới 12 tháng thì cách tính doanh thu như sau:

**Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = (Giá gói thầu – giá trị thuế VAT) x k.**

Thông thường yêu cầu hệ số “k” trong công thức này là 1,5.

(7) Tài sản có khả năng thanh khoản cao là tiền mặt và tương đương tiền mặt, các công cụ tài chính ngắn hạn, các chứng khoán sẵn sàng để bán, chứng khoán để bán, các khoản phải thu thương mại, các khoản phải thu tài chính ngắn hạn và các tài sản khác mà có thể chuyển đổi thành tiền mặt trong vòng một năm. Trường hợp E-HSMT có yêu cầu về cam kết cung cấp tín dụng và nhà thầu sử dụng cam kết này để chứng minh nguồn lực tài chính thì nhà thầu phải đính kèm bản scan cam kết cung cấp tín dụng trong E-HSDT.

(8) Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu:

a) Đối với gói thầu có thời gian thực hiện gói thầu từ 12 tháng trở lên, yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu được xác định theo công thức sau:

**Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu = t x (Giá gói thầu/thời gian thực hiện gói thầu (tính theo tháng)).**

Thông thường yêu cầu hệ số “t” trong công thức này là 3.

b) Đối với gói thầu có thời gian thực hiện gói thầu dưới 12 tháng, yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu được xác định theo công thức sau:

**Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu = 30% x Giá gói thầu.**

(9) Trường hợp gói thầu gồm công trình và hạng mục theo quy định của pháp luật về xây dựng thì chỉ nêu yêu cầu về hợp đồng tương tự đối với công trình. Đối với các hợp đồng tương tự mà nhà thầu đã tham gia với tư cách là thành viên liên danh hoặc nhà thầu phụ thì chỉ tính giá trị phần việc do nhà thầu thực hiện.

Không xem xét, đánh giá đối với các hợp đồng mà nhà thầu đã thực hiện với tư cách nhà thầu phụ do được chuyển nhượng thầu bất hợp pháp, vi phạm quy định tại khoản 8 Điều 16 của Luật Đấu thầu.

(10) Ghi năm yêu cầu, thông thường từ 03 năm đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu.

(11) Hoàn thành toàn bộ nghĩa là đã thực hiện xong toàn bộ công việc của công trình/hạng mục và được nghiệm thu; hoàn thành phần lớn nghĩa là đã hoàn thành và được nghiệm thu ít nhất 80% khối lượng công việc của công trình/hạng mục công trình. Thời điểm xác nhận công trình/hạng mục hoàn thành để xác định công trình/hạng mục tương tự là thời điểm nghiệm thu công trình/hạng mục, không căn cứ vào thời điểm ký kết hợp đồng.

(12) Ghi loại kết cấu, cấp công trình của công trình thuộc gói thầu. Loại kết cấu, cấp công trình được xác định theo Phụ lục II Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng. Trường hợp công trình/loại kết cấu công trình thuộc gói thầu không có trong Phụ lục II Thông tư số 06/2021/TT-BXD thì E-HSMT phải đưa ra quy định tính tương tự về bản chất của công trình; riêng đối với cấp công trình được xác định theo Phụ lục I Thông tư số 06/2021/TT-BXD. Trường hợp Thông tư số 06/2021/TT-BXD được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì việc xác định loại, cấp công trình thực hiện theo quy định tại Thông tư sửa đổi, bổ sung, thay thế Thông tư số 06/2021/TT-BXD.

Loại kết cấu, cấp công trình của nhà thầu thực hiện được xác định theo quy định của pháp luật xây dựng tại thời điểm phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình.

(13) Ghi giá trị của V, V1, V2, V3. Trong đó:

- V có giá trị thông thường khoảng 50% giá trị công việc xây lắp của công trình thuộc gói thầu đang xét (công trình A). Đối với các công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế, có thể yêu cầu giá trị V trong khoảng 40% - 50% giá trị công việc xây lắp của công trình A.

- V1, V2, V3... có giá trị thông thường khoảng 50% giá trị của từng công trình/hạng mục tương ứng (A1, A2, A3...) thuộc gói thầu đang xét (bao gồm thuế, phí, lệ phí và chi phí dự phòng nếu có). Đối với các công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế, có thể yêu cầu giá trị V1, V2, V3... trong khoảng 40% - 50% giá trị của công trình/hạng mục A1, A2, A3...

- Việc đánh giá về giá trị của các công trình/hạng mục mà nhà thầu đã thực hiện, Tổ chuyên gia căn cứ vào giá trị hoàn thành, được nghiệm thu của công trình/hạng mục đó. Thời điểm xác nhận công trình/hạng mục hoàn thành để xác định công trình/hạng mục

trương tự là thời điểm nghiệm thu công trình/hạng mục, không căn cứ vào thời điểm ký kết hợp đồng.

(Hai công trình có cấp thấp hơn liên kế với cấp của công trình đang xét, giá trị hoàn thành mỗi công trình cấp thấp hơn liên kế bằng hoặc lớn hơn 50% giá trị của công trình đang xét thì được đánh giá là một công trình xây lắp tương tự).

- Các công trình/hạng mục tương tự mà nhà thầu đã hoàn thành có thể thuộc một hoặc nhiều hợp đồng (hợp đồng có thể đang thực hiện, chưa thanh lý).

- Đối với gói thầu gồm tổ hợp nhiều công trình theo pháp luật về xây dựng, Chủ đầu tư có thể yêu cầu phải hoàn thành công trình/hạng mục tương tự cho tất cả các công trình/hạng mục trong gói thầu hoặc chỉ yêu cầu hoàn thành công trình/hạng mục tương tự đối với một số công trình/hạng mục chính, trường hợp có một số công trình có cùng loại kết cấu thì chỉ yêu cầu về công trình/hạng mục tương tự đối với cùng loại kết cấu mà có cấp công trình cao nhất (trường hợp có nhiều công trình cùng loại kết cấu và cấp công trình thì giá trị hợp đồng tương tự được tính theo công trình có giá trị cao nhất). Công trình/hạng mục mà nhà thầu đã hoàn thành có cùng loại kết cấu và có cấp công trình cao hơn cấp công trình của gói thầu đang xét thì được coi là đáp ứng yêu cầu về loại kết cấu và cấp công trình.

Loại kết cấu, cấp công trình của công trình tương tự được xác định theo quy định của pháp luật xây dựng tại thời điểm phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình.

*Ví dụ: Đối với gói thầu xây dựng "Trường trung học phổ thông A", bao gồm tổ hợp các công trình:*

+ Nhà A1 (Nhà học): Cao 10 tầng, tổng diện tích sàn 8.000 m<sup>2</sup>, có giá trị theo dự toán được duyệt là (2X) VND. Nhà A1 là công trình kết cấu dạng nhà cấp II theo quy định của Thông tư số 06/2021/TT-BXD.

+ Nhà A2 (Nhà học): Cao 10 tầng, tổng diện tích sàn 5.000 m<sup>2</sup>, có giá trị theo dự toán được duyệt là (X) VND. Nhà A1 là công trình kết cấu dạng nhà cấp II theo quy định của Thông tư số 06/2021/TT-BXD.

+ Nhà A3 (Nhà học): Cao 6 tầng, tổng diện tích sàn 1.000 m<sup>2</sup>, có giá trị theo dự toán được duyệt là (Y) VND. Nhà A2 là công trình kết cấu dạng nhà cấp III theo quy định của Thông tư số 06/2021/TT-BXD.

+ Hàng rào bảo vệ: Cao 3 m

+ Nhà bảo vệ: Cao 1 tầng, diện tích sàn 12 m<sup>2</sup>

*Trong E-HSMT có thể quy định kinh nghiệm thi công công trình tương tự là: “nhà thầu đã hoàn thành công trình xây dựng nhà, kết cấu dạng nhà cấp II, có giá trị tối thiểu là 50% x (2X) VND” mà không phải quy định nhà thầu phải có kinh nghiệm thực hiện cả các công trình xây dựng nhà A2, A3, hàng rào bảo vệ, nhà bảo vệ.*

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà có thể yêu cầu tương tự về điều kiện hiện trường.

(14) Nhà thầu quản lý là nhà thầu không trực tiếp thực hiện một phần hoặc toàn bộ công việc của gói thầu mà ký hợp đồng với các nhà thầu khác để thực hiện nhưng nhà thầu vẫn quản lý việc thực hiện của các nhà thầu mà mình đã ký hợp đồng, đồng thời vẫn chịu toàn bộ trách nhiệm cũng như rủi ro liên quan đến giá thành, tiến độ thực hiện, chất lượng và các nội dung khác của gói thầu.

## 2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực kỹ thuật

### a) Nhân sự chủ chốt:

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu và pháp luật về xây dựng mà chủ đầu tư đưa ra yêu cầu về nhân sự chủ chốt trong E-HSMT cho phù hợp như chỉ huy trưởng công trường, cán bộ phụ trách kỹ thuật, an toàn lao động và các vị trí công việc quan trọng khác. E-HSMT không được yêu cầu về nhân sự chủ chốt đối với các vị trí công nhân kỹ thuật, lao động phổ thông.

Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất và hồ sơ kinh nghiệm của nhân sự theo các Mẫu số 06A, 06B và 06C Chương IV. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu đề xuất trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự chủ chốt trong thời hạn phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai nhân sự không trung thực thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 125 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

Kinh nghiệm trong các công việc tương tự được thể hiện ở số năm tối thiểu nhân sự thực hiện các công việc tương tự hoặc số hợp đồng tối thiểu trong các công việc tương tự. Số năm kinh nghiệm của nhân sự chủ chốt được tính từ thời điểm nhân sự bắt đầu thực hiện công việc tương tự đó đến thời điểm đóng thầu. Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất tại các Mẫu số 06A, 06B và 06C Chương IV để chứng minh rằng mình có đầy đủ nhân sự cho các vị trí chủ chốt đáp ứng những yêu cầu sau đây:

**Bảng số 02: Yêu cầu về nhân sự chủ chốt**

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Chứng chỉ, trình độ chuyên môn <sup>(1)</sup>
1.	<p><b>Chỉ huy trưởng công trường</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Tài liệu về chuyên môn:</b> Bằng cấp, chứng chỉ, chứng nhận còn hiệu lực theo yêu cầu của E-HSMT.</li> <li>- <b>Tài liệu về công trình/hợp đồng chứng minh kinh nghiệm trong các công việc tương tự:</b> Hợp đồng chứng minh kinh nghiệm trong các công việc tương tự; biên bản nghiệm thu hoặc thanh lý hoặc xác nhận hoàn thành công việc của chủ đầu tư; xác nhận của chủ đầu tư về sự tham gia của nhân sự kèm theo quyết định thành lập ban chỉ huy công trình; tài liệu chứng minh loại, cấp công trình.</li> <li>- <b>Tài liệu khác:</b> Quy định tại điểm 2, mục E-CDNT 10.8 thuộc chương II của E-HSMT.</li> </ul> <p>Trưởng hợp liên danh: từng thành viên trong liên danh phải đề xuất chỉ huy trưởng riêng cho phần công việc mà trưởng đề xuất phải tương ứng với số lượng thành viên trong liên danh.</p>	01	tối thiểu 07 năm hoặc tối thiểu 01 hợp đồng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông hoặc Xây dựng cầu đường.</li> <li>- Có Giấy chứng nhận huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động còn hiệu lực.</li> <li><i>Ghi chú về Kinh nghiệm trong các công việc tương tự (Tối thiểu 07 năm hoặc 01 hợp đồng) được hiểu như sau:</i></li> <li>- <b>Tối thiểu 07 năm:</b> Tính từ thời điểm nhân sự bắt đầu thực hiện công việc tương tự đó đến thời điểm đóng thầu (Cộng dồn thời gian thực tế nhân sự đảm nhận dựa trên các hợp đồng chứng minh).</li> <li>- <b>Tối thiểu 01 hợp đồng:</b> Mỗi hợp đồng tương ứng 01 công trình trong trường hợp 01 công trình nhưng ký thành nhiều hợp đồng khác nhau thì được xem xét cộng các hợp đồng này thành 01 hợp đồng tương tự.</li> <li>- <b>Công việc tương tự:</b> Là công việc nhân sự đảm nhận vị trí Chỉ huy trưởng công trường (phải đảm bảo nhân sự tham gia <math>\geq 80\%</math> trên tổng thời gian từ khi thi công đến khi hoàn thành, các công trình nhân sự không đáp ứng điều kiện trên sẽ không được xem xét) và đáp ứng tinh chất tương tự như sau: Thi công xây dựng công trình giao thông cấp III trở lên, trong đó phải có thi công đầy đủ: Đường giao thông có kết cấu mặt đường bê tông nhựa (phải thi công</li> </ul>

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Chứng chỉ, trình độ chuyên môn <sup>(1)</sup>
2.	<p>Cán bộ phụ trách kỹ thuật thi công công tác xây dựng đường giao thông</p> <p>- <b>Tài liệu về chuyên môn:</b> Bảng cấp, chứng chỉ, chứng nhận còn hiệu lực theo yêu cầu của E-HSMT.</p> <p>- <b>Tài liệu về công trình/hợp đồng chứng minh kinh nghiệm trong các công việc tương tự:</b> Hợp đồng chứng minh kinh nghiệm trong các công việc tương tự; biên bản nghiệm thu hoặc thanh lý hoặc xác nhận hoàn thành công việc của chủ đầu tư; xác nhận của chủ đầu tư về sự tham gia của nhân sự kèm theo quyết định thành lập ban chỉ huy công trình; tài liệu chứng minh loại, cấp công trình.</p> <p>- <b>Tài liệu khác:</b> Quy định tại điểm 2, mục E-CDNT 10.8 thuộc chương II của E-HSMT.</p>	04	<p>tối thiểu 05 năm hoặc</p> <p>tối thiểu 01 hợp đồng</p>	<p>hoàn thiện cả nền và áo đường); Hệ thống thoát nước (công tròn và hố ga);</p> <p>Trường hợp liên danh: Kinh nghiệm trong công việc tương tự của chỉ huy trưởng thuộc từng thành viên liên danh phải đáp ứng tương ứng với phần công việc thành viên đó đảm nhận</p> <p>- Tốt nghiệp cao đẳng trở lên thuộc một trong các chuyên ngành: Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông hoặc Xây dựng cầu đường.</p> <p>- Có Giấy chứng nhận huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động còn hiệu lực.</p> <p><i>Ghi chú về Kinh nghiệm trong các công việc tương tự (Tối thiểu 05 năm hoặc 01 hợp đồng) được hiểu như sau:</i></p> <p>- <b>Tối thiểu 05 năm:</b> Tính từ thời điểm nhân sự bắt đầu thực hiện công việc tương tự đó đến thời điểm đóng thầu (Công đơn thời gian thực tế nhân sự đảm nhận dựa trên các hợp đồng chứng minh).</p> <p>- <b>Tối thiểu 01 hợp đồng:</b> Mỗi hợp đồng tương ứng 01 công trình trong trường hợp 01 công trình nhưng ký thành nhiều hợp đồng khác nhau thì được xem xét cộng các hợp đồng này thành 01 hợp đồng tương tự.</p> <p>- <b>Công việc tương tự:</b> Là công việc nhân sự đảm nhận ở vị trí tương tự (phải đảm bảo nhân sự tham gia <math>\geq 80\%</math> trên tổng thời gian từ khi thi</p>

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Chứng chỉ, trình độ chuyên môn <sup>(1)</sup>
3.	<p><b>Cán bộ phụ trách kỹ thuật thi công công tác xây dựng hệ thống thoát nước</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Tài liệu về chuyên môn:</b> Bảng cấp, chứng chỉ, chứng nhận còn hiệu lực theo yêu cầu của E-HSMT.</li> <li>- <b>Tài liệu về công trình/hợp đồng chứng minh kinh nghiệm trong các công việc tương tự:</b> Hợp đồng chứng minh kinh nghiệm trong các công việc tương tự; biên bản nghiệm thu hoặc thanh lý hoặc xác nhận hoàn thành công việc của chủ đầu tư; xác nhận của chủ đầu tư về sự tham gia của nhân sự kèm theo quyết định thành lập ban chỉ huy công trình; tài liệu chứng minh loại, cấp công trình.</li> <li>- <b>Tài liệu khác:</b> Quy định tại điểm 2, mục E-CDNT 10.8 thuộc chương II của E-HSMT.</li> </ul>	02	<p>tối thiểu 05 năm hoặc tối thiểu 01 hợp đồng</p>	<p>công đến khi hoàn thành, các công trình nhân sự không đáp ứng điều kiện trên sẽ không được xem xét) và đáp ứng tinh chất tương tự như sau: Đường giao thông cấp III trở lên phải thi công đầy đủ: Đường giao thông có kết cấu mặt đường bê tông nhựa (phải thi công hoàn thiện cả nền và áo đường).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tốt nghiệp cao đẳng trở lên thuộc một trong các chuyên ngành: Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông hoặc Xây dựng cầu đường hoặc hạ tầng kỹ thuật hoặc kỹ thuật đô thị hoặc thoát nước.</li> <li>- Có Giấy chứng nhận huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động còn hiệu lực.</li> </ul> <p><i>Ghi chú về Kinh nghiệm trong các công việc tương tự (Tối thiểu 05 năm hoặc 01 hợp đồng) được hiểu như sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Tối thiểu 05 năm:</b> Tính từ thời điểm nhân sự bắt đầu thực hiện công việc tương tự đó đến thời điểm đóng thầu (Công đơn thời gian thực tế nhân sự đảm nhận dựa trên các hợp đồng chứng minh).</li> <li>- <b>Tối thiểu 01 hợp đồng:</b> Mỗi hợp đồng tương ứng 01 công trình trong trường hợp 01 công trình nhưng ký thành nhiều hợp đồng khác nhau thì được xem xét công các hợp đồng này thành 01 hợp đồng tương tự.</li> </ul>

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Chứng chỉ, trình độ chuyên môn <sup>(1)</sup>
4.	<p><b>Cán bộ phụ trách kỹ thuật thi công công tác trắc đạc, quan trắc</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Tài liệu về chuyên môn:</b> Bằng cấp, chứng chỉ, chứng nhận còn hiệu lực theo yêu cầu của E-HSMT.</li> <li>- <b>Tài liệu về công trình/hợp đồng chứng minh kinh nghiệm trong các công việc tương tự:</b> Hợp đồng chứng minh kinh nghiệm trong các công việc tương tự; biên bản nghiệm thu hoặc thanh lý hoặc xác nhận hoàn thành công việc của chủ đầu tư; xác nhận của chủ đầu tư về sự tham gia của nhân sự kèm theo quyết định thành lập ban chỉ huy công trình; tài liệu chứng minh loại, cấp công trình.</li> <li>- <b>Tài liệu khác:</b> Quy định tại điểm 2, mục E-CDNT 10.8 thuộc chương II của E-</li> </ul>	01	<p>tối thiểu 05 năm hoặc</p> <p>tối thiểu 01 hợp đồng</p>	<p>- Công việc tương tự: Là công việc nhân sự đảm nhận ở vị trí tương tự (phải đảm bảo nhân sự tham gia <math>\geq 80\%</math> trên tổng thời gian từ khi thi công đến khi hoàn thành, các công trình nhân sự không đáp ứng điều kiện trên sẽ không được xem xét) và đáp ứng tinh chất tương tự như sau: Thi công xây dựng công trình giao thông hoặc hạ tầng kỹ thuật cấp III trở lên, trong đó phải có thi công hạng mục: Hệ thống thoát nước (công tròn và hồ ga).</p> <p>- Tốt nghiệp cao đẳng trở lên thuộc một trong các chuyên ngành: Xây dựng cầu đường hoặc Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông hoặc Trắc đạc hoặc Trắc địa hoặc địa chính.</p> <p>- Bằng điểm/phụ lục văn bằng có môn học trắc đạc hoặc trắc địa hoặc có chứng chỉ hành nghề liên quan đến trắc đạc (nếu nhân sự không phải chuyên ngành Trắc đạc hoặc Trắc địa hoặc địa chính),</p> <p>- Có Giấy chứng nhận huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động còn hiệu lực.</p> <p><i>Ghi chú về Kinh nghiệm trong các công việc tương tự (Tối thiểu 05 năm hoặc 01 hợp đồng) được hiểu như sau:</i></p> <p>- <i>Tối thiểu 05 năm:</i> Tính từ thời điểm nhân sự bắt đầu thực hiện công việc tương tự đó đến thời điểm đóng thầu (Công tròn thời gian thực</p>

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Chứng chỉ, trình độ chuyên môn <sup>(1)</sup>
	HSMT.			<p>tế nhân sự đảm nhận dựa trên các hợp đồng chứng minh).</p> <p>- Tối thiểu 01 hợp đồng: Mỗi hợp đồng tương ứng 01 công trình trong trường hợp 01 công trình nhưng ký thành nhiều hợp đồng khác nhau thì được xem xét cộng các hợp đồng này thành 01 hợp đồng tương tự.</p> <p>- Công việc tương tự: Là công việc nhân sự đảm nhận ở vị trí tương tự (phải đảm bảo nhân sự tham gia <math>\geq 80\%</math> trên tổng thời gian từ khi thi công đến khi hoàn thành, các công trình nhân sự không đáp ứng điều kiện trên sẽ không được xem xét) và đáp ứng tính chất tương tự như sau: Thi công xây dựng công trình giao thông cấp III trở lên.</p>
5.	<p>Cán bộ phụ trách an toàn trong thi công xây dựng</p> <p>- Tài liệu về chuyên môn: Bằng cấp, chứng chỉ, chứng nhận còn hiệu lực theo yêu cầu của E-HSMT.</p> <p>- Tài liệu về công trình/hợp đồng chứng minh kinh nghiệm trong các công việc tương tự: Hợp đồng chứng minh kinh nghiệm trong các công việc tương tự; biên bản nghiệm thu hoặc thanh lý hoặc xác nhận hoàn thành công việc của chủ đầu</p>	01	tối thiểu 05 năm hoặc tối thiểu 01 hợp đồng	<p>- Tốt nghiệp cao đẳng trở lên thuộc một trong các chuyên ngành: An toàn lao động hoặc Bảo hộ lao động hoặc Xây dựng cầu đường hoặc Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông.</p> <p>- Có chứng nhận huấn luyện an toàn lao động, về sinh lao động nhóm 2 còn hiệu lực theo quy định (Đối với nhân sự không thuộc chuyên ngành An toàn lao động/Bảo hộ lao động).</p> <p>Ghi chú về Kinh nghiệm trong các công việc tương tự (Tối thiểu 05 năm hoặc 01 hợp đồng) được hiểu như sau:</p>

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Chứng chỉ, trình độ chuyên môn <sup>(1)</sup>
	<p>tư; xác nhận của chủ đầu tư về sự tham gia của nhân sự kèm theo quyết định thành lập ban chỉ huy công trình; tài liệu chứng minh loại, cấp công trình.</p> <p>- <b>Tài liệu khác:</b> Quy định tại điểm 2, mục E-CDNT 10.8 thuộc chương II của E-HSMT.</p>			<p>- Tối thiểu 05 năm: Tính từ thời điểm nhân sự bắt đầu thực hiện công việc tương tự đó đến thời điểm đóng thầu (Cộng dồn thời gian thực tế nhân sự đảm nhận dựa trên các hợp đồng chứng minh).</p> <p>- Tối thiểu 01 hợp đồng: Mỗi hợp đồng tương ứng 01 công trình trong trường hợp 01 công trình nhưng ký thành nhiều hợp đồng khác nhau thì được xem xét cộng các hợp đồng này thành 01 hợp đồng tương tự.</p> <p>- Công việc tương tự: Là công việc nhân sự đảm nhận ở vị trí tương tự (phải đảm bảo nhân sự tham gia <math>\geq 80\%</math> trên tổng thời gian từ khi thi công đến khi hoàn thành, các công trình nhân sự không đáp ứng điều kiện trên sẽ không được xem xét) và đáp ứng tinh chất tương tự như sau: Thi công xây dựng công trình giao thông cấp III trở lên.</p>
6.	<p>Cán bộ phụ trách quản lý khối lượng, tiến độ thi công xây dựng, quản lý hồ sơ thi công xây dựng công trình</p> <p>- <b>Tài liệu về chuyên môn:</b> Bằng cấp, chứng chỉ, chứng nhận còn hiệu lực theo yêu cầu của E-HSMT.</p> <p>- <b>Tài liệu về công trình/hợp đồng chứng minh kinh nghiệm trong các công việc tương tự:</b> Hợp đồng chứng minh kinh</p>	01	tối thiểu 05 năm hoặc tối thiểu 01 hợp đồng	<p>Tốt nghiệp cao đẳng trở lên thuộc một trong các chuyên ngành: Kinh tế xây dựng hoặc Quản lý xây dựng hoặc Xây dựng cầu đường hoặc Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông.</p> <p><i>Ghi chú về Kinh nghiệm trong các công việc tương tự (Tối thiểu 05 năm hoặc 01 hợp đồng) được hiểu như sau:</i></p> <p>- Tối thiểu 05 năm: Tính từ thời điểm nhân sự bắt đầu thực hiện công việc tương tự đó đến</p>

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Chứng chỉ, trình độ chuyên môn <sup>(1)</sup>
	<p>nghiệm trong các công việc tương tự; biên bản nghiệm thu hoặc thanh lý hoặc xác nhận hoàn thành công việc của chủ đầu tư; xác nhận của chủ đầu tư về sự tham gia của nhân sự kèm theo quyết định thành lập ban chỉ huy công trình; tài liệu chứng minh loại, cấp công trình.</p> <p>- <b>Tài liệu khác:</b> Quy định tại điểm 2, mục E-CDNT 10.8 thuộc chương II của E-HSMT.</p>			<p>thời điểm đóng thầu (Cộng dồn thời gian thực tế nhân sự đảm nhận dựa trên các hợp đồng chứng minh).</p> <p>- Tối thiểu 01 hợp đồng: Mỗi hợp đồng tương ứng 01 công trình trong trường hợp 01 công trình nhưng ký thành nhiều hợp đồng khác nhau thì được xem xét cộng các hợp đồng này thành 01 hợp đồng tương tự.</p> <p>- Công việc tương tự: Là công việc nhân sự đảm nhận ở vị trí tương tự (phải đảm bảo nhân sự tham gia <math>\geq 80\%</math> trên tổng thời gian từ khi thi công đến khi hoàn thành, các công trình nhân sự không đáp ứng điều kiện trên sẽ không được xem xét) và đáp ứng tính chất tương tự như sau: Thi công xây dựng công trình giao thông cấp III trở lên.</p>

**Ghi chú:**

(1) Trường hợp pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực có yêu cầu về điều kiện hành nghề đối với vị trí công việc nêu tại Bảng này trong đó có nêu rõ yêu cầu về cấp công trình thi cấp công trình theo hợp đồng mà nhân sự chủ chốt đã tham gia được xác định theo quy định của pháp luật xây dựng tại thời điểm phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình theo hợp đồng này.

(2) Chỉ quy định trong trường hợp pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực có yêu cầu về bằng cấp/chứng chỉ chuyên môn.

**b) Thiết bị thi công chủ yếu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu**

Căn cứ quy định của pháp luật về xây dựng, Chủ đầu tư đưa ra các yêu cầu về thiết bị thi công chủ yếu dự kiến huy động và số lượng để thực hiện gói thầu cho phù hợp. Chỉ quy định về thiết bị thi công chủ yếu đối với các thiết bị quan trọng, đặc chủng, đặc thù bắt buộc phải có để triển khai thi công gói thầu. Thiết bị thi công chủ yếu có thể của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp thiết bị thi công chủ yếu mà nhà thầu kê khai trong E-HSMT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động thiết bị (bao gồm cả trường hợp thiết bị đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng thiết bị trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có thiết bị thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai thiết bị không trung thực thì nhà thầu không được thay thế thiết bị khác, E-HSMT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 125 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các Thiết bị thi công chủ yếu được đề xuất theo Mẫu số 06D Chương IV để chứng minh rằng mình có đầy đủ thiết bị đáp ứng những yêu cầu sau đây:

**Bảng số 03: Yêu cầu về thiết bị thi công chủ yếu**

STT	Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị	Số lượng tối thiểu cần có
1.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Loại thiết bị: Ô tô tự đổ.</li> <li>- Đặc điểm thiết bị: Tải trọng hàng hóa <math>\geq 10</math> tấn.</li> </ul> <p><b>Tài liệu chứng minh đặc điểm thiết bị và đảm bảo khả năng hoạt động:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tài liệu chứng minh đặc điểm thiết bị (công suất, tính năng) đáp ứng yêu cầu của E-HSMT: Như catalogue thông số kỹ thuật thiết bị hoặc tài liệu kỹ thuật của thiết bị hoặc các giấy kiểm tra kiểm định có thể hiện các thông số kỹ thuật theo yêu cầu;</li> <li>- Tài liệu chứng minh đảm bảo khả năng hoạt động: Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ còn hiệu lực đến thời điểm đóng thầu.</li> <li>- Tài liệu khác theo yêu cầu tại điểm 3, mục E-CDNT 10.8 thuộc chương II của E-HSMT.</li> </ul>	<b>05</b>
2.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Loại thiết bị: Ô tô tưới nước.</li> <li>- Đặc điểm thiết bị: Tải trọng hàng <math>\geq 5</math> tấn hoặc có dung tích bồn chứa <math>\geq 5</math> m<sup>3</sup>.</li> </ul> <p><b>Tài liệu chứng minh đặc điểm thiết bị và đảm bảo khả năng hoạt động:</b></p>	<b>02</b>

STT	Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị	Số lượng tối thiểu cần có
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tài liệu chứng minh đặc điểm thiết bị (công suất, tính năng) đáp ứng yêu cầu của E-HSMT: Như catalogue thông số kỹ thuật thiết bị hoặc tài liệu kỹ thuật của thiết bị hoặc các giấy kiểm tra kiểm định có thể hiện các thông số kỹ thuật theo yêu cầu;</li> <li>- Tài liệu chứng minh đảm bảo khả năng hoạt động: Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ còn hiệu lực đến thời điểm đóng thầu.</li> <li>- Tài liệu khác theo yêu cầu tại điểm 3, mục E-CDNT 10.8 thuộc chương II của E-HSMT.</li> </ul>	
3.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Loại thiết bị: Máy đào</b></li> <li>- <b>Đặc điểm thiết bị: Dung tích gàu <math>\geq 0,8 \text{ m}^3</math></b></li> <li><b>Tài liệu chứng minh đặc điểm thiết bị và đảm bảo khả năng hoạt động:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tài liệu chứng minh đặc điểm thiết bị (công suất, tính năng) đáp ứng yêu cầu của E-HSMT: Như catalogue thông số kỹ thuật thiết bị hoặc tài liệu kỹ thuật của thiết bị hoặc các giấy kiểm tra kiểm định có thể hiện các thông số kỹ thuật theo yêu cầu;</li> <li>- Tài liệu chứng minh đảm bảo khả năng hoạt động: Giấy kiểm định còn hiệu lực.</li> <li>- Tài liệu khác theo yêu cầu tại điểm 3, mục E-CDNT 10.8 thuộc chương II của E-HSMT.</li> </ul> </li> </ul>	<b>03</b>
4.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Loại thiết bị: Cản cầu hoặc cản trục</b></li> <li>- <b>Đặc điểm thiết bị: Sức nâng hoặc tải trọng làm việc <math>\geq 06 \text{ tấn}</math>.</b></li> <li><b>Tài liệu chứng minh đặc điểm thiết bị và đảm bảo khả năng hoạt động:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tài liệu chứng minh đặc điểm thiết bị (công suất, tính năng) đáp ứng yêu cầu của E-HSMT: Như catalogue thông số kỹ thuật thiết bị hoặc tài liệu kỹ thuật của thiết bị hoặc các giấy kiểm tra kiểm định có thể hiện các thông số kỹ thuật theo yêu cầu;</li> <li>- Tài liệu chứng minh đảm bảo khả năng hoạt động: Giấy kiểm định còn hiệu lực.</li> <li>- Tài liệu khác theo yêu cầu tại điểm 3, mục E-CDNT 10.8 thuộc chương II của E-HSMT.</li> </ul> </li> </ul>	<b>02</b>
5.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Loại thiết bị: Máy ủi</b></li> <li>- <b>Đặc điểm thiết bị: Công suất <math>\geq 110 \text{ CV}</math></b></li> <li><b>Tài liệu chứng minh đặc điểm thiết bị và đảm bảo khả năng hoạt động:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tài liệu chứng minh đặc điểm thiết bị (công suất, tính năng) đáp ứng yêu cầu của E-HSMT: Như catalogue thông số kỹ thuật thiết bị hoặc tài liệu kỹ thuật của thiết bị hoặc các giấy kiểm tra kiểm</li> </ul> </li> </ul>	<b>01</b>

STT	Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị	Số lượng tối thiểu cần có
	<p>định có thể hiện các thông số kỹ thuật theo yêu cầu;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tài liệu chứng minh đảm bảo khả năng hoạt động: Giấy kiểm định còn hiệu lực.</li> <li>- Tài liệu khác theo yêu cầu tại điểm 3, mục E-CDNT 10.8 thuộc chương II của E-HSMT.</li> </ul>	
6.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Loại thiết bị: Máy san</li> <li>- Đặc điểm thiết bị: Công suất <math>\geq 110</math> CV</li> </ul> <p><b>Tài liệu chứng minh đặc điểm thiết bị và đảm bảo khả năng hoạt động:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tài liệu chứng minh đặc điểm thiết bị (công suất, tính năng) đáp ứng yêu cầu của E-HSMT: Như catalogue thông số kỹ thuật thiết bị hoặc tài liệu kỹ thuật của thiết bị hoặc các giấy kiểm tra kiểm định có thể hiện các thông số kỹ thuật theo yêu cầu;</li> <li>- Tài liệu chứng minh đảm bảo khả năng hoạt động: Giấy kiểm định còn hiệu lực.</li> <li>- Tài liệu khác theo yêu cầu tại điểm 3, mục E-CDNT 10.8 thuộc chương II của E-HSMT.</li> </ul>	01
7.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Loại thiết bị: Máy lu bánh sắt/thép</li> <li>- Đặc điểm thiết bị: Tải trọng <math>\geq 10</math> tấn.</li> </ul> <p><b>Tài liệu chứng minh đặc điểm thiết bị và đảm bảo khả năng hoạt động:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tài liệu chứng minh đặc điểm thiết bị (công suất, tính năng) đáp ứng yêu cầu của E-HSMT: Như catalogue thông số kỹ thuật thiết bị hoặc tài liệu kỹ thuật của thiết bị hoặc các giấy kiểm tra kiểm định có thể hiện các thông số kỹ thuật theo yêu cầu;</li> <li>- Tài liệu chứng minh đảm bảo khả năng hoạt động: Giấy kiểm định còn hiệu lực.</li> <li>- Tài liệu khác theo yêu cầu tại điểm 3, mục E-CDNT 10.8 thuộc chương II của E-HSMT.</li> </ul>	03
8.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Loại thiết bị: Máy lu bánh hơi (bánh lốp)</li> <li>- Đặc điểm thiết bị: Tải trọng <math>\geq 16</math> tấn.</li> </ul> <p><b>Tài liệu chứng minh đặc điểm thiết bị và đảm bảo khả năng hoạt động:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tài liệu chứng minh đặc điểm thiết bị (công suất, tính năng) đáp ứng yêu cầu của E-HSMT: Như catalogue thông số kỹ thuật thiết bị hoặc tài liệu kỹ thuật của thiết bị hoặc các giấy kiểm tra kiểm định có thể hiện các thông số kỹ thuật theo yêu cầu;</li> <li>- Tài liệu chứng minh đảm bảo khả năng hoạt động: Giấy kiểm định còn hiệu lực.</li> <li>- Tài liệu khác theo yêu cầu tại điểm 3, mục E-CDNT 10.8 thuộc</li> </ul>	03

STT	Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị	Số lượng tối thiểu cần có
	<p><i>Chương II của E-HSMT.</i></p>	
9.	<p>- Loại thiết bị: Máy lu rung                      - Đặc điểm thiết bị: Tải trọng hoặc lực rung <math>\geq 25</math> tấn.                      Tài liệu chứng minh đặc điểm thiết bị và đảm bảo khả năng hoạt động:                      - Tài liệu chứng minh đặc điểm thiết bị (công suất, tính năng) đáp ứng yêu cầu của E-HSMT: Như catalogue thông số kỹ thuật thiết bị hoặc tài liệu kỹ thuật của thiết bị hoặc các giấy kiểm tra kiểm định có thể hiện các thông số kỹ thuật theo yêu cầu;                      - Tài liệu chứng minh đảm bảo khả năng hoạt động: Giấy kiểm định còn hiệu lực.                      - Tài liệu khác theo yêu cầu tại điểm 3, mục E-CDNT 10.8 thuộc chương II của E-HSMT.</p>	03
10.	<p>- Loại thiết bị: Máy phun tưới nhựa đường hoặc ô tô tưới nhựa đường                      - Đặc điểm thiết bị: Công suất <math>\geq 190</math> CV hoặc tải trọng hàng <math>\geq 07</math> tấn.                      Tài liệu chứng minh đặc điểm thiết bị và đảm bảo khả năng hoạt động:                      - Tài liệu chứng minh đặc điểm thiết bị (công suất, tính năng) đáp ứng yêu cầu của E-HSMT: Như catalogue thông số kỹ thuật thiết bị hoặc tài liệu kỹ thuật của thiết bị hoặc các giấy kiểm tra kiểm định có thể hiện các thông số kỹ thuật theo yêu cầu;                      - Tài liệu chứng minh đảm bảo khả năng hoạt động: Giấy kiểm định còn hiệu lực (áp dụng với máy phun tưới nhựa đường) hoặc Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ còn hiệu lực (áp dụng đối với ô tô tưới nhựa đường).                      - Tài liệu khác theo yêu cầu tại điểm 3, mục E-CDNT 10.8 thuộc chương II của E-HSMT.</p>	02
11.	<p>- Loại thiết bị: Máy rải cấp phối đá dăm                      - Đặc điểm thiết bị: Công suất <math>\geq 50</math>m<sup>3</sup>/h.                      Tài liệu chứng minh đặc điểm thiết bị và đảm bảo khả năng hoạt động:                      - Tài liệu chứng minh đặc điểm thiết bị (công suất, tính năng) đáp ứng yêu cầu của E-HSMT: Như catalogue thông số kỹ thuật thiết bị hoặc tài liệu kỹ thuật của thiết bị hoặc các giấy kiểm tra kiểm định có thể hiện các thông số kỹ thuật theo yêu cầu;                      - Tài liệu chứng minh đảm bảo khả năng hoạt động: Giấy kiểm định còn hiệu lực.</p>	02

STT	Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị	Số lượng tối thiểu cần có
12.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tài liệu khác theo yêu cầu tại điểm 3, mục E-CDNT 10.8 thuộc chương II của E-HSMT.</li> <li>- <b>Loại thiết bị: Máy rải bê tông nhựa</b></li> <li>- <b>Đặc điểm thiết bị: Công suất <math>\geq 130</math> CV.</b></li> <li><b>Tài liệu chứng minh đặc điểm thiết bị và đảm bảo khả năng hoạt động:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tài liệu chứng minh đặc điểm thiết bị (công suất, tính năng) đáp ứng yêu cầu của E-HSMT: Như catalogue thông số kỹ thuật thiết bị hoặc tài liệu kỹ thuật của thiết bị hoặc các giấy kiểm tra kiểm định có thể hiện các thông số kỹ thuật theo yêu cầu;</li> <li>- Tài liệu chứng minh đảm bảo khả năng hoạt động: Giấy kiểm định còn hiệu lực.</li> <li>- Tài liệu khác theo yêu cầu tại điểm 3, mục E-CDNT 10.8 thuộc chương II của E-HSMT.</li> </ul> </li> </ul>	<b>02</b>
13.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Loại thiết bị: Máy cảm bậc thăm</b></li> <li><b>Tài liệu chứng minh đặc điểm thiết bị và đảm bảo khả năng hoạt động:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tài liệu theo yêu cầu tại điểm 3, mục E-CDNT 10.8 thuộc chương II của E-HSMT.</li> </ul> </li> </ul>	<b>02</b>

Trường hợp nhà thầu trúng thầu và ký kết hợp đồng, nhà thầu có nghĩa vụ huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu như đã đề xuất ban đầu hoặc đề xuất thay đổi theo quy định tại Mục này. Trường hợp không huy động được nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu, nhà thầu bị phạt hợp đồng.

### 2.3. Nhà thầu phụ đặc biệt: Không áp dụng.

### Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

#### Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt:

Trường hợp sử dụng phương pháp đạt, không đạt, đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó. Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSMT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí đều được đánh giá là đạt.

#### Nội dung tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

#### 1. Giải pháp cung ứng vật tư, vật liệu, thiết bị và mức độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của vật tư vật liệu, thiết bị:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng
Đối với các vật tư, vật liệu chính: 1) Cát xây dựng các loại; 2) Đá xây dựng các loại; 3) Xi măng; 4) Bê tông; 5) Thép xây dựng các loại; 6) Cáp phôi đá dăm; 7) Cống tròn BTCT; 8) Cừ tràm; 9) Nhũ tương, nhựa bitum; 10) Bê tông nhựa; 11) Vải địa kỹ thuật.	Nhà thầu phải chứng minh các nội dung sau: - Nhà thầu cung cấp bản scan màu từ bản gốc (hoặc chứng thực): Hợp đồng nguyên tắc với đơn vị cung cấp cho tất cả các loại vật tư vật liệu theo yêu cầu của E-HSMT. Hợp đồng nguyên tắc phải ghi rõ là hợp đồng dành riêng cho gói thầu này không dùng chung cho các dự án hoặc công trình khác của nhà thầu. - Nhà thầu cung cấp bản scan: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký doanh nghiệp của đơn vị cung cấp. - Đối với cát san lấp phải cung cấp được tài liệu chứng minh đơn vị cung ứng có mỏ khai khác hoặc đơn vị cung cấp có hợp đồng nguyên tắc với chủ mỏ khai thác mà khả năng cung ứng là khả thi và hợp lý. - Thuyết minh về phương án đảm bảo nguồn cung cấp vật liệu đắp nền đường. - Đối với cát san lấp, cấp phối đá dăm, bê tông nhựa thì ngoài hợp đồng nguyên tắc nhà thầu phải có thuyết minh chi tiết phương án đảm bảo nguồn cung ứng vật liệu và phương án ứng phó với tình trạng

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng
	<p>khan hiếm nếu xảy ra và phải chứng minh được khối lượng cung cấp đủ cho toàn bộ công trình</p> <p><b>Lưu ý:</b>  <i>Trong quá trình đánh giá chủ đầu tư nhận thấy nguồn cung cấp vật tư cho nhà thầu (hoặc nguồn vật tư do nhà thầu có khả năng tự cung cấp) không mang tính khả thi hoặc không đủ điều kiện kinh doanh, cung cấp thì nhà thầu có trách nhiệm cung cấp tài liệu làm rõ để chứng minh theo yêu cầu của chủ đầu tư.</i></p>
<p>1.2. Nêu rõ nguồn vật tư, vật liệu cung cấp cho công trình, phương án vận chuyển đến chân công trình.</p>	<p>Không có đầy đủ các nội dung theo yêu cầu.</p> <p><b>Không đạt</b></p> <p>- Có nêu rõ nguồn vật tư, vật liệu cung cấp và cam kết của nhà thầu về việc đảm bảo sử dụng đúng nguồn gốc, chất lượng vật tư, vật liệu đáp ứng theo yêu cầu hồ sơ thiết kế được duyệt mà nhà thầu đề xuất trong trường hợp trúng thầu và đề xuất phương án vận chuyển đến chân công trình.</p> <p>- Nhà thầu phải cam kết sử dụng vật tư đáp ứng đầy đủ tất cả các yêu cầu về kỹ thuật quy định trong hồ sơ thiết kế, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy trình thiết kế, thi công, nghiệm thu hiện hành.</p> <p><b>Đạt</b></p>
<p><b>Kết luận</b></p>	<p>Không có đầy đủ các nội dung theo yêu cầu.</p> <p><b>Không đạt</b></p> <p>Đáp ứng tất cả các yêu cầu trên.</p> <p><b>Đạt</b></p> <p>Không đáp ứng hoặc đáp ứng không đủ các yêu cầu trên.</p> <p><b>Không đạt</b></p>

## 2. Giải pháp kỹ thuật, tổ chức thi công:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng
<p>2.1. Tổ chức mặt bằng công trường bao gồm yêu cầu các nội dung sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1) Kho bãi tập kết thiết bị thi công;</li> <li>2) Kho bãi tập kết vật liệu;</li> <li>3) Lán trại.</li> </ol>	<p>Có giải pháp kỹ thuật (bao gồm: thuyết minh và bản vẽ tổ chức mặt bằng thi công) theo yêu cầu, hợp lý và phù hợp với hiện trạng công trình xây dựng.</p> <p><b>Đạt</b></p> <p>Không có hoặc có giải pháp kỹ thuật nhưng không theo yêu cầu hoặc không hợp lý hoặc không phù hợp với hiện trạng công trình xây dựng.</p> <p><b>Không đạt</b></p>

<b>Mức độ đáp ứng</b>	
<b>Nội dung yêu cầu</b>	<b>Đạt</b>
2.2. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường và thuyết minh sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm của từng thành viên của từng thành viên.	<i>Không đạt</i>
2.3. Thi công xây dựng: Công tác thi công định vị.	<b>Đạt</b>
<b>2.4. Thi công xây dựng các hạng mục phần đường giao thông</b>	<i>Không đạt</i>
2.4.1. Thi công xây dựng: Công tác thi công phát quang và vét hữu cơ nền đường.	<b>Đạt</b>
2.4.2. Thi công xây dựng: Công tác thi công đào nền đường.	<i>Không đạt</i>
2.4.3. Thi công xây dựng: Công tác thi công gia cố bậc thềm.	<b>Đạt</b>
2.4.4. Thi công xây dựng: Công tác thi công trải vải địa kỹ thuật.	<i>Không đạt</i>
	<b>Đạt</b>
	<i>Không đạt</i>
	<b>Đạt</b>
	<i>Không đạt</i>
	<b>Đạt</b>
	<i>Không đạt</i>
	<b>Đạt</b>
	<i>Không đạt</i>
	<b>Đạt</b>
	<i>Không đạt</i>
	<b>Đạt</b>

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
2.4.5. Thi công xây dựng: Công tác thi công đắp nền đường.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bản vẽ biện pháp thi công phù hợp với thuyết minh.</li> </ul>		<i>Không đạt</i>
2.4.6. Thi công xây dựng: Công tác thi công gia cố mái taluy.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có thuyết minh biện pháp thi công đầy đủ, khả thi, phù hợp với hồ sơ thiết kế.</li> <li>- Có bản vẽ biện pháp thi công phù hợp với thuyết minh.</li> </ul>		<b>Đạt</b>
2.4.7. Thi công xây dựng: Công tác thi công lớp móng cấp phối đá dăm.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Không đáp ứng hoặc đáp ứng không đủ các yêu cầu trên.</li> </ul>		<i>Không đạt</i>
2.4.8. Thi công xây dựng: Công tác thi công tưới nhựa.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có thuyết minh biện pháp thi công đầy đủ, khả thi, phù hợp với hồ sơ thiết kế.</li> <li>- Có bản vẽ biện pháp thi công phù hợp với thuyết minh.</li> </ul>		<b>Đạt</b>
2.4.9. Thi công xây dựng: Công tác thi công mặt đường bê tông nhựa.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Không đáp ứng hoặc đáp ứng không đủ các yêu cầu trên.</li> </ul>		<i>Không đạt</i>
2.4.10. Thi công xây dựng: Công tác thi công vạch sơn, biển báo, cọc km.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có thuyết minh biện pháp thi công đầy đủ, khả thi, phù hợp với hồ sơ thiết kế.</li> <li>- Có bản vẽ biện pháp thi công phù hợp với thuyết minh.</li> </ul>		<b>Đạt</b>
2.4.11. Thi công xây dựng: Công tác thi công bó vỉa, hộ lan, dải phân cách.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Không đáp ứng hoặc đáp ứng không đủ các yêu cầu trên.</li> </ul>		<i>Không đạt</i>

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng
<b>2.5. Thi công xây dựng các hạng mục thoát nước</b>	
2.5.1 Thi công xây dựng: Công tác thi công móng công.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có thuyết minh biện pháp thi công đầy đủ, khả thi, phù hợp với hồ sơ thiết kế.</li> <li>- Có bản vẽ biện pháp thi công phù hợp với thuyết minh.</li> </ul> <p>Không đáp ứng hoặc đáp ứng không đủ các yêu cầu trên.</p> <p style="text-align: center;"><b>Đạt</b></p>
2.5.2 Thi công xây dựng: Công tác thi công đầu công; mối nối công	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có thuyết minh biện pháp thi công đầy đủ, khả thi, phù hợp với hồ sơ thiết kế.</li> <li>- Có bản vẽ biện pháp thi công phù hợp với thuyết minh.</li> </ul> <p>Không đáp ứng hoặc đáp ứng không đủ các yêu cầu trên.</p> <p style="text-align: center;"><b>Đạt</b></p>
2.5.3 Thi công xây dựng: Công tác thi công lắp đặt ống công BTCT.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có thuyết minh biện pháp thi công đầy đủ, khả thi, phù hợp với hồ sơ thiết kế.</li> <li>- Có bản vẽ biện pháp thi công phù hợp với thuyết minh.</li> </ul> <p>Không đáp ứng hoặc đáp ứng không đủ các yêu cầu trên.</p> <p style="text-align: center;"><b>Đạt</b></p>
2.5.4 Thi công xây dựng: Công tác thi công hồ ga	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có thuyết minh biện pháp thi công đầy đủ, khả thi, phù hợp với hồ sơ thiết kế.</li> <li>- Có bản vẽ biện pháp thi công phù hợp với thuyết minh.</li> </ul> <p>Không đáp ứng hoặc đáp ứng không đủ các yêu cầu trên.</p> <p style="text-align: center;"><b>Đạt</b></p>
2.5.5 Thi công xây dựng: Công tác thi công rãnh thoát nước	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có thuyết minh biện pháp thi công đầy đủ, khả thi, phù hợp với hồ sơ thiết kế.</li> <li>- Có bản vẽ biện pháp thi công phù hợp với thuyết minh.</li> </ul> <p>Không đáp ứng hoặc đáp ứng không đủ các yêu cầu trên.</p> <p style="text-align: center;"><b>Đạt</b></p>
2.6. Bảo đảm giao thông và an toàn giao thông trong quá trình thi công.	<p>Không đáp ứng hoặc đáp ứng không đủ các yêu cầu trên.</p> <p>Có đề xuất giải pháp đảm bảo giao thông trong quá trình thi công hợp lý, không ảnh hưởng đến quá trình hoạt động của người dân khu vực xung quanh công trường.</p> <p>Không đề xuất hoặc có đề xuất nhưng không hợp lý, không phù hợp với tình hình địa điểm thực tế của công trình hoặc không đầy đủ theo yêu cầu.</p> <p style="text-align: center;"><b>Đạt</b></p>
<b>Kết luận</b>	<p>Đáp ứng tất cả các yêu cầu trên</p> <p style="text-align: center;"><b>Đạt</b></p>

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng
	Không đáp ứng hoặc đáp ứng không đủ các yêu cầu trên.
	<b>Không đạt</b>

**Ghi chú:** *Biện pháp thi công các công tác xây dựng của nhà thầu chỉ được xem xét khi nhà thầu trình bày đầy đủ trình tự từ các công việc từ đầu vào đến quá trình thi công và cuối cùng là kiểm tra, nghiệm thu. Trường hợp nhà thầu sao chép bản vẽ thiết kế mà không phải là bản vẽ thể hiện biện pháp thi công của nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là không năm được yêu cầu E-HSMT và bản vẽ đó sẽ không được xem xét.*

### 3. Tiến độ thi công:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng
3.1. Thời gian thi công.	<p>Đề xuất thời gian thi công đáp ứng yêu cầu của E-HSMT và không vượt quá <b>730 ngày</b> kể từ ngày khởi công.</p> <p>Đề xuất về thời gian thi công không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT hoặc vượt quá <b>730 ngày</b>.</p>
	<b>Không đạt</b>
3.2. Biểu đồ tiến độ thi công.	<p>Có biểu đồ tiến độ thi công hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.</p> <p>Không có biểu đồ tiến độ thi công hoặc có nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật hoặc không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.</p>
	<b>Đạt</b>
3.3. Biểu đồ bố trí công nhân.	<p>Có biểu đồ bố trí công nhân hợp lý, khả thi, phù hợp với tiến độ thi công, đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.</p> <p>Không có biểu đồ bố trí công nhân hoặc có nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với tiến độ thi công hoặc đề xuất kỹ thuật hoặc không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.</p>
3.4. Biểu đồ huy động vật tư, vật liệu.	<p>Có biểu đồ huy động vật tư, vật liệu hợp lý, khả thi, phù hợp với tiến độ thi công, đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.</p> <p>Không có biểu đồ huy động vật tư, vật liệu hoặc có nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với tiến độ thi công hoặc đề xuất kỹ thuật hoặc không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.</p>
3.5. Biểu đồ huy động máy	<p>Có biểu đồ huy động máy móc thiết bị hợp lý, khả thi, phù hợp với tiến độ thi công, đề</p>
	<b>Đạt</b>

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng
móc, thiết bị.	xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.
	Không có biểu đồ huy động máy móc thiết bị hoặc có nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với tiến độ thi công hoặc đề xuất kỹ thuật hoặc không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.
<b>Kết luận</b>	Đáp ứng tất cả các yêu cầu trên
	Không đáp ứng hoặc đáp ứng không đủ các yêu cầu trên.
	<b>Đạt</b>
	<b>Không đạt</b>

**4. Biện pháp bảo đảm chất lượng:**

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng
4.1. Sơ đồ quản lý chất lượng và bộ phận quản lý chất lượng.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có sơ đồ quản lý chất lượng rõ ràng, hợp lý.</li> <li>- Có thuyết minh quyền hạn và nghĩa vụ của bộ phận quản lý chất lượng rõ ràng.</li> </ul>
	<b>Đạt</b>
4.2. Hệ thống chất lượng kiểm tra thí nghiệm vật tư vật liệu đầu vào tại hiện trường.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Không trình bày đầy đủ, không hợp lý hoặc không nêu.</li> <li>- Trường hợp nhà thầu có phòng thí nghiệm được công nhận (LAS-XD) thì phải cung cấp bản sao được chứng thực quyết định công nhận của cơ quan có thẩm quyền còn hiệu lực.</li> <li>- Trường hợp nhà thầu ký kết với đơn vị thí nghiệm khác thì phải cung cấp bản sao được chứng thực: Hợp đồng nguyên tắc; Quyết định công nhận LAS-XD còn hiệu lực của đơn vị ký kết.</li> </ul>
	<b>Đạt</b>
4.3. Biện pháp bảo đảm chất lượng vật tư và thiết bị để phục vụ công tác thi công bao gồm: Quy trình và các biện pháp quản lý chất lượng vật tư, vật liệu và máy móc thiết bị thi công.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Không đáp ứng yêu cầu như trên.</li> <li>- Có quy trình và các biện pháp quản lý chất lượng vật tư, vật liệu và máy móc thiết bị thi công đầy đủ và hợp lý, khả thi và phù hợp với biện pháp thi công.</li> <li>- Không đáp ứng yêu cầu như trên.</li> </ul>
	<b>Không đạt</b>
4.4. Biện pháp bảo quản vật liệu, thiết bị, công trình khi mưa bão.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có biện pháp bảo quản vật liệu, thiết bị, công trình khi mưa bão hợp lý, khả thi phù hợp với giải pháp kỹ thuật cũng như đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.</li> </ul>
	<b>Đạt</b>

<b>Mức độ đáp ứng</b>	
<b>Nội dung yêu cầu</b>	<b>Mức độ đáp ứng</b>
	Không có biện pháp bảo quản vật liệu, thiết bị, công trình khi mưa bão hoặc có biện pháp bảo quản vật liệu, thiết bị, công trình khi mưa bão nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với giải pháp kỹ thuật cũng như đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.
4.5. Đảm bảo an toàn, chất lượng đối với các công trình hiện hữu, công trình lân cận: Nhà thầu có cam kết trong quá trình thi công không làm thay đổi hiện trạng các công trình hiện hữu, các công trình lân cận; không làm ảnh hưởng, thay đổi kết cấu các công trình hạ tầng xung quanh. Trường hợp trong quá trình thi công làm thay đổi hiện trạng hư hỏng các công trình hiện hữu, các công trình lân cận, làm thay đổi kết cấu các công trình hạ tầng xung quanh, gây lún nứt, sụp nhà dân thì nhà thầu phải chịu trách nhiệm xử lý khắc phục bằng chi phí của nhà thầu.	<b>Đạt</b>
<b>Kết luận</b>	Không cam kết hoặc cam kết không đáp ứng theo yêu cầu.
	<b>Không đạt</b>
	<b>Đạt</b>
	<b>Không đạt</b>

**5. An toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường:**

<b>Mức độ đáp ứng</b>	
<b>Nội dung yêu cầu</b>	<b>Mức độ đáp ứng</b>
<b>5.1. An toàn lao động</b>	
	Có thuyết minh biện pháp an toàn lao động hợp lý, rõ ràng cho công tác thi công xây dựng và thi công điện.
Biện pháp an toàn lao động.	<b>Đạt</b>
<b>5.2. Phòng cháy, chữa cháy</b>	
	Không có biện pháp an toàn lao động hoặc có biện pháp an toàn lao động nhưng không hợp lý, không rõ ràng hoặc không đầy đủ theo yêu cầu của E-HSMT.
	<b>Không đạt</b>

Nội dung yêu cầu		Mức độ đáp ứng	
Biện pháp phòng cháy, chữa cháy		Có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, rõ ràng.	<b>Đạt</b>
Biện pháp phòng cháy, chữa cháy		Không có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hoặc có biện pháp phòng cháy, chữa cháy nhưng không hợp lý, không rõ ràng.	<b>Không đạt</b>
<b>5.3. Vệ sinh môi trường</b>			
Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường bao gồm các nội dung sau:		Có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, rõ ràng và đầy đủ các nội dung như yêu cầu.	<b>Đạt</b>
-	Tiếng ồn.	Không có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hoặc có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường nhưng không hợp lý, không rõ ràng hoặc không đầy đủ các nội dung như yêu cầu.	<b>Không đạt</b>
-	Bụi và khói.		
-	Rung.		
-	Kiểm soát nước thải.		
-	Kiểm soát rác thải, vệ sinh.		
<b>Kết luận</b>			
		Đáp ứng tất cả các yêu cầu trên.	<b>Đạt</b>
		Không đáp ứng hoặc đáp ứng không đủ các yêu cầu trên.	<b>Không đạt</b>

**6. Bảo hành:**

Nội dung yêu cầu		Mức độ đáp ứng	
<b>6.1. Bảo hành</b>			
Thời gian bảo hành.		Có đề xuất thời gian bảo hành lớn hơn hoặc bằng <b>12 tháng</b> .	<b>Đạt</b>
		Có đề xuất thời gian bảo hành nhỏ hơn <b>12 tháng</b> .	<b>Không đạt</b>

**7. Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu trước đó.**

Nội dung yêu cầu		Mức độ đáp ứng	
<p><i>Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu trước đó trong thời gian từ ngày 01/01/2020 trở lại đây tính đến thời điểm đóng thầu. (Nhà thầu gửi kèm bản cam kết, trường hợp cam kết không trung thực sẽ bị đánh giá là gian lận). Đối với liên danh dự thầu, từng thành viên trong liên</i></p>		<p><i>Mức độ đáp ứng</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà thầu không vi phạm lỗi không huy động được nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu trong quá trình thực hiện hợp đồng.</li> <li>- Không có hợp đồng chậm tiến độ bị chủ đầu tư xử phạt vi phạm hợp đồng.</li> <li>- Không bị Chủ đầu tư ra Quyết định chấm dứt nghĩa vụ thực hiện hợp đồng do nguyên nhân từ phía nhà thầu.</li> <li>- Nhà thầu không vi phạm quy định về thời gian lập hồ sơ quyết toán vốn đầu tư</li> </ul>	
		<b>Đạt</b>	

<p><i>danh phải có cam kết riêng.</i></p>	<p>dự án hoàn thành (Theo quy định tại khoản 2 Điều 52 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ).</p> <p><i>Ghi chú: Nhà thầu phải đáp ứng tất các tiêu chí trên mới được đánh giá là đạt.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà thầu không huy động được nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu và bị chủ đầu tư phạt vi phạm.</li> <li>- Có hợp đồng chậm tiến độ bị chủ đầu tư xử phạt vi phạm hợp đồng.</li> <li>- Từng bị Chủ đầu tư ra Quyết định chấm dứt nghĩa vụ thực hiện hợp đồng do nguyên nhân từ phía nhà thầu.</li> <li>- Nhà thầu từng vi phạm quy định về thời gian lập hồ sơ quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.</li> </ul> <p><i>Ghi chú: Nhà thầu vi phạm bất kỳ tiêu chí nào kể trên đều bị đánh giá không đạt.</i></p>	<p><b>Không đạt</b></p>
<p><b>Kết luận</b></p>	<p>Đáp ứng tất cả các yêu cầu trên.</p>	<p><b>Đạt</b></p>
	<p>Không đáp ứng hoặc đáp ứng không đủ các yêu cầu trên.</p>	<p><b>Không đạt</b></p>

#### **Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính**

##### **Phương pháp giá thấp nhất:**

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Bước 2. Hiệu chỉnh sai lệch thừa (thực hiện theo quy định tại Mục 28 E-CDNT);

Bước 3. Xác định giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 4. Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 29 E-CDNT

Bước 5. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), sau ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Trường hợp chủ đầu tư đưa ra các khoản tạm tính thì phần chi phí cho các khoản tạm tính, trong đó bao gồm chi phí công nhật sẽ được tách riêng và không được xem xét trong quá trình đánh giá E-HSDT để so sánh, xếp hạng các E-HSDT.

Trường hợp nhà thầu chào giá dự thầu thấp bất thường so với giá gói thầu, chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu giải trình, làm rõ tính khả thi, hợp lý của giá dự thầu đã chào để làm cơ sở đánh giá đáp ứng hoặc loại bỏ hồ sơ dự thầu theo quy định của Chính phủ.

**Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT (nếu có):** Không được phép.

**Chương IV. BIỂU MẪU MỜI THẦU VÀ DỰ THẦU**

Stt	Biểu mẫu	Cách thức thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	
			Chủ đầu tư	Nhà thầu
1	Mẫu số 01A. Bảng kê hạng mục công việc (áp dụng loại hợp đồng trọn gói)	Đính kèm E-HSĐT	X	
2	Mẫu số 01B. Bảng kê hạng mục công việc (áp dụng hợp đồng theo đơn giá cố định)		X	
3	Mẫu số 01C. Bảng kê hạng mục công việc (áp dụng hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh)		X	
4	Mẫu số 01D. Bảng kê hạng mục công việc (áp dụng hợp đồng theo kết quả đầu ra)		X	
5	Mẫu số 01E. Bảng kê hạng mục công việc (áp dụng hợp đồng hỗn hợp)		X	
6	Mẫu số 01F. Bảng tiến độ thực hiện		X	
7	Mẫu số 02. Đơn dự thầu	Scan đính kèm		X
8	Mẫu số 03. Thỏa thuận liên danh			X
9	Mẫu số 04A. Bảo lãnh dự thầu (áp dụng trong trường hợp nhà thầu độc lập)			X
10	Mẫu số 04B. Bảo lãnh dự thầu (áp dụng trong trường hợp nhà thầu liên danh)	Scan và đính kèm		X
11	Mẫu số 05. Hợp đồng tương tự do nhà thầu thực hiện			X
12	Mẫu số 06A. Bảng đề xuất nhân sự chủ chốt	Scan đính kèm		X
13	Mẫu số 06B. Bảng lý lịch chuyên môn của nhân sự chủ chốt			X

14	Mẫu số 06C. Bảng kinh nghiệm chuyên môn		X
15	Mẫu số 06D. Bảng kê khai thiết bị thi công chủ yếu		X
16	Mẫu số 07. Hợp đồng xây lắp, EPC, EC, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành trong quá khứ		X
17	Mẫu số 08A. Tình hình tài chính của nhà thầu		X
18	Mẫu số 08B. Nguồn lực tài chính		X
19	Mẫu số 08C. Nguồn lực tài chính hàng tháng cho các hợp đồng đang thực hiện		X
20	Mẫu số 09A. Phạm vi công việc sử dụng nhà thầu phụ		X
21	Mẫu số 09B. Bảng kê khai nhà thầu phụ đặc biệt		X
22	Mẫu số 09C. Danh sách công ty con, công ty thành viên đảm nhận phần công việc của gói thầu		X
22	Mẫu số 10. Bảng tiến độ thực hiện		X
23	Mẫu số 11A. Bảng tổng hợp giá dự thầu (áp dụng hợp đồng trọn gói)		X
24	Mẫu số 11B. Bảng tổng hợp giá dự thầu (áp dụng hợp đồng theo đơn giá cố định)		X
25	Mẫu số 11C. Bảng tổng hợp giá dự thầu (áp dụng hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh)		X
26	Mẫu số 11D. Bảng tổng hợp giá dự thầu (áp dụng hợp đồng theo kết quả đầu ra)		X
27	Mẫu số 11E. Bảng tổng hợp giá dự thầu (áp dụng hợp đồng hỗn hợp)		X

28	Mẫu số 12A. Bảng kê công nhật			X
29	Mẫu số 12B. Bảng kê các khoản tạm tính			X
30	Mẫu số 12C. Bảng kê số liệu điều chỉnh			X

**BẢNG KẾ HẠNG MỤC CÔNG VIỆC**

(Đối với loại hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh)

Chủ đầu tư liệt kê danh mục các hạng mục xây lắp liên quan để thực hiện gói thầu theo bảng sau:

STT (1)	Mô tả công việc mời thầu (2)	Yêu cầu kỹ thuật/Chỉ dẫn kỹ thuật chính (3)	Khối lượng mời thầu (4)	Đơn vị tính (5)
<b>1</b>	<b>NỀN ĐƯỜNG</b>	Theo quy định tại chương V		
<b>1.1</b>	<b>Đào đắp</b>	Theo quy định tại chương V		
1.1.1	Vết hữu cơ	Theo quy định tại chương V	173,55	100m3
1.1.2	Đào nền đường cấp 1 (kể cả điều phối và vận chuyển đất tập kết tại bãi thải)	Theo quy định tại chương V	352,26	100m3
1.1.3	Cung cấp và trải vải địa kỹ thuật 12KN/m	Theo quy định tại chương V	615,36	100m2
1.1.4	Đắp cát nền đường, đảm chặt $K \geq 0,90$ (kể cả cung cấp vật liệu)	Theo quy định tại chương V	339,32	100m3
1.1.5	Đắp cát nền đường, đảm chặt $K \geq 0,95$ (kể cả cung cấp vật liệu)	Theo quy định tại chương V	565,66	100m3
1.1.6	Đắp cát nền đường, đảm chặt $K \geq 0,98$ (kể cả cung cấp vật liệu)	Theo quy định tại chương V	80,54	100m3
1.1.7	Đắp đá mi lớp dưới, đảm chặt $K \geq 1,0$ (kể cả cung cấp vật liệu)	Theo quy định tại chương V	134,86	100m3
1.1.8	Đắp đất nền đường, đảm chặt $K \geq 0,90$ (đất tận dụng)	Theo quy định tại chương V	163,29	100m3
<b>1.2</b>	<b>Gia cố mái taluy bằng tấm bê tông</b>	Theo quy định tại chương V		
1.2.1	Lắp đặt cấu kiện bê tông cốt thép đúc sẵn trọng lượng > 50kg bằng máy	Theo quy định tại chương V	422	01 cấu kiện

1.2.2	Bê tông cốt thép tấm đan đá 1x2 M250 (C20), kê cả ván khuôn	Theo quy định tại chương V	32,7	m3
1.2.3	Cung cấp, gia công và lắp đặt cốt thép đường kính $\leq$ 10mm	Theo quy định tại chương V	1,52	tấn
1.2.4	Vữa xi măng M100 (kể cả cung cấp vật liệu)	Theo quy định tại chương V	52,72	m2
1.2.5	Bê tông lót móng đá 1x2.M150 (C12), kê cả ván khuôn	Theo quy định tại chương V	263,69	m3
<b>1.3</b>	<b>Chân khay</b>	Theo quy định tại chương V		
1.3.1	Bê tông xi măng chân khay đá 1x2 M250 (C20), kê cả ván khuôn	Theo quy định tại chương V	95,04	m3
1.3.2	Bê tông xi măng lót móng đá 1x2 M150 (C12), kê cả ván khuôn	Theo quy định tại chương V	74,89	m3
1.3.3	Cung cấp, gia công và lắp đặt cốt thép, đường kính $\leq$ 10mm	Theo quy định tại chương V	3,61	tấn
1.3.4	Vữa xi măng M100 (kể cả cung cấp vật liệu)	Theo quy định tại chương V	518,8	m2
<b>1.4</b>	<b>Gia cố để vay đoạn qua ao mương</b>	Theo quy định tại chương V		
1.4.1	Đắp đất nền đường, đầm chặt $K \geq 0,90$ (đất tận dụng)	Theo quy định tại chương V	6,61	100m3
1.4.2	Cung cấp và trải vải địa kỹ thuật 12KN/m	Theo quy định tại chương V	0,75	100m2
1.4.3	Đóng cừ tràm, đất cấp 1 (kể cả vật liệu)	Theo quy định tại chương V	36,1	100m
1.4.4	Cung cấp, gia công và lắp đặt thép tròn, đường kính = 8mm	Theo quy định tại chương V	750,94	kg
<b>2</b>	<b>MẶT ĐƯỜNG</b>	Theo quy định tại chương V		
<b>2.1</b>	<b>Mặt đường làm mới</b>	Theo quy định tại chương V		

2.1.1	Rải thảm mặt đường bê tông nhựa C16 dày 6cm, kể cả cung cấp vật liệu	Theo quy định tại chương V	375,16	100m2
2.1.2	Tưới lớp dính bám mặt đường hàm lượng 0,5 kg/m2, kể cả cung cấp vật liệu	Theo quy định tại chương V	375,16	100m2
2.1.3	Rải thảm mặt đường bê tông nhựa C19 dày 6cm, kể cả cung cấp vật liệu	Theo quy định tại chương V	375,16	100m2
2.1.4	Tưới lớp thấm bám mặt đường hàm lượng 1,0 kg/m2, kể cả cung cấp vật liệu	Theo quy định tại chương V	375,16	100m2
2.1.5	Thi công móng cấp phối đá dăm Dmax25mm lớp trên, đầm chặt $K \geq 0,98$ , kể cả cung cấp vật liệu	Theo quy định tại chương V	57,86	100m3
2.1.6	Thi công móng cấp phối đá dăm Dmax37.5mm lớp dưới, đầm chặt $K \geq 0,98$ , kể cả cung cấp vật liệu	Theo quy định tại chương V	71	100m3
<b>2.2</b>	<b>Mặt đường tăng cường</b>	Theo quy định tại chương V		
2.2.1	Rải thảm mặt đường bê tông nhựa C16 dày 6cm, kể cả cung cấp vật liệu	Theo quy định tại chương V	33,96	100m2
2.2.2	Tưới lớp dính bám hàm lượng 0,5 kg/m2, kể cả cung cấp vật liệu	Theo quy định tại chương V	40,22	100m2
2.2.3	Rải thảm mặt đường bê tông nhựa C19 dày 6cm, kể cả cung cấp vật liệu	Theo quy định tại chương V	33,96	100m2
2.2.4	Tưới lớp thấm bám mặt đường hàm lượng 1,0 kg/m2, kể cả cung cấp vật liệu	Theo quy định tại chương V	30,83	100m2
2.2.5	Thi công móng cấp phối đá dăm Dmax25mm lớp trên, đầm chặt $K \geq 0,98$ , kể cả cung cấp vật liệu	Theo quy định tại chương V	4,59	100m3
2.2.6	Thi công móng cấp phối đá dăm Dmax37.5mm lớp dưới, đầm chặt $K \geq 0,98$ , kể cả cung cấp vật liệu	Theo quy định tại chương V	4,38	100m3

2.2.7	Bù vênh bê tông nhựa chặt C19, kê cả cung cấp vật liệu	Theo quy định tại chương V	24,99	m3
2.2.8	Thi công móng cấp phối đá dăm Dmax25mm lớp trên, đầm chặt K $\geq$ 0,98, kê cả cung cấp vật liệu	Theo quy định tại chương V	0,01	100m3
2.2.9	Thi công móng cấp phối đá dăm Dmax37.5mm lớp dưới, đầm chặt K $\geq$ 0,98, kê cả cung cấp vật liệu	Theo quy định tại chương V	2,53	100m3
2.2.10	Cày sọc mặt đường cũ	Theo quy định tại chương V	30,83	100m2
2.2.11	Đào nền đường cũ	Theo quy định tại chương V	1,52	100m3
<b>2.3</b>	<b>Bố vỉa và các hạng mục khác</b>	Theo quy định tại chương V		
2.3.1	Lắp đặt cấu kiện bê tông cốt thép đúc sẵn trọng lượng > 50 bảng máy	Theo quy định tại chương V	1817	1 cấu kiện
2.3.2	Bê tông xi măng bó vỉa đá 1x2 M250 (C20), kê cả ván khuôn	Theo quy định tại chương V	199,84	m3
2.3.3	Cung cấp, gia công và lắp đặt cốt thép, đường kính $\leq$ 10mm	Theo quy định tại chương V	21,8	tấn
2.3.4	Cung cấp và trải vải địa kỹ thuật 12KN/m	Theo quy định tại chương V	0,2	100m2
2.3.5	Đá dăm tầng lọc (kê cả vật liệu)	Theo quy định tại chương V	0,004	100m3
2.3.6	Cung cấp và lắp đặt ống nhựa PVC D90	Theo quy định tại chương V	2,72	100m
2.3.7	Đắp đất trồng cây (kê cả cung cấp vật liệu)	Theo quy định tại chương V	6,42	100m3
2.3.8	Đắp đất set (kê cả cung cấp vật liệu)	Theo quy định tại chương V	6,42	100m3
2.3.9	Trồng cỏ đảo dải phân cách (kê cả cung cấp vật liệu)	Theo quy định tại chương V	25,67	100m2
<b>3</b>	<b>HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC</b>	Theo quy định tại chương V		
<b>3.1</b>	<b>Thân cống</b>	Theo quy định tại chương V		

3.1.1	Cung cấp, lắp đặt ống bê tông đường kính 1500, loại tải trọng H30	Theo quy định tại chương V	92	m
<b>3.2</b>	<b>Đầu cống</b>	Theo quy định tại chương V		
3.2.1	Bê tông xi măng đá 1x2 M 350 (C30), kể cả ván khuôn	Theo quy định tại chương V	82,46	m3
3.2.2	Bê tông xi măng lót móng đá 1x2 M150 (C12), kể cả ván khuôn	Theo quy định tại chương V	6,97	m3
3.2.3	Đắp cát đệm đầu cừ (kể cả cung cấp vật liệu)	Theo quy định tại chương V	0,1	100m3
3.2.4	Đóng cừ trầm, đất cấp 1 (kể cả cung cấp vật liệu)	Theo quy định tại chương V	78,44	100m
<b>3.3</b>	<b>Móng cống</b>	Theo quy định tại chương V		
3.3.1	Cung cấp và lắp đặt gói cống đường kính 1500	Theo quy định tại chương V	82	cái
3.3.2	Bê tông xi măng móng đá 1x2 M250 (C20), kể cả ván khuôn	Theo quy định tại chương V	16,36	m3
3.3.3	Bê tông xi măng lót móng đá 1x2 M150 (C12), kể cả ván khuôn	Theo quy định tại chương V	15,97	m3
3.3.4	Đắp cát đệm đầu cừ (kể cả cung cấp vật liệu)	Theo quy định tại chương V	0,29	100m3
3.3.5	Đóng cừ trầm, đất cấp 1 (kể cả cung cấp vật liệu)	Theo quy định tại chương V	179,64	100m
<b>3.4</b>	<b>Mối nối cống</b>	Theo quy định tại chương V		
3.4.1	Cung cấp và lắp đặt gioăng cao su, đường kính 1500mm	Theo quy định tại chương V	28	mối nối
3.4.2	Vữa xi măng M100 (kể cả cung cấp vật liệu)	Theo quy định tại chương V	74,67	m2
<b>3.5</b>	<b>Gia cố mái taluy</b>	Theo quy định tại chương V		
3.5.1	Lắp đặt tấm đan bê tông cốt thép bằng nhân công	Theo quy định tại chương V	211,13	m2

3.5.2	Bê tông xi măng tám tầng đá 1x2 M250 (C20), kể cả ván khuôn	Theo quy định tại chương V	15,83	m3
3.5.3	Cung cáp, gia công và lắp đặt cốt thép, đường kính $\leq 10\text{mm}$	Theo quy định tại chương V	0,81	tấn
3.5.4	Vữa xi măng M100 (kể cả cung cấp vật liệu)	Theo quy định tại chương V	140,67	m2
3.5.5	Bê tông lót móng đá 1x2 M150 (C12), kể cả ván khuôn	Theo quy định tại chương V	12,67	m3
<b>3.6</b>	<b>Gia cố thượng (hạ lưu)</b>	Theo quy định tại chương V		
3.6.1	Đá hộc xây vữa (kể cả cung cấp vật liệu)	Theo quy định tại chương V	15,27	m3
3.6.2	Bê tông xi măng lót móng đá 1x2. M150 ( C12) (kể cả ván khuôn)	Theo quy định tại chương V	4,34	m3
3.6.3	Đắp cát đệm đầu cừ (kể cả cung cấp vật liệu)	Theo quy định tại chương V	0,07	100m3
3.6.4	Đóng cừ tràm, đất cấp 1 (kể cả cung cấp vật liệu)	Theo quy định tại chương V	31,32	100m
<b>3.7</b>	<b>Chân khay</b>	Theo quy định tại chương V		
3.7.1	Bê tông xi măng chân khay đá 1x2 M250 (C20), kể cả ván khuôn	Theo quy định tại chương V	7,2	m3
3.7.2	Bê tông xi măng lót móng đá 1x2 M150 (C12), kể cả ván khuôn	Theo quy định tại chương V	1,94	m3
3.7.3	Đắp cát đệm đầu cừ (kể cả cung cấp vật liệu)	Theo quy định tại chương V	0,03	100m3
3.7.4	Đóng cừ tràm, đất cấp 1 (kể cả cung cấp vật liệu)	Theo quy định tại chương V	21,87	100m
<b>3.8</b>	<b>Phụ trợ thi công cống</b>	Theo quy định tại chương V		
3.8.1	Đào đất cấp 1 (kể cả công tác thi công vòng vây ngăn nước)	Theo quy định tại chương V	3,64	100m3
<b>4</b>	<b>RÁNH THOÁT NƯỚC DÀI PHÂN CÁCH GIỮA</b>	Theo quy định tại chương V		

4.1	Bê tông xi măng rãnh đá 1x2 M250 (C20), kê cả ván khuôn	Theo quy định tại chương V	122,33	m3
4.2	Cung cấp gia công và lắp đặt cốt thép $\leq 10\text{mm}$	Theo quy định tại chương V	8,43	tấn
4.3	Bê tông xi măng lót móng đá 1x2 M150 (C12), kê cả ván khuôn	Theo quy định tại chương V	57,53	m3
4.4	Đào đất cấp 1	Theo quy định tại chương V	3,54	100m3
4.5	Đắp cát đệm hạt trung (kê cả cung cấp vật liệu)	Theo quy định tại chương V	1,77	100m3
<b>5</b>	<b>NẮP ĐAN RÃNH BTCT ĐÚC SẴN</b>	Theo quy định tại chương V		
5.1	Cung cấp, lắp đặt cấu kiện nắp đan rãnh bê tông cốt thép đúc sẵn đá 1x2 M250 (C20)	Theo quy định tại chương V	719	1 cấu kiện
<b>6</b>	<b>HỒ GA ĐƯỜNG KÍNH 1500</b>	Theo quy định tại chương V		
6.1	Bê tông thân giếng đổ tại chỗ đá 1x2 M250 (C20) (kê cả ván khuôn)	Theo quy định tại chương V	4,85	m3
6.2	Cung cấp, gia công và lắp đặt cốt thép, đường kính $\leq 10\text{mm}$	Theo quy định tại chương V	0,01	tấn
6.3	Cung cấp gia công và lắp đặt cốt thép, đường kính $\leq 18\text{mm}$	Theo quy định tại chương V	0,63	tấn
6.4	Bê tông xi măng lót móng đá 1x2 M150 (C12), kê cả cung cấp vật liệu	Theo quy định tại chương V	0,57	m3
6.5	Đắp cát đệm đầu cừ (kê cả cung cấp vật liệu)	Theo quy định tại chương V	0,01	100m3
6.6	Đóng cừ tràm, đất cấp 1 (kê cả cung cấp vật liệu)	Theo quy định tại chương V	6,7	100m
<b>7</b>	<b>KHUÔN GIẾNG</b>	Theo quy định tại chương V		
7.1	Cung cấp, lắp đặt khuôn giếng bê tông cốt thép đá 1x2 M250 (C20)	Theo quy định tại chương V	1	1 cấu kiện

7.2	<b>Nắp đan BTCT đúc sẵn</b>	Theo quy định tại chương V	
7.2.1	Cung cấp, lắp đặt nắp đan bê tông cốt thép đúc sẵn đá 1x2 M250 (C20)	Theo quy định tại chương V	1
8	<b>XỬ LÝ NỀN ĐẤT YẾU</b>	Theo quy định tại chương V	
8.1	<b>Giải pháp bác thăm kết hợp gia tải</b>	Theo quy định tại chương V	
8.1.1	Gia cố nền bác thăm đứng (kể cả cung cấp vật liệu)	Theo quy định tại chương V	2058,38
8.1.2	Gia cố nền bác thăm ngang (kể cả cung cấp vật liệu)	Theo quy định tại chương V	359,34
8.1.3	Đắp cát gia tải (Đắp bù KCMD) K95, chỉ tính công	Theo quy định tại chương V	362,94
8.1.4	Hao hụt vật liệu trong công tác gia cố nền đất yếu bằng gia tải cát	Theo quy định tại chương V	362,94
8.1.5	Đắp cát nền đường gia tải, đảm chặt $K \geq 0,95$ (kể cả cung cấp vật liệu)	Theo quy định tại chương V	349,09
8.1.6	Đắp đất nền đường, đảm chặt $K \geq 0,90$ (đất tận dụng)	Theo quy định tại chương V	34,17
8.1.7	Dỡ tải	Theo quy định tại chương V	324,83
8.1.8	Đào rãnh thoát nước	Theo quy định tại chương V	8,15
8.1.9	Cung cấp và trải vải địa kỹ thuật gia cường $R \geq 200 \times 50 \text{ kN/m}$	Theo quy định tại chương V	149,65
8.1.10	Cung cấp và trải vải địa kỹ thuật gia cường $R \geq 300 \times 50 \text{ kN/m}$	Theo quy định tại chương V	38,29
8.1.11	Cung cấp và trải vải địa kỹ thuật gia cường $R \geq 400 \times 50 \text{ kN/m}$	Theo quy định tại chương V	450,47
8.2	<b>Giải pháp đào thay đất kết hợp đóng cừ tràm</b>	Theo quy định tại chương V	
8.2.1	Đắp cát đệm đầu cừ (kể cả cung cấp vật liệu)	Theo quy định tại chương V	16,56
8.2.2	Đóng cừ tràm, đất cấp I (kể cả cung cấp vật liệu)	Theo quy định tại chương V	7949,26

8.2.3	Đắp cát, đầm chặt $K \geq 0,90$ (kể cả cung cấp vật liệu)	Theo quy định tại chương V	2,15	100m <sup>3</sup>
<b>8.3</b>	<b>Quan trắc</b>	Theo quy định tại chương V		
8.3.1	Cung cấp, lắp đặt bàn quan trắc lún	Theo quy định tại chương V	45	bàn
8.3.2	Cung cấp, lắp đặt tiêu quan trắc chuyển vị ngang	Theo quy định tại chương V	54	cái
<b>9</b>	<b>AN TOÀN GIAO THÔNG</b>	Theo quy định tại chương V		
<b>9.1</b>	<b>Vạch sơn</b>	Theo quy định tại chương V		
9.1.1	Sơn kẻ đường bằng sơn dẻo nhiệt phản quang (màu vàng), kể cả cung cấp vật liệu	Theo quy định tại chương V	86,1	m <sup>2</sup>
9.1.2	Sơn kẻ đường bằng sơn dẻo nhiệt phản quang (màu trắng), kể cả cung cấp vật liệu	Theo quy định tại chương V	1949,55	m <sup>2</sup>
9.1.3	Sơn bê tông (kể cả cung cấp vật liệu)	Theo quy định tại chương V	2220,84	m <sup>2</sup>
9.1.4	Sơn phản quang (màu vàng), kể cả cung cấp vật liệu	Theo quy định tại chương V	63,6	m <sup>2</sup>
<b>9.2</b>	<b>Biển báo</b>	Theo quy định tại chương V		
9.2.1	Cung cấp biển báo tam giác L=90	Theo quy định tại chương V	12	cái
9.2.2	Cung cấp biển báo hình tròn D=90	Theo quy định tại chương V	8	cái
9.2.3	Cung cấp biển báo Chữ nhật 2400x1500	Theo quy định tại chương V	4	cái
9.2.4	Cung cấp biển báo Chữ nhật 2250x1250	Theo quy định tại chương V	1	cái
9.2.5	Lắp đặt trụ đỡ biển báo D90mm (kể cả chụp nhựa ngăn nước và móng trụ).	Theo quy định tại chương V	25	cái
<b>9.3</b>	<b>Cọc KM</b>	Theo quy định tại chương V		
9.3.1	Cung cấp, lắp đặt cọc Km (kể cả thi công móng, sơn và lắp màng phản quang)	Theo quy định tại chương V	2	1 cấu kiện
9.3.2	Đào móng thi công cọc Km, đất cấp 1	Theo quy định tại chương V	0,12	m <sup>3</sup>

<b>9.4</b>	<b>Cọc H loại 2</b>		Theo quy định tại chương V	
9.4.1	Cung cấp, lắp đặt tấm tôn dày 3mm (kể cả sơn)		Theo quy định tại chương V	1,55 m2
<b>9.5</b>	<b>Tôn sóng đầu cầu</b>		Theo quy định tại chương V	
9.5.1	Lắp đặt dải phân cách bằng tôn lượn sóng		Theo quy định tại chương V	899,68 m
9.5.2	Cung cấp tấm tôn sóng dài 2.32m		Theo quy định tại chương V	10 cái
9.5.3	Cung cấp tấm tôn sóng dài 3.32m		Theo quy định tại chương V	264 cái
9.5.4	Cung cấp cột thép D141,3x4,5mm, L=2,2m		Theo quy định tại chương V	275 cột
9.5.5	Cung cấp cột thép D141,3x4,5mm, L=1,8m		Theo quy định tại chương V	2
9.5.6	Cung cấp bu lông M16x35		Theo quy định tại chương V	2750 cái
9.5.7	Cung cấp bu lông M19x180		Theo quy định tại chương V	275 cái
9.5.8	Cung cấp nắp chụp D150x1,6mm		Theo quy định tại chương V	275 cái
9.5.9	Cung cấp bản đệm 70x300x5mm		Theo quy định tại chương V	275 cái
9.5.10	Cung cấp tiêu phản quang		Theo quy định tại chương V	275 cái
9.5.11	Bê tông xi măng cọc đá 1x2 M250 (C20), kể cả cung cấp vật liệu		Theo quy định tại chương V	22,83 m3
9.5.12	Bê tông xi măng lót móng đá 1x2 M150 (C12), kể cả cung cấp vật liệu		Theo quy định tại chương V	4,4 m3
9.5.13	Đào móng, đất cấp I		Theo quy định tại chương V	0,29 100m3
<b>9.6</b>	<b>Tôn sóng ngang cống</b>		Theo quy định tại chương V	
9.6.1	Lắp đặt dải phân cách bằng tôn lượn sóng		Theo quy định tại chương V	42,9 m
9.6.2	Cung cấp tấm tôn sóng dài 2.32m		Theo quy định tại chương V	8 cái
9.6.3	Cung cấp tấm tôn sóng dài 3.32m		Theo quy định tại chương V	8 cái
9.6.4	Cung cấp cột thép D141,3x4,5mm, L=2,2m		Theo quy định tại chương V	17 cột

9.6.5	Cung cấp cột thép D141, 3x4,5mm, L=1,8m	Theo quy định tại chương V	8	cột
9.6.6	Cung cấp bu lông M16x35	Theo quy định tại chương V	131	cái
9.6.7	Cung cấp bu lông M19x180	Theo quy định tại chương V	17	cái
9.6.8	Cung cấp nắp chụp D150x1,6mm	Theo quy định tại chương V	17	cái
9.6.9	Cung cấp bản đệm 70x300x5mm	Theo quy định tại chương V	17	cái
9.6.10	Cung cấp tiêu phản quang	Theo quy định tại chương V	17	cái
9.6.11	Cung cấp tấm thép liên kết 60x35x5	Theo quy định tại chương V	5,39	kg
9.6.12	Cung cấp bu lông D20, L=180mm	Theo quy định tại chương V	66	cái
9.6.13	Cung cấp thép bản đệm 250x250x20	Theo quy định tại chương V	160,28	kg
9.6.14	Cung cấp vít vát nở bu lông M20	Theo quy định tại chương V	66	cái
9.6.15	Khoan bê tông, lỗ khoan đường kính D20	Theo quy định tại chương V	66	lỗ
<b>9.7</b>	<b>Dải phân cách giữa</b>	Theo quy định tại chương V		
9.7.1	Cung cấp và lắp đặt dải phân cách giữa bằng bê tông cốt thép đá 1x2 M250 (C20)	Theo quy định tại chương V	312	1 cấu kiện
9.7.2	Cung cấp và lắp dựng tiêu phản quang	Theo quy định tại chương V	104	cái
9.7.3	Cung cấp và lắp đặt thanh nổi	Theo quy định tại chương V	204,88	kg
9.7.4	Quét keo epoxy (kể cả cung cấp vật liệu)	Theo quy định tại chương V	14	m <sup>2</sup>
9.7.5	Cung cấp, lắp đặt dải phân cách nhựa HDPE.	Theo quy định tại chương V	233	cấu kiện
9.7.6	Cung cấp, lắp đặt mũi tên (890MMx430MMx120MM).	Theo quy định tại chương V	233	cấu kiện
9.7.7	Cung cấp và lắp đặt cọc nhựa	Theo quy định tại chương V	10	cái
9.7.8	Cung cấp và lắp đặt thùng giảm chấn	Theo quy định tại chương V	2	cái

<b>10</b>	<b>ĐẢM BẢO GIAO THÔNG TRONG QUÁ TRÌNH THI CÔNG</b>		
<b>10.1</b>	<b>Biên báo</b>	Theo quy định tại chương V	
10.1.1	Cung cấp và lắp đặt biển báo tam giác cạnh 700mm (khẩu hao 1,5%*2th+5%)	Theo quy định tại chương V	6 cái
10.1.2	Cung cấp và lắp đặt biển tròn D=70cm (khẩu hao 1,5%*2th+5%)	Theo quy định tại chương V	8 cái
10.1.3	Cung cấp biển báo chữ nhật 700x300mm (khẩu hao 1,5%*2th+5%)	Theo quy định tại chương V	2 cái
10.1.4	Cung cấp và lắp đặt biển báo chữ nhật 900x1300mm (khẩu hao 1,5%*2th+5%)	Theo quy định tại chương V	2 cái
10.1.5	Cung cấp và lắp đặt trụ đỡ biển báo D90mm (khẩu hao 1,5%*2th+5%)	Theo quy định tại chương V	40,62 m
10.1.6	Cung cấp và lắp đặt chụp nhựa ngăn nước	Theo quy định tại chương V	12 cái
10.1.7	Sơn bê tông (kể cả cung cấp vật liệu)	Theo quy định tại chương V	9,78 m <sup>2</sup>
10.1.8	Bê tông xi măng cọc đá 1x2 M250(C20) (kể cả cung cấp vật liệu)	Theo quy định tại chương V	1,46 m <sup>3</sup>
10.1.9	Đào móng trụ bằng thủ công, đất cấp I	Theo quy định tại chương V	1,46 m <sup>3</sup>
<b>10.2</b>	<b>Hàng rào thi công ngoài đô thị (phục vụ thi công)</b>	Theo quy định tại chương V	
10.2.1	Cung cấp và lắp đặt dải phân cách bằng tôn lượn sóng	Theo quy định tại chương V	1140 m
10.2.2	Cung cấp và lắp đặt ống nhựa PVC D80mm	Theo quy định tại chương V	715 m
10.2.3	Cung cấp và lắp đặt dây nhựa PVC sơn trắng đỏ	Theo quy định tại chương V	1144 m
10.2.4	Sơn bê tông (kể cả cung cấp vật liệu)	Theo quy định tại chương V	566,28 m <sup>2</sup>

10.2.5	Bê tông xi măng móng đá 1x2 M250 (C20), kê cả cung cấp vật liệu	Theo quy định tại chương V	13,43	m3
10.2.6	Cung cấp và lắp đặt đèn báo hiệu (khấu hao 1,5%*2th+5%)	Theo quy định tại chương V	286	cái
<b>10.3</b>	<b>Nhân công điều tiết</b>	Theo quy định tại chương V		
10.3.1	Nhân công điều tiết giao thông	Theo quy định tại chương V	60	công
<b>11</b>	<b>CHI PHÍ DỰ PHÒNG</b>			
11.1	Dự phòng yếu tố khối lượng phát sinh	Theo quy định tại chương V	5	%
11.2	Dự phòng yếu tố trượt giá	Theo quy định tại chương V	7,89	%

Ghi chú:

(1), (2), (4), (5) Chủ đầu tư ghi tên các hạng mục, công việc cụ thể của từng hạng mục, đơn vị tính, khối lượng để nhà thầu làm cơ sở chào giá dự thầu.

(3) Chủ đầu tư ghi dẫn chiếu cụ thể đến nội dung yêu cầu về kỹ thuật/chi dẫn kỹ thuật để thực hiện hạng mục công việc tương ứng trong Chương V của E-HSMT hoặc trong hồ sơ chi dẫn kỹ thuật (tên Mục, số trang, số quyển...) để nhà thầu thuận tiện trong việc xem xét, nghiên cứu các yêu cầu về kỹ thuật/chi dẫn kỹ thuật làm cơ sở chào giá dự thầu.

(\*) Chi phí dự phòng:

Trong E-HSMT phải ghi rõ tỷ lệ dự phòng cho khối lượng phát sinh và dự phòng trượt giá (b2%) để nhà thầu làm cơ sở chào thầu. Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chào chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh và chi phí dự phòng trượt giá với giá trị bằng tỷ lệ phần trăm (%) quy định trong E-HSMT (b2%) nhân với Chi phí của các hạng mục do nhà thầu chào. Chi phí dự phòng chỉ được sử dụng khi có phát sinh khối lượng công việc trong thực tế hoặc có trượt giá.

**BẢNG TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN**

STT	Công trình	Địa điểm	Thời gian hoàn thành công trình	
			Thời gian hoàn thành công trình sớm nhất <i>[ghi số ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực]</i>	Thời gian hoàn thành công trình muộn nhất <i>[ghi số ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực]</i>
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Thi công xây dựng đoạn từ sông Vàm Cỏ Tây đến ĐT.827B	Xã Tầm Vu, tỉnh Tây Ninh	365 ngày	730 ngày

Ghi chú:

- (2): Trích xuất tên gói thầu.  
(3): Ghi địa điểm nơi triển khai gói thầu.  
(4): Chủ đầu tư điền nhưng bảo đảm thời gian tại cột này < thời gian tại cột (5).  
(5): Trích xuất thời gian thực hiện hợp đồng gói thầu.

## Mẫu số 02 (webform trên Hệ thống và Scan đính kèm)

### ĐƠN DỰ THẦU (1)

Ngày: \_\_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Tên gói thầu: \_\_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Kính gửi: \_\_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Sau khi nghiên cứu E-HSMT, chúng tôi:

Tên nhà thầu: \_\_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*], Mã số thuế: \_\_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*] cam kết thực hiện gói thầu \_\_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*] số E-TBMT: \_\_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*] theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT với giá dự thầu (tổng số tiền) là \_\_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*] cùng với các bảng tổng hợp giá dự thầu kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với tỷ lệ phần trăm giảm giá là \_\_\_\_ [*Ghi tỷ lệ giảm giá, nếu có*].

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: \_\_\_\_ [*Hệ thống tự động tính*] (đã bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).

Hiệu lực của E-HSDT: \_\_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Bảo đảm dự thầu<sup>(2)</sup>: \_\_\_\_ [*ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền của bảo đảm dự thầu*]

Hiệu lực của Bảo đảm dự thầu<sup>(3)</sup>: \_\_\_\_ [*ghi thời gian hiệu lực kể từ ngày đóng thầu*]

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản (không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhà thầu là hộ kinh doanh).
2. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
3. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.
4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;
5. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự (chủ hộ không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp nhà thầu là hộ kinh doanh);
6. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định

của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu.<sup>(4)</sup>

7. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

8. Đáp ứng quy định về cấp doanh nghiệp theo yêu cầu của E-HSMT đối với trường hợp gói thầu xây lắp có giá không quá 05 tỷ đồng.

9. Những thông tin kê khai trong E-HSĐT là trung thực.

10. Trường hợp trúng thầu, E-HSĐT và các văn bản bổ sung, làm rõ E-HSĐT tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết.

11. Nếu E-HSĐT của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 37.1 E-CDNT của E-HSMT.

12. Có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu<sup>(5)</sup>.

13. Trường hợp chúng tôi không nộp bản gốc bảo đảm dự thầu theo yêu cầu của Chủ đầu tư quy định tại Mục 18.5 E-CDNT; trong trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng, không nộp tiền mặt, Séc bảo chi, thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh theo quy định tại Mục 18.7 E-CDNT thì chúng tôi sẽ bị đánh giá không bảo đảm uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP, nêu tên trên Hệ thống và tài khoản của chúng tôi sẽ bị khóa trong vòng 06 tháng kể từ ngày Cục Quản lý đấu thầu, Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận được văn bản đề nghị của Chủ đầu tư<sup>(6)</sup>.

Ghi chú:

(1) Đơn dự thầu được ký bằng chữ ký số của nhà thầu khi nhà thầu nộp E-HSĐT.

(2) Trường hợp đối với gói thầu áp dụng đấu thầu trước, pháp luật không có yêu cầu nhà thầu thực hiện bảo đảm dự thầu thì bỏ nội dung về giá trị và hiệu lực của bảo đảm dự thầu.

(3) Trong trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng thì không áp dụng nội dung này.

(4) E-HSMT không được yêu cầu nhà thầu phải nộp lý lịch tư pháp của nhân sự để chứng minh cho nội dung đánh giá này.

(5) Trường hợp gói thầu áp dụng hình thức chào hàng cạnh tranh mà E-HSMT không yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu.

(6) Trường hợp pháp luật có quy định đối với gói thầu đấu thầu trước, nhà thầu không phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu thì sửa khoản này như sau: “Trường hợp chúng tôi có các hành vi sau đây thì chúng tôi sẽ bị đánh giá không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP, bị nêu tên trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và tài khoản của chúng tôi sẽ bị khóa trong vòng 06 tháng kể từ ngày Cục Quản lý đấu thầu, Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận được văn bản đề nghị của Chủ đầu tư, gồm:

- Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSĐT, nhà thầu có văn bản rút E-HSĐT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSĐT theo yêu cầu của E-HSMT;

- Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 17 của Luật Đấu thầu;
- Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;
- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng;
- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Chủ đầu tư, trừ trường hợp bất khả kháng;
- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.”.

**Mẫu số 03 (webform trên Hệ thống và Scan đính kèm)**

**THỎA THUẬN LIÊN DANH**

Ngày: \_\_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Gói thầu: \_\_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Thuộc dự án/dự toán mua sắm: \_\_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Căn cứ<sup>(1)</sup> \_\_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Căn cứ<sup>(1)</sup> \_\_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Căn cứ E-HSMT Gói thầu: \_\_\_\_ *Hệ thống tự động trích xuất*] với số E-TBMT: \_\_\_\_  
[*Hệ thống tự động trích xuất*]

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

**Tên thành viên liên danh thứ nhất:** \_\_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Mã số thuế: \_\_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*];

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_

Chức vụ: \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại: \_\_\_\_\_

**Tên thành viên liên danh thứ hai:** \_\_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Mã số thuế: \_\_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*];

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_

Chức vụ: \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại: \_\_\_\_\_

...

**Tên thành viên liên danh thứ n:** \_\_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Mã số thuế: \_\_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*];

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_

Chức vụ: \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại: \_\_\_\_\_

...

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

## Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu            [Hệ thống tự động trích xuất] thuộc dự án/dự toán mua sắm            [Hệ thống tự động trích xuất].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là:            [Ghi tên của liên danh].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trùng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
- Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác            [ghi rõ hình thức xử lý khác].

## Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu            [Hệ thống tự động trích xuất] thuộc dự án/dự toán mua sắm            [Hệ thống tự động trích xuất] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh:

Các bên nhất trí phân công            [Hệ thống tự động trích xuất thành viên lập liên danh] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau<sup>(2)</sup>:

- Sử dụng tài khoản, chứng thư số để nộp E-HSĐT cho cả liên danh.
- [-Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Chủ đầu tư trong quá trình tham dự thầu và văn bản giải trình, làm rõ E-HSĐT hoặc văn bản đề nghị rút E-HSĐT;
- Thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh;
- Tham gia quá trình đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng;
- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;
- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng            [ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây <sup>(3)</sup>:

STT	Tên các thành viên trong liên danh	Nội dung công việc đảm nhận	Tỷ lệ % giá trị đảm nhận so với tổng giá dự thầu
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh (Hệ thống tự động trích xuất)	- <u>          </u> - <u>          </u>	- <u>      </u> % - <u>      </u> %

2	Tên thành viên thứ 2	- ____	- ____%
....	....	- ____	- ____%
	<b>Tổng cộng</b>	....	.....
		<b>Toàn bộ công việc của gói thầu</b>	<b>100%</b>

### Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:
  - Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;
  - Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;
  - Nhà thầu liên danh không trúng thầu;
  - Hủy thầu gói thầu \_\_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*] thuộc dự án/dự toán mua sắm \_\_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*] theo thông báo của Chủ đầu tư.

Thỏa thuận liên danh được lập trên sự chấp thuận của tất cả các thành viên.

### ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐÚNG ĐẦU LIÊN DANH

[*xác nhận, chữ ký số*]

### ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[*xác nhận, chữ ký số*]

#### Ghi chú:

- (1) Hệ thống tự động cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.
- (2) Việc phân công trách nhiệm bao gồm một hoặc nhiều công việc như đã nêu.
- (3) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh.

Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng tổng hợp giá dự thầu quy định tại Mẫu số 11 (11A hoặc 11B hoặc 11C hoặc 11D hoặc 11E) Chương IV; không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này.

Mẫu số 04A (Scan đính kèm)

**BẢO LÃNH DỰ THẦU<sup>(1)</sup>**

(áp dụng đối với nhà thầu độc lập)

**Bên thụ hưởng** (Bên nhận bảo lãnh): \_\_\_\_\_ [ghi tên và địa chỉ của Chủ đầu tư quy định tại Mục 1.1 E-BDL]

**Ngày phát hành bảo lãnh:** \_\_\_\_\_ [ghi ngày phát hành bảo lãnh]

**BẢO LÃNH DỰ THẦU số:** \_\_\_\_\_ [ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]

**Bên bảo lãnh:** \_\_\_\_\_ [ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng Bên được bảo lãnh là \_\_\_\_\_ [ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu \_\_\_\_\_ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án/dự toán mua sắm \_\_\_\_\_ [ghi tên dự án/dự toán mua sắm] theo Thư mời thầu/E-TBMT số \_\_\_\_\_ [ghi số trích yếu của Thư mời thầu/E-TBMT].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu bằng một khoản tiền là \_\_\_\_\_ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong \_\_\_\_\_<sup>(2)</sup> ngày, kể từ ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_<sup>(3)</sup>.

Theo yêu cầu của nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết<sup>(4)</sup> sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là \_\_\_\_\_ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] khi nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của nhà thầu trong các trường hợp sau đây:

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT, nhà thầu có văn bản rút E-HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT;
2. Nhà thầu, nhà đầu tư có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 của Luật này hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu;
3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;
4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng;
5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc đối với đấu thầu trong nước và 10 ngày đối với đấu thầu quốc tế kể từ ngày nhận được thông báo mời thương thảo hợp đồng hoặc đã thương thảo hợp đồng nhưng từ chối hoàn thiện, ký kết biên bản thương thảo hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;

6. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của chủ đầu tư, trừ trường hợp bất khả kháng;
7. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;

Trường hợp Nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp Nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn Nhà thầu hoặc trong vòng 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh này. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn số tiền bảo lãnh nêu trên khi có yêu cầu bồi thường của Chủ đầu tư.

#### **Đại diện hợp pháp của ngân hàng**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

- (1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-BDL, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ.
- (2) Ghi theo quy định về thời gian hiệu lực tại Mục 18.2 E-BDL.
- (3) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại E-TBMT. Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo lãnh dự thầu nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó).
- (4) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư theo quy định tại Mục 18.3 E-CDNT và thu bảo lãnh được coi là không hợp lệ.

**Mẫu số 04B (Scan đính kèm)**

**BẢO LÃNH DỰ THẦU<sup>(1)</sup>**

*(áp dụng đối với nhà thầu liên danh)*

**Bên thụ hưởng** (Bên nhận bảo lãnh): \_\_\_\_\_ [*ghi tên và địa chỉ của Chủ đầu tư quy định tại Mục 1.1 E-BDL*]

**Ngày phát hành bảo lãnh:** \_\_\_\_\_ [*ghi ngày phát hành bảo lãnh*]

**BẢO LÃNH DỰ THẦU số:** \_\_\_\_\_ [*ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu*]

**Bên bảo lãnh:** \_\_\_\_\_ [*ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in*]

Chúng tôi được thông báo rằng Bên được bảo lãnh là \_\_\_\_\_ [*ghi tên nhà thầu*]<sup>(2)</sup> (sau đây gọi là “Nhà thầu”) sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu \_\_\_\_\_ [*ghi tên gói thầu*] thuộc dự án/dự toán mua sắm \_\_\_\_\_ [*ghi tên dự án/dự toán mua sắm*] theo Thư mời thầu/E-TBMT số \_\_\_\_\_ [*ghi số trích yếu của Thư mời thầu/E-TBMT*].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu tham dự thầu gói thầu này bằng một khoản tiền là \_\_\_\_\_ [*ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng*].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong \_\_\_\_\_<sup>(3)</sup> ngày, kể từ ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_<sup>(4)</sup>.

Theo yêu cầu của nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết<sup>(5)</sup> sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là \_\_\_\_\_ [*ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng*] khi nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của nhà thầu trong các trường hợp sau đây:

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT, nhà thầu có văn bản rút E-HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT;
2. Nhà thầu, nhà đầu tư có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 của Luật này hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu;
3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;
4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng;
5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc đối với đấu thầu trong nước và 10 ngày đối với đấu thầu quốc tế kể từ ngày nhận được thông báo mời thương thảo hợp đồng hoặc đã thương thảo hợp đồng nhưng từ chối hoàn thiện, ký kết biên bản thương thảo hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;

6. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của chủ đầu tư, trừ trường hợp bất khả kháng;

7. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;

8. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh \_\_\_\_\_ [*Ghi đây đủ tên của nhà thầu liên danh*] vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b khoản 18.5 E-CDNT thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

Trường hợp nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc trong vòng 30 ngày kể từ khi hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bắt cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh này. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn số tiền bảo lãnh nêu trên khi có yêu cầu bồi thường của Chủ đầu tư.

#### **Đại diện hợp pháp của ngân hàng**

[*Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-BDL, không dùng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ.

(2) Tên nhà thầu có thể là một trong các trường hợp sau đây:

- Tên của cả nhà thầu liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B tham dự thầu thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu liên danh A + B”;
- Tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện bảo lãnh dự thầu cho cả liên danh hoặc cho thành viên khác trong liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B + C tham dự thầu, trường hợp trong thoả thuận liên danh phân công cho nhà thầu A thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh thì tên nhà thầu ghi là “nhà thầu A (thay mặt cho nhà thầu liên danh A + B + C)”, trường hợp trong thoả thuận liên danh phân công nhà thầu B thực hiện bảo đảm dự thầu cho nhà thầu B và C thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu B (thay mặt cho nhà thầu B + C)”;
- Tên của thành viên liên danh thực hiện riêng rẽ bảo lãnh dự thầu;
- Trường hợp trong thoả thuận liên danh không phân công cụ thể trách nhiệm thực hiện bảo

đảm dự thầu của các thành viên trong liên danh nhưng tổng giá trị bảo đảm dự thầu của các thành viên liên danh đã thực hiện, đính kèm trong E-HSDT đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì vẫn được đánh giá là đáp ứng về giá trị bảo đảm dự thầu.

- (3) Ghi theo quy định về thời gian hiệu lực tại Mục 18.2 E-BDL.
- (4) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại E-TBMT. Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo lãnh dự thầu nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó).
- (5) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là có điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư theo quy định tại Mục 18.3 E-CDNT và thư bảo lãnh được coi là không hợp lệ.

## Mẫu số 05 (Scan đính kèm)

**HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN**

Tên nhà thầu: \_\_\_\_\_ [ghi tên đầy đủ của nhà thầu].

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	<i>[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]</i>		
Ngày ký hợp đồng	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>		
Ngày hoàn thành	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>		
Giá hợp đồng	<i>[ghi tổng giá hợp đồng theo số tiền và đồng tiền đã ký]</i>	Tương đương ___ VND	
	<i>[ghi tóm tắt phân công việc đảm nhận trong liên danh]</i>	<i>[ghi phần trăm giá trị phần hợp đồng đảm nhận trong tổng giá hợp đồng; số tiền và đồng tiền đã ký]</i>	Tương đương ___ VND
Trường hợp là thành viên liên danh, ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh và giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhận	<i>[ghi tên đầy đủ của dự án/dự toán mua sắm có hợp đồng đang kê khai]</i>		
Tên dự án/dự toán mua sắm:	<i>[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]</i>		
Tên Chủ đầu tư:	<i>[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư]</i>		
Địa chỉ:	<i>[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng]</i>		
Điện thoại/fax:	<i>[ghi địa chỉ e-mail]</i>		
E-mail:			
<b>Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2.1 Chương III <sup>(2)</sup></b>			
1. Loại kết cấu, cấp công trình	<i>[Loại kết cấu, cấp công trình được xác định theo quy định của pháp luật xây dựng tại thời điểm phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình theo hợp đồng này]</i>		
2. Giá trị hợp đồng đã thực hiện	<i>[ghi giá trị hợp đồng thực tế đã thực hiện căn cứ theo giá trị nghiệm thu, thanh lý hợp đồng]</i>		

3. Các nội dung công việc chính của hợp đồng đã thực hiện	<i>[ghi thông tin trong hợp đồng]</i>
4. Phương pháp, công nghệ	<i>[ghi thông tin trong hợp đồng]</i>
5. Các nội dung khác	<i>[ghi thông tin (nếu có)]</i>

Ghi chú:

Nhà thầu nghiên cứu kỹ E-HSMT và đề xuất các hợp đồng tương tự để bảo đảm đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này. Trường hợp nhà thầu có nhiều hợp đồng tương tự thì kê khai từng hợp đồng theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

(3) Trường hợp giá trị hợp đồng không tính bằng VND thì quy đổi sang VND theo tỷ giá theo quy định tại Mục 2.1 Chương III để làm cơ sở đánh giá.

**Mẫu số 06A (Scan đính kèm)**

**BẢNG ĐỀ XUẤT NHÂN SỰ CHỦ CHỐT**

Nhà thầu phải kê khai những nhân sự chủ chốt theo quy định tại điểm a Mục 2.2 Chương III và phải chứng minh khả năng sẵn sàng huy động các nhân sự này để tham gia thực hiện gói thầu. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu đề xuất trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai nhân sự không trung thực thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 125 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

Trường hợp nhà thầu tham dự nhiều gói thầu trong cùng khoảng thời gian và nhân sự của nhà thầu đề xuất cho các gói thầu này trùng nhau thì E-HSDT của nhà thầu vẫn được xem xét, đánh giá. Tuy nhiên, nếu nhà thầu được xếp hạng thứ nhất ở nhiều gói thầu và thời gian huy động nhân sự để thực hiện các gói thầu này là trùng lặp, không bảo đảm huy động được đầy đủ nhân sự theo đúng tiến độ, yêu cầu của gói thầu thì nhà thầu được lựa chọn một trong các gói thầu mà nhà thầu xếp hạng thứ nhất.

STT	Họ và Tên	Vị trí công việc
1	[nhà thầu chọn nhân sự chủ chốt từ cơ sở dữ liệu của mình trên Hệ thống]	[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]
2		
...		

## BẢNG LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN CỦA NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Stt	Thông tin nhân sự					Công việc hiện tại					
	Tên	Căn cước công dân/Hộ chiếu	Vị trí	Ngày, tháng, năm sinh	Chứng chỉ/Trình độ chuyên môn	Tên người sử dụng lao động	Địa chỉ của người sử dụng lao động	Chức danh	Số năm làm việc cho người sử dụng lao động hiện tại	Người liên lạc (trưởng phòng / cán bộ phụ trách nhân sự)	Điện thoại/ Fax/ Email
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]										
2	[ghi tên nhân sự chủ chốt 2]										
...											
n	[ghi tên nhân sự chủ chốt n]										

Nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin được yêu cầu và chuẩn bị tài liệu để đối chiếu (bản chụp được chứng thực các văn bản, chứng chỉ có liên quan, kinh nghiệm chuyên môn kê khai tại Mẫu số 6C Chương IV) trong quá trình đối chiếu tài liệu.

## BẢNG KINH NGHIỆM CHUYÊN MÔN

STT	Tên nhân sự chủ chốt	Từ ngày	Đến ngày	Công ty/Dự án/Chức vụ/Hợp đồng/ Kinh nghiệm chuyên môn và quản lý có liên quan
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]	...	...	...
2				
...	...			

Liệt kê theo trình tự thời gian quá trình công tác của chuyên gia, không cần liệt kê các công việc đã làm không phù hợp hoặc không liên quan với công việc đang yêu cầu.

Nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin được yêu cầu và chuẩn bị tài liệu để đối chiếu trong quá trình đối chiếu tài liệu.

Mẫu số 06D (Scan đính kèm)

**BẢNG KÊ KHAI THIẾT BỊ THI CÔNG CHỦ YẾU**

Nhà thầu phải kê khai những thiết bị thi công chủ yếu theo quy định tại điểm b Mục 2.2 Chương III và phải chứng minh khả năng sẵn sàng huy động các thiết bị này để tham gia thực hiện gói thầu. Thiết bị thi công chủ yếu có thể thuộc sở hữu của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp thiết bị thi công chủ yếu mà nhà thầu đề xuất trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng thiết bị trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có thiết bị thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai thiết bị không trung thực thì nhà thầu không được thay thế nhân sự, thiết bị khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 125 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

Trường hợp nhà thầu tham dự nhiều gói thầu trong cùng khoảng thời gian và thiết bị của nhà thầu đề xuất cho các gói thầu này trùng nhau thì E-HSDT của nhà thầu vẫn được xem xét, đánh giá. Tuy nhiên, nếu nhà thầu được xếp hạng thứ nhất ở nhiều gói thầu và thời gian huy động thiết bị để thực hiện các gói thầu này là trùng lặp, không bảo đảm huy động được đầy đủ thiết bị theo đúng tiến độ, yêu cầu của gói thầu thì nhà thầu được lựa chọn một trong các gói thầu mà nhà thầu xếp hạng thứ nhất.

STT	Thông tin thiết bị							Hiện trạng			
	Loại thiết bị	Tên nhà sản xuất	Đời máy (model)	Công suất	Năm sản xuất	Tính năng	Xuất xứ	Số đăng ký/dăng kiểm (nếu có)	Địa điểm hiện tại của thiết bị	Thông tin về tình hình huy động, sử dụng thiết bị hiện tại	Nguồn thiết bị (Sở hữu của nhà thầu/đi thuê/cho thuê/chế tạo đặc biệt)
1											

2																			
...																			

Đối với các thiết bị không thuộc sở hữu của mình thì nhà thầu phải kê khai thêm các thông tin dưới đây:

Loại thiết bị	Chủ sở hữu					Telex	Số Fax	Số điện thoại	Địa chỉ chủ sở hữu	Thông tin chi tiết về thỏa thuận thuê/cho thuê/chế tạo thiết bị cụ thể cho dự án
	Tên chủ sở hữu	Số đăng ký	Địa chỉ chủ sở hữu	Số điện thoại	Số Fax					

## Mẫu số 07 (Scan đính kèm)

**HỢP ĐỒNG XÂY LẮP, EPC, EC, PC, CHÌA KHÓA TRAO TAY KHÔNG  
HOÀN THÀNH DO LỖI CỦA NHÀ THẦU TRONG QUÁ KHỨ<sup>(1)</sup>**

Tên nhà thầu: \_\_\_\_\_

Ngày: \_\_\_\_\_

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): \_\_\_\_\_

Các hợp đồng xây lắp, EPC, EC, PC không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ theo quy định tại Mục 2.1 Chương III			
<input type="checkbox"/>	Không có hợp đồng xây lắp, EPC, EC, PC không hoàn thành do lỗi của nhà thầu kể từ ngày 01 tháng 01 năm <u>          </u> [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương III.		
<input type="checkbox"/>	Có hợp đồng xây lắp, EPC, EC, PC đã ký nhưng không hoàn thành do lỗi của nhà thầu tính từ ngày 01 tháng 01 năm <u>          </u> [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương III.		
Năm	Phản việc hợp đồng không hoàn thành	Mô tả hợp đồng	Tổng giá trị hợp đồng (giá trị, loại đồng tiền, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng VND)
		Mô tả hợp đồng: _____ Tên Chủ đầu tư: _____ Địa chỉ: _____ Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng: _____	

Ghi chú:

(1) Nhà thầu phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng xây lắp, EPC, EC, PC không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ; trường hợp Chủ đầu tư phát hiện nhà thầu có hợp đồng xây lắp, EPC, EC, PC không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ mà không kê khai thì nhà thầu được coi là có hành vi gian lận và E-HSMT của nhà thầu sẽ bị loại. Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

## Mẫu số 08A (Scan đính kèm)

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU <sup>(1)</sup>

Tên nhà thầu: \_\_\_\_\_

Ngày: \_\_\_\_\_

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): \_\_\_\_\_

Năm tài chính của nhà thầu từ ngày ___ tháng ___ đến ngày ___ tháng ___ (nhà thầu điền nội dung này)		Năm 1:	Năm 2:	Năm 3:
<b>Số liệu tài chính trong các năm gần nhất theo yêu cầu của E-HSMT (Hệ thống tự động trích xuất trên cơ sở năm tài chính của nhà thầu)</b>				
Tổng tài sản				
Tổng nợ				
Giá trị tài sản ròng				
Doanh thu hằng năm (không bao gồm cả thuế VAT)				
<b>Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)<sup>(2)</sup></b>				
Lợi nhuận trước thuế				
Lợi nhuận sau thuế				

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Để xác định doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT), nhà thầu chia tổng doanh thu của các năm (không bao gồm thuế VAT) cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp.

Doanh thu hằng năm được tính bằng tổng doanh thu trong báo cáo tài chính của năm đó (chưa bao gồm thuế VAT).

Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = tổng doanh thu từng năm (không bao gồm thuế VAT) theo yêu cầu của E-HSMT/số năm.

Trường hợp nhà thầu mới thành lập không đủ số năm theo yêu cầu của E-HSMT thì Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên cơ sở số năm mà nhà thầu có số liệu tài chính.

Doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được trích xuất từ hồ sơ năng lực của nhà thầu. Trường hợp nhà thầu nhận thấy doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT) trong hồ sơ năng lực của nhà thầu chưa được Hệ thống cập nhật từ Hệ thống thuế điện tử và Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp thì nhà thầu tự cập nhật thông tin về doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT) vào hồ sơ năng lực để tham dự thầu nhưng bảo đảm phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp này, nhà thầu phải chuẩn bị các tài liệu để đối chiếu các thông tin mà nhà thầu kê khai trong quá trình đối chiếu tài liệu như sau:

Bản sao các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, và các báo cáo kết quả kinh doanh) cho các năm như đã nêu trên, tuân thủ các điều kiện sau:

1. Phản ánh tình hình tài chính của nhà thầu hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà thầu liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ liên kết với công ty con hoặc công ty liên kết với nhà thầu hoặc thành viên liên danh.

2. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.

3. Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành kèm theo bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây:

- Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;
- Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;
- Tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử;
- Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;
- Báo cáo kiểm toán (nếu có);
- Các tài liệu khác.

Các tài liệu trên đây phải phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu.

**Mẫu số 08B (Scan đính kèm)****NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH <sup>(1)</sup>**

Nêu rõ các nguồn tài chính dự kiến, chẳng hạn như các tài sản có khả năng thanh khoản cao, hạn mức tín dụng khả dụng (hạn mức tín dụng còn được sử dụng) hoặc các nguồn tài chính khác (không bao gồm các khoản tạm ứng thanh toán theo hợp đồng) có sẵn để đáp ứng yêu cầu về nguồn lực tài chính được nêu trong Mẫu số 08C Chương này.

Nguồn lực tài chính của nhà thầu	
STT	Số tiền (VND)
1	
2	
3	
4	
5	
...	
<b>Tổng nguồn lực tài chính của nhà thầu (TNL)</b>	

Ghi chú:

(1) Từng nhà thầu hoặc thành viên liên danh phải cung cấp thông tin về nguồn lực tài chính của mình, kèm theo tài liệu chứng minh.

Nguồn lực tài chính mà nhà thầu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu được tính theo công thức sau:

$$NLTC = TNL - ĐTH$$

Trong đó:

- NLTC là nguồn lực tài chính mà nhà thầu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu;
- TNL là tổng nguồn lực tài chính của nhà thầu (nêu tại Mẫu này);
- ĐTH là tổng yêu cầu về nguồn lực tài chính hàng tháng cho các hợp đồng đang thực hiện (nêu tại Mẫu số 08C).

Nhà thầu được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu nếu có nguồn lực tài chính dự kiến huy động để thực hiện gói thầu (NLTC) tối thiểu bằng giá trị yêu

cầu tại tiêu chí đánh giá 3.3 Bảng số 01: Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực tài chính và kinh nghiệm Mục 2.1 Chương III.

Trường hợp E-HSMT có yêu cầu về cam kết cung cấp tín dụng và trong E-HSDT của nhà thầu có nộp kèm theo bản cam kết cung cấp tín dụng của tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, trong đó cam kết sẽ cung cấp tín dụng cho nhà thầu để thực hiện gói đang xét đáp ứng quy định tại tiêu chí đánh giá 3.3 Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực tài chính và kinh nghiệm Mục 2.1 Chương III thì nhà thầu được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu. Bản cam kết cung cấp tín dụng bao gồm các điều kiện để được ngân hàng cấp tín dụng theo quy định của pháp luật về tín dụng vẫn được chấp nhận; bên cạnh việc sử dụng cam kết cung cấp tín dụng, nhà thầu vẫn phải kê khai thông tin theo Mẫu này và Mẫu số 08C.

(2) Tài sản có khả năng thanh khoản cao là tiền mặt và tương đương tiền mặt, các công cụ tài chính ngắn hạn, các chứng khoán sẵn sàng để bán, chứng khoán để bán, các khoản phải thu thương mại, các khoản phải thu tài chính ngắn hạn và các tài sản khác mà có thể chuyển đổi thành tiền mặt trong vòng một năm.

Mẫu số 08C (Scan đính kèm)

**NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH HÀNG THÁNG  
CHO CÁC HỢP ĐỒNG ĐANG THỰC HIỆN <sup>(1)</sup>**

STT	Tên hợp đồng	Người liên hệ của Chủ đầu tư (địa chỉ, điện thoại, fax)	Ngày hoàn thành hợp đồng	Thời hạn còn lại của hợp đồng tính bằng tháng <sup>(A)<sup>(2)</sup></sup>	Giá trị hợp đồng chưa thanh toán, bao gồm cả thuế <sup>(B)<sup>(3)</sup></sup>	Yêu cầu về nguồn lực tài chính hàng tháng <sup>(B/A)</sup>
1						
2						
3						
4						
...						
<b>A. Tổng yêu cầu về nguồn lực tài chính hàng tháng cho các hợp đồng đang thực hiện (ĐTH)</b>						

Ghi chú:

(1) Từng nhà thầu hoặc thành viên liên danh phải cung cấp thông tin được nêu dưới đây để tính toán tổng các yêu cầu về nguồn lực tài chính, bằng tổng của: (i) các cam kết hiện tại của nhà thầu (hoặc từng thành viên liên danh) trong tất cả các hợp đồng mà nhà thầu (hoặc từng thành viên liên danh) đang thực hiện hoặc sẽ được thực hiện; (ii) yêu cầu về nguồn lực tài chính đối với hợp đồng đang xét. Ngoài ra, nhà thầu cũng phải cung cấp thông tin về bất kỳ nghĩa vụ tài chính nào khác có thể ảnh hưởng đáng kể đến việc thực hiện hợp đồng đang xét nếu nhà thầu được trao hợp đồng.

(2) Thời hạn còn lại của hợp đồng tính tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu.

(3) Giá trị hợp đồng còn lại chưa được thanh toán tính tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu.

## Mẫu số 09A (Scan đính kèm)

## PHẠM VI CÔNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ THẦU PHỤ (1)

STT	Tên nhà thầu phụ <sup>(2)</sup>	Phạm vi công việc <sup>(3)</sup>	Khối lượng công việc <sup>(4)</sup>	Giá trị % ước tính <sup>(5)</sup>	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ <sup>(6)</sup>
1					
2					
3					
4					
...					

Ghi chú:

- (1) Trường hợp E-HSMT có quy định về việc sử dụng nhà thầu phụ thì nhà thầu kê khai theo Mẫu này.
- (2) Nhà thầu ghi cụ thể tên nhà thầu phụ. Trường hợp khi tham dự thầu chưa xác định được cụ thể danh tính của nhà thầu phụ thì không phải kê khai vào cột này mà chỉ kê khai vào cột ‘Phạm vi công việc’. Nếu nhà thầu trúng thầu thì khi huy động nhà thầu phụ thực hiện công việc đã kê khai phải được sự chấp thuận của Chủ đầu tư.
- (3) Nhà thầu ghi cụ thể tên hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ.
- (4) Nhà thầu ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ.
- (5) Nhà thầu ghi cụ thể giá trị % công việc mà nhà thầu phụ đảm nhận so với giá dự thầu nhưng không được vượt quá tỷ lệ phần trăm (%) quy định tại Mục 30.3 E-BDL. Trường hợp nhà thầu liên danh, thành viên liên danh được sử dụng nhà thầu phụ đối với phần công việc đảm nhận theo tỷ lệ % quy định tại Mục 30.3 E-BDL.
- (6) Nhà thầu ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận và đính kèm bản scan các tài liệu này trong E-HSDT. Trường hợp khi tham dự thầu chưa xác định được nhà thầu phụ thì để trống cột này.

**Mẫu số 09B (Scan đính kèm)****BẢNG KÊ KHAI NHÀ THẦU PHỤ ĐẶC BIỆT <sup>(1)</sup>**

Nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 2.3 Mục 2 Chương III.

STT	Tên nhà thầu phụ đặc biệt <sup>(2)</sup>	Phạm vi công việc <sup>(3)</sup>	Khối lượng công việc <sup>(4)</sup>	Giá trị % ước tính <sup>(5)</sup>	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ đặc biệt <sup>(6)</sup>
1					
2					
3					
4					
...					

Ghi chú:

- (1) Trường hợp sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt thì kê khai theo Mẫu này.
- (2) Nhà thầu ghi cụ thể tên nhà thầu phụ đặc biệt.
- (3) Chủ đầu tư ghi cụ thể tên hạng mục công việc sẽ được sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt.
- (4) Nhà thầu ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ đặc biệt.
- (5) Nhà thầu ghi cụ thể giá trị % công việc mà nhà thầu phụ đặc biệt đảm nhận so với giá trị gói thầu.
- (6) Nhà thầu ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận và đính kèm bản scan các tài liệu này trong E-HSMT.

**DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY THÀNH VIÊN  
ĐẢM NHẬN PHẦN CÔNG VIỆC CỦA GÓI THẦU<sup>(1)</sup>**

STT	Tên công ty con, công ty thành viên <sup>(2)</sup>	Công việc đảm nhận trong gói thầu <sup>(3)</sup>	Giá trị % so với giá dự thầu <sup>(4)</sup>	Ghi chú
1				
2				
3				
4				
5				
...				

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) huy động công ty con, công ty thành viên thực hiện một phần công việc gói thầu thì phải kê khai cụ thể tại bảng này. Việc đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị, khối lượng công việc do công ty mẹ, công ty con đảm nhiệm trong gói thầu. Trường hợp nhà thầu tham dự thầu không phải là công ty mẹ thì không áp dụng Mẫu này.

(2) Ghi cụ thể tên công ty con, công ty thành viên.

(3) Ghi cụ thể phần công việc đảm nhận của công ty con, công ty thành viên.

(4) Ghi cụ thể giá trị % công việc của công ty con, công ty thành viên đảm nhận so với giá dự thầu.

**BẢNG TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN**

Nhà thầu đề xuất tiến độ thực hiện phù hợp với yêu cầu của Chủ đầu tư và phù hợp với đề xuất kỹ thuật của nhà thầu

STT	Công trình	Địa điểm	Thời gian hoàn thành công trình		Thời gian hoàn thành công trình do Nhà thầu đề xuất [ghi số ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực]
			Thời gian hoàn thành công trình sớm nhất [ghi số ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực]	Thời gian hoàn thành công trình muộn nhất [ghi số ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực]	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

Ghi chú:

(2), (3), (4), (5): Trích xuất từ Mẫu số 01F Chương này.

(6): Nhà thầu đề xuất.

**BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU**

(Đối với loại hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh)

STT	Mô tả công việc mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật/Chi dẫn kỹ thuật chính	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Đơn giá dự thầu	Thành tiền (Cột 4 x 6)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<b>I</b>	<b>Các hạng mục</b>					
<b>I.1</b>	<b>Hạng mục 1</b>					
1	...					
2	...					
<b>I.2</b>	<b>Hạng mục 2</b>					
1	...					
2	...					
..	...					...
<b>II</b>	<b>Chi phí dự phòng<sup>(*)</sup></b>					
1	Chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh và chi phí dự phòng trượt giá		b2%			$B2 = b2\% \times A$
2	Chi phí công nhật					$Y1$
3	Chi phí cho các khoản tạm tính khác					$Y2$
<b>Tổng giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)):</b>						$X3=A+B2+Y1+Y2$

Ghi chú:

(6) nhà thầu ghi đơn giá dự thầu của từng hạng mục.

(7) Hệ thống tự động tính. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm chi phí cho các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) và chi phí dự phòng.

(\*) được trích xuất từ bảng mời thầu của Chủ đầu tư. Chi phí dự phòng chỉ được sử dụng khi có phát sinh khối lượng công việc trong thực tế và có trượt giá.

## BẢNG KÊ CÔNG NHẬT

### 1. Quy định chung

a) Bảng kê Công nhật thông thường được áp dụng đối với các gói thầu có khả năng phát sinh công việc ngoài các công việc nêu trong Bảng tổng hợp giá dự thầu hoặc không thể đưa vào nội dung mô tả, khối lượng, số lượng ước tính trong Bảng tổng hợp giá dự thầu.

Trường hợp cần đưa Bảng kê Công nhật vào E-HSMT thì phải ghi rõ khối lượng, số lượng danh nghĩa đối với các hạng mục có khả năng phải sử dụng công nhật để nhà thầu làm cơ sở chào giá. Giá dự thầu cho phần công nhật được kết chuyển vào phần Chi phí cho các khoản tạm tính trong Bảng tổng hợp giá dự thầu. Phần Chi phí cho các khoản tạm tính, trong đó bao gồm Chi phí công nhật sẽ được tách riêng và không được xem xét trong quá trình đánh giá E-HSDT để so sánh các E-HSDT.

b) Giá trúng thầu và giá hợp đồng sẽ bao gồm Chi phí cho các khoản tạm tính do nhà thầu chào trong E-HSDT. Trường hợp trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có phát sinh công nhật hoặc các công việc tạm tính khác thì Chủ đầu tư sẽ dùng khoản kinh phí cho các khoản tạm tính để thanh toán cho nhà thầu theo quy định trong hợp đồng.

c) Các công việc sẽ không được thực hiện trên cơ sở công nhật trừ trường hợp có yêu cầu bằng văn bản của Chủ đầu tư. Nhà thầu phải điền đơn giá, thành tiền cho các hạng mục công nhật trong các Bảng nhân công, vật liệu, thiết bị. Đơn giá do nhà thầu chào sẽ được áp dụng đối với bất kỳ khối lượng công nhật nào được Chủ đầu tư yêu cầu thực hiện. Trừ khi hợp đồng có quy định khác, các khoản thanh toán cho công nhật sẽ phụ thuộc vào quy định về điều chỉnh giá trong Điều kiện hợp đồng.

### 2. Nhân công tính theo Công nhật

a) Khi tính toán các khoản thanh toán cho nhà thầu theo công nhật, số giờ cho nhân công sẽ được tính từ thời điểm nhân công đến hiện trường để thực hiện hạng mục công nhật đến thời điểm nhân công quay trở về nơi xuất phát ban đầu, nhưng không bao gồm thời gian nghỉ ăn trưa và những khoảng thời gian nghỉ khác. Chỉ có thời gian của các nhân công trực tiếp làm công việc theo yêu cầu của Chủ đầu tư và công việc mà nhân công có khả năng thực hiện mới được tính chi phí. Thời gian đội trưởng tham gia xây lắp cùng tập thể lao động cũng sẽ được tính nhưng không tính thời gian của đốc công hoặc nhân sự giám sát khác.

b) Nhà thầu được thanh toán đối với tổng số thời gian mà nhân công được thuê theo công nhật. Giá trị thanh toán được tính theo đơn giá mà nhà thầu chào trong **Bảng đơn giá công nhật: 1. Nhân công**. Đơn giá được coi là đã bao gồm (nhưng không giới hạn) tất cả các chi phí phải thanh toán cho nhà thầu như:

- Số tiền lương trả cho người lao động;

- Chi phí đi lại, làm thêm giờ, sinh hoạt phí;
- Các chi phí về phúc lợi xã hội liên quan;
- Lợi nhuận của nhà thầu, chi phí quản lý, giám sát, bảo hiểm;
- Chi phí điện, nước, an ninh, văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, hành chính, văn thư và các chi phí liên quan khác.

### 3. Vật liệu tính theo Công nhật

Nhà thầu sẽ được thanh toán đối với vật liệu được sử dụng để thực hiện công việc theo công nhật với đơn giá mà nhà thầu chào trong **Bảng đơn giá công nhật: 2. Vật liệu**. Đơn giá phải được chào bằng VND và được coi là đã bao gồm chi phí quản lý, lợi nhuận như sau:

- Đơn giá vật liệu sẽ được tính trên cơ sở giá ghi trên hóa đơn cộng với các chi phí để giao vật liệu đến kho tại Công trường bao gồm chi phí vận chuyển, bảo hiểm, chi phí bốc dỡ, thiệt hại, tồn thất...;
- Chi phí vận chuyển vật liệu để sử dụng vào công việc được yêu cầu thực hiện theo công nhật từ kho chứa tại Công trường đến địa điểm mà vật liệu được sử dụng sẽ được thanh toán theo các điều khoản về Nhân công và Thiết bị thi công trong Bảng này.

### 4. Thiết bị của nhà thầu tính theo Công nhật

- Nhà thầu được thanh toán đối với Thiết bị của nhà thầu đã có tại Công trường và được sử dụng vào công việc theo công nhật theo đơn giá mà nhà thầu chào trong **Bảng đơn giá công nhật: 3. Thiết bị của nhà thầu**. Đơn giá phải được chào bằng VND và được coi là đã bao gồm (nhưng không giới hạn) các khoản chi phí sau:
  - Chi phí khấu hao thiết bị;
  - Chi phí lãi suất, tiền bồi thường, tiền bảo hiểm, sửa chữa, bảo trì, vật tư, nhiên liệu, dầu nhờn và vật tư tiêu hao khác;
  - Lợi nhuận và chi phí quản lý liên quan đến việc sử dụng các thiết bị.
  - Chi phí cho nhân viên vận hành thiết bị và trợ lý sẽ được thanh toán riêng như mô tả tại phần Nhân công tính theo Công nhật.
- Chỉ có số giờ vận hành thực sự của thiết bị để thực hiện các công việc theo công nhật mới đủ điều kiện để thanh toán; trừ trường hợp chủ đầu tư chấp nhận thanh toán đối với thời gian di chuyển thiết bị từ Công trường nơi thiết bị được đặt đến vị trí thi công các công việc theo công nhật và thời gian di chuyển thiết bị về vị trí ban đầu.

#### Bảng đơn giá công nhật: 1. Nhân công

Công việc số	Mô tả <sup>(1)</sup>	Đơn vị <sup>(2)</sup>	Số lượng danh nghĩa <sup>(3)</sup>	Đơn giá <sup>(4)</sup>	Thành tiền <sup>(5)</sup> (VND)
--------------	----------------------	-----------------------	------------------------------------	------------------------	------------------------------------

1	Trưởng nhóm	giờ	50	
2	Công nhân phổ thông	giờ	500	
3	Thợ nề	giờ	200	
4	Thợ hồ	giờ	200	
5	Thợ mộc	giờ	100	
6	Thợ sắt	giờ	100	
7	Lái xe đến 10 tấn	giờ	100	
...	....			
<b>Tổng giá cho Công nhật: Nhân công</b> (kết chuyển sang Bảng Công nhật tổng hợp)				(A1)

Ghi chú:

(1), (2), (3) Chủ đầu tư căn cứ khả năng phát sinh công việc ngoài các công việc nêu trong Bảng tổng hợp giá dự thầu hoặc không thể đưa vào nội dung mô tả, khối lượng, số lượng ước tính trong Bảng tổng hợp giá dự thầu để dự tính và ghi cụ thể tên công việc, đơn vị tính và số lượng danh nghĩa cho các công việc có thể sử dụng công nhật để nhà thầu làm cơ sở chào thầu.

(4), (5) Nhà thầu ghi đơn giá, thành tiền cho từng nội dung tương ứng trong cột “Mô tả”.

**Bảng Đơn giá Công nhật: 2. Vật liệu**

Công việc số	Mô tả <sup>(1)</sup>	Đơn vị <sup>(2)</sup>	Số lượng danh nghĩa <sup>(3)</sup>	Đơn giá <sup>(4)</sup>	Thành tiền <sup>(5)</sup> (VND)
1	Xi măng Portland	tấn	0,5		
2	Thanh gia cố thép dèo có đường kính 16mmØ đến M-31 hoặc tương đương	kg	100		
3	Đường ống gang dèo (800mm Ø)	m	12		
...	.....				
	<b>Tổng giá cho Công nhật: Vật liệu</b> (kết chuyển sang Bảng Công nhật tổng hợp)				(A2)

**Ghi chú:**

(1), (2), (3) Chủ đầu tư căn cứ khả năng phát sinh công việc ngoài các công việc nêu trong Bảng tổng hợp giá dự thầu hoặc không thể đưa vào nội dung mô tả, khối lượng, số lượng ước tính trong Bảng tổng hợp giá dự thầu để dự tính và ghi cụ thể tên công việc, đơn vị tính và số lượng danh nghĩa cho các công việc có thể sử dụng công nhật để nhà thầu làm cơ sở chào thầu.

(4), (5) Nhà thầu ghi đơn giá, thành tiền cho từng nội dung tương ứng trong cột “Mô tả”.

**Bảng Đơn giá Công nhật 3. Thiết bị của Nhà thầu**

Công việc số	Mô tả <sup>(1)</sup>	Đơn vị <sup>(2)</sup>	Số lượng danh nghĩa <sup>(3)</sup>	Đơn giá <sup>(4)</sup>	Thành tiền <sup>(5)</sup> (VND)
1	Máy cẩu bánh xích, 10 - 15 tấn	giờ	10		
2	Ô tô cần trục, 25-50 tấn	giờ	15		
3	Máy đào thủy lực, 170Hp	giờ	10		
4	Máy san ủi, 3m, 100Hp	giờ	20		
5	Xe téc chở nước, 5000 lít	giờ	30		
6	Máy nén khí, 6000 lít/phút	giờ	40		
...	....				
<b>Tổng giá cho Công nhật: Thiết bị của Nhà thầu</b> (kết chuyển sang Bảng Công nhật tổng hợp)					(A3)

Ghi chú:

(1), (2), (3) Chủ đầu tư căn cứ khả năng phát sinh công việc ngoài các công việc nêu trong Bảng tổng hợp giá dự thầu hoặc không thể đưa vào nội dung mô tả, khối lượng, số lượng ước tính trong Bảng tổng hợp giá dự thầu để dự tính và ghi cụ thể tên công việc, đơn vị tính và số lượng danh nghĩa cho các công việc có thể sử dụng công nhật để nhà thầu làm cơ sở chào thầu.

(4), (5) Nhà thầu ghi đơn giá, thành tiền cho từng nội dung tương ứng trong cột “Mô tả”.

**Bảng Công nhật tổng hợp**

	Thành tiền (VND)
1. Tổng giá cho Công nhật: Nhân công	(A1)
2. Tổng giá cho Công nhật: Vật liệu	(A2)
3. Tổng giá cho Công nhật: Thiết bị của nhà thầu.	(A3)
<b>Tổng giá cho Công nhật</b> (kết chuyển sang cột “số tiền” của Chi phí công nhật trong Bảng tổng hợp giá dự thầu)	<b>Y1</b>

**Mẫu số 12B (Scan đính kèm)****BẢNG KÊ CÁC KHOẢN TẠM TÍNH**

Phần chi phí cho các khoản tạm tính sẽ được tách riêng và không được xem xét trong quá trình đánh giá E-HSDT để so sánh các E-HSDT. Giá trúng thầu và giá hợp đồng sẽ bao gồm chi phí cho các khoản tạm tính do nhà thầu chào trong E-HSDT. Trường hợp trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có phát sinh các công việc theo mô tả thì chủ đầu tư sẽ dùng khoản kinh phí cho các khoản tạm tính để thanh toán cho nhà thầu theo quy định trong hợp đồng.

<b>Bảng số</b>	<b>Công việc số</b>	<b>Mô tả<sup>(1)</sup></b>	<b>Thành tiền (VND)<sup>(2)</sup></b>
04	15	<i>Cung cấp và lắp đặt thiết bị tại trạm bơm</i>	
06	19	<i>Cung cấp hệ thống thông khí trong đường ống ngầm</i>	
...			
....			
<b>Tổng các khoản tạm tính</b>			<b>Y2</b>
(kết chuyển sang cột “số tiền” của Chi phí cho các khoản tạm tính trong Bảng tổng hợp giá dự thầu)			

Ghi chú:

(1) Do Chủ đầu tư điều chỉnh nội dung công việc để nhà thầu làm căn cứ chào trong E-HSDT theo đúng nội dung công việc nêu trong E-HSMT.

(2) Nhà thầu ghi thành tiền cho từng nội dung tương ứng trong cột “Mô tả”.

**BẢNG KÊ SỐ LIỆU ĐIỀU CHỈNH***(áp dụng cho hợp đồng theo đơn điều chỉnh)*

Mã Chỉ số	Mô tả Chỉ số	Nguồn Chỉ số	Giá trị cơ số và Ngày cơ số	Số tiền	Hệ số điểm do nhà thầu đề xuất
	Không điều chỉnh	—	—	—	a: 0.10 ~ 0.20
	Điều chỉnh	—	—	—	b: c: d: e:
<b>Tổng cộng</b>					<b>1.00</b>

Do Chủ đầu tư ghi
→
Do Nhà thầu ghi

## **Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**

### **Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**

#### **1. Giới thiệu về gói thầu**

#### **1. Phạm vi công việc của gói thầu.**

#### **1.1. Giới thiệu về gói thầu:**

- Tên dự án: Xây dựng đường dẫn vào 03 cầu trên ĐT.827E.
- Tên gói thầu: Thi công xây dựng đoạn từ sông Vàm Cỏ Tây đến ĐT.827B.
- Loại, cấp công trình: Công trình giao thông cấp III.
- Địa điểm xây dựng: Tỉnh Tây Ninh.

#### **1.2. Quy mô, chỉ tiêu kỹ thuật; các giải pháp thiết kế:**

#### **1.2.1 Quy mô đầu tư xây dựng:**

##### *a. Phần đường:*

- Xây dựng đường dẫn vào các cầu trên ĐT.827E (cầu Vàm Cỏ Đông và cầu Vàm Cỏ Tây) theo giai đoạn I, gồm hai đơn nguyên, mỗi đơn nguyên có quy mô tương đương đường cấp IV đồng bằng (TCVN4054-2005).
- Vận tốc thiết kế  $V \geq 60$ km/h.
- Tải trọng trục thiết kế: trục đơn 10T (100kN).
- Mô đun đàn hồi yêu cầu:  $E_{yc} \geq 140$ MPa.
- Thoát nước ngang đường: xây dựng các (công tròn, cống hộp) ngang đường, kết cấu bằng BTCT, tải trọng H30 — XB80.
- Thoát nước dọc: xây dựng hệ thống rãnh dọc bằng BTCT tại các vị trí đường đầu cầu Vàm Cỏ Đông và cầu Vàm Cỏ Tây nằm trong đường cong có siêu cao.
- Chiếu sáng: xây dựng hệ thống điện chiếu sáng dọc tuyến, sử dụng loại đèn LED.

##### *b. Phần cầu:*

- Xây dựng mới 04 cầu vượt qua các rạch hiện hữu (Rạch Kiến Vàng, Rạch Cá, Rạch Thôn Thành, Rạch Đồng Hiêm), mỗi cầu gồm 2 đơn nguyên tương ứng với hai đơn nguyên đường dẫn.
- Kết cấu bằng bê tông cốt thép.
- Tải trọng thiết kế HL93, người đi bộ 300kg/m<sup>2</sup>.
- Khổ cầu (tính cho 1 đơn nguyên): 10,25m (phần xe chạy và dải an toàn 8m, lan can phía tim đường 0,5m, lan can phía vai đường + lề bộ hành 1,75m).
- Tĩnh không: cao độ đáy dầm cao hơn tối thiểu 50cm so với mực nước cao nhất (tần suất 1% đối với cầu trung, 4% đối với cầu nhỏ).

#### **1.2.2 Giải pháp thiết kế chủ yếu:**

##### **1.2.2.1 Phần đường:**

##### *a) Bình đồ:*

- Điểm đầu: Km15+053,71 tại nút giao kết nối với ĐT.826.
- Điểm cuối: Km28+325,59 tại nút giao kết nối với ĐT.827B.
- Chiều dài khoảng 10,58km, đã trừ phạm vi xây dựng cầu Vàm Cỏ Đông từ Km18+385,02 ÷ Km19+842,92 và cầu Vàm Cỏ Tây từ Km26+136.93 ÷ Km27+652.23

thuộc dự án “03 cầu trên ĐT.827E (cầu bắc qua sông Cấn Giuộc, sông Vàm Cỏ Đông, sông Vàm Cỏ Tây)” đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề xuất dự án sử dụng vốn ODA Hàn Quốc tại Quyết định số 599/QĐ- TTg ngày 05/7/2024.

- Hướng tuyến (phù hợp với hướng tuyến quy hoạch ĐT.827E được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 686/QĐ-TTg ngày 13/6/2023): từ điểm giao với ĐT.826 tại lý trình Km15+053,71 (khoảng lý trình Km12+475 của ĐT.826) tuyến đi về hướng Tây Nam khoảng 3km, sau đó tuyến cong dần về bên phải và vượt sông Vàm Cỏ Đông tại vị trí cách bên phải Bến Bạ hiện hữu khoảng 3km về phía hạ lưu, sau đó tuyến cong dần về bên trái, giao với ĐT.832 (khoảng lý trình Km15+950 của ĐT.832). Tuyến tiếp tục đi mới theo hướng Tây Nam và vượt sông Vàm Cỏ Tây tại vị trí cách bên phải Tân Trụ về phía hạ lưu khoảng 1,5km. Sau đó, tuyến tiếp tục đi mới theo hướng Tây Nam và giao với ĐT.827B tại lý trình Km28+325,59 (khoảng lý trình Km6+400 của ĐT 827B), cách nghĩa trang liệt sỹ Châu Thành - Tân Trụ khoảng 200m về phía Đông.

*b) Mặt cắt dọc thiết kế:*

Trắc dọc tuyến thiết kế đảm bảo vai đường giai đoạn hoàn chỉnh cao hơn mực nước theo tần suất thiết kế tối thiểu 50cm; mép ngoài của đáy áo đường thiết kế cao hơn cao độ mực nước ngập thường xuyên tối thiểu 50cm và phù hợp quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Long An đến 2020, tầm nhìn đến 2030 được UBND tỉnh Long An phê duyệt tại Quyết định số 4666/QĐ-UBND ngày 30/12/2013. Cao độ tim đường giai đoạn 1: đảm bảo > +2,25m (tại đoạn tuyến qua huyện Cần Đước), đảm bảo > +2,45m (tại đoạn tuyến qua huyện Tân Trụ và huyện Châu Thành).

c) Trắc ngang tuyến: Quy mô mặt cắt ngang đoạn tuyến thiết kế phù hợp với dự án được duyệt tại Quyết định số 13939/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND tỉnh Long An, cụ thể như sau:

- Đoạn thông thường (gồm 02 đơn nguyên trái và phải), mỗi đơn nguyên gồm:

+ Phần xe chạy	: 2x3,50m	=7,00m
+ Dải an toàn	: 2x0,50m	=1,00m
+ Lê đất	: 2x1,00m	=2,00m
<b>Tổng cộng</b>		<b>=10,00m</b>

- Đoạn dẫn vào cầu Vàm Cỏ Đông và cầu Vàm Cỏ Tây:

*\* Phần đường dẫn lên cầu:*

+ Phần xe chạy	: 6x3,50m	=21,00m
+ Dải phân cách	: 1x0,50m	=0,50m
+ Dải an toàn	: 4x0,50m	=2,00
+ Lê đất	: 2x1,00m	=2,00m
<b>Tổng cộng</b>		<b>=25,50m</b>

*\* Phần đường gom dọc bên cầu (phía mố M1, M2 cầu Vàm Cỏ Đông và phía mố M2 cầu Vàm Cỏ Tây):*

+ Phần xe chạy	: 2x3,50m	=7,00m
+ Dải an toàn	: 2x0,50m	=1,00m
+ Lê đất	: 1x1,00m	=1,00m
<b>Tổng cộng</b>		<b>=9,00m</b>

*\* Phần đường dẫn lên cầu Vàm Cỏ Tây phía M2, đoạn tiếp giáp với nút giao ĐT.827B:*

+ Phần xe chạy	: 6x3,50m	=21,00m
+ Dải phân cách	: 1x4,00m	=4,00m
+ Dải an toàn	: 4x0,50m	=2,00m
<b>Tổng cộng</b>		<b>=27,00m</b>

- Phần đường nhánh kết nối ĐT.827E với ĐT.833 (Nhánh rẽ N1 và N4 của Nút giao ĐT.833):

+ Phần xe chạy	: 2x3,50m	=7,00m
+ Lề gia có	: 2x2,00m	=4,00m
+ Lề đất	: 2x1,00m	=2,00m
<b>Tổng cộng</b>		<b>=13,00m</b>

- Phần mở rộng đường hiện hữu tại các nút giao:

\* Với đường ĐT.826 và ĐT.832:

+ Phần xe chạy	: 6x3,50m	=21,00m
+ Dải phân cách	: 1x0,50m	=0,50m
+ Lề gia có	: 2x2,00m	=4,00m
+ Dải an toàn	: 2x0,5m	=1,00m
+ Lề đất	: 2x1,00m	=2,00m

**Tổng cộng**

**=28,50m**

\* Với đường Huỳnh Văn Đảnh:

+ Phần xe chạy	: 4x3,50m	=14,00m
+ Lề gia có	: 2x2,00m	=4,00m
+ Lề đất	: 2x1,00m	=2,00m

**Tổng cộng**

**=20,00m**

\* Với đường ĐT.833:

+ Làn xe chạy	: 6x3,50m	=21,00m
+ Dải phân cách	: 1x0,50m	=0,50m
+ Lề gia có	: 2x2,00m	=4,00m
+ Dải an toàn	: 2x0,5m	=1,00m
+ Lề đất	: 2x1,00m	=2,00m

**Tổng cộng**

**=28,50m**

\* Với đường ĐT.827B:

+ Phần xe chạy	: 2x3,50m	=14,00m
+ Dải phân cách	: 1x0,50m	=0,50m
+ Lề gia có	: 2x2,00m	=4,00m
+ Dải an toàn	: 2x0,5m	=1,00m
+ Lề đất	: 2x1,00m	=2,00m

**Tổng cộng**

**=21,50m**

- Các tiêu chuẩn kỹ thuật khác:

- + Độ dốc ngang mặt đường bê tông nhựa là 2%
- + Độ dốc ngang lề là 6%.

d) Nút giao và vuốt nối đường ngang:

- Trong phạm vi dự án có một số giao cắt lớn như sau:

STT	Đường giao	Lý trình	Khoảng cách (m)	Số nhánh nút	Ghi chú
1	ĐT.826	Km15+053,71		4	Nút giao đầu tuyến, giao cùng mức
2	ĐT.832	Km21+709	6676	4	Giao cùng mức
3	Đường Huỳnh Văn Đảnh	Km23+876	2163	4	Giao cùng mức
4	ĐT.833	Km26+389	2512	4	Giao cùng mức
5	ĐT.827B	Km28+325,59	1937	4	Nút giao đầu tuyến, giao cùng mức

- Các giải pháp thiết kế các nút:

+ Các nút giao ĐT.826, nút giao ĐT.832, nút giao đường Huỳnh Văn Đảnh, nút giao ĐT.827B: thiết kế dạng nút giao đồng mức bố trí các nhánh rẽ, sử dụng đèn tín hiệu kết hợp với đảo dẫn hướng để tổ chức giao thông.

+ Nút giao với ĐT.833: sử dụng phương án nút giao khác mức (dạng bán hoa thị), xây dựng cầu Vàm Cỏ Tây vượt ĐT.833 phía mô M1 và xây dựng các nhánh giao để kết nối.

- Vuốt nối vào đường ngang, hẻm hiện trạng: Vuốt nối vào các đường ngang hiện hữu tại các vị trí giao cắt với đường ngang, mép đường được bo cong tròn, tạo dốc êm thuận cho xe từ đường ngang vào đường chính.

e) Kết cấu áo đường và kết cấu khác:

- Kết cấu áo đường chính: Mặt đường cấp cao A1 đảm bảo Eyc > = 140Mpa. Chi tiết kết cấu mặt đường như sau:

- + Bê tông nhựa chặt C16 (BTNC16), dày 6 cm.
- + Tưới nhựa dính bám tiêu chuẩn 0,5 kg/m<sup>2</sup>.
- + Bê tông nhựa chặt C19 (BTNC19), dày 6 cm.
- + Tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn 1,0 kg/m<sup>2</sup>.
- + Cấp phối đá dăm loại I (Dmax 25mm), dày 15 cm.
- + Cấp phối đá dăm loại II (Dmax 28mm), dày 18 cm.

- Kết cấu áo đường tăng cường trên đường cũ tại các vị trí nút giao: theo kết quả khảo sát mô đun đàn hồi của mặt đường hiện hữu từ 85,01Mpa – 106,86Mpa. Kết cấu tăng cường như sau:

- + Bê tông nhựa chặt C16 (BTNC16), dày 6 cm.
- + Tưới nhựa dính bám tiêu chuẩn 0,5 kg/m<sup>2</sup>.
- + Bê tông nhựa chặt C19 (BTNC19), dày 6 cm.
- + Tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn 1,0 kg/m<sup>2</sup>.

- + Cấp phối đá dăm loại I (Dmax 25mm), dày 15 cm.
- Kết cấu bù vênh:
  - + Khi chiều cao bù vênh  $0\text{cm} < H_{bv} < 18\text{cm}$ : bù vênh bằng cấp phối đá dăm loại I (Dmax 25mm).
  - + Khi chiều cao bù vênh  $18\text{cm} < H_{bv} < 48\text{cm}$ : bù vênh bằng cấp phối đá dăm loại II (Dmax 37,5mm).
  - + Khi chiều cao bù vênh  $48\text{cm} < H_{bv}$ : bù vênh bằng đá mi

*f) Giải pháp nền đường và taluy:*

- Nền đường: đắp bằng cát, đầm chặt  $K > 0,95$ ; 20cm phía trên đắp bằng cát, đầm chặt  $\geq 0,98$ ; 30cm sát đáy kết cấu áo đường đắp bằng đá mi, đầm chặt  $K \geq 1$ .
- Taluy đắp bằng đất, độ chặt  $K \geq 0,90$ . Độ dốc mái taluy 1:1,50.

*g) Xử lý nền đường:*

- Xử lý nền đường: Bảo đảm các yêu cầu kỹ thuật của dự án, xử lý đất yếu đảm bảo ổn định nền đường:
- Các đoạn nền đắp thông thường và chiều cao đắp  $< 5\text{m}$ : Bác thám kết hợp đắp gia tải.
  - Các đoạn tiếp giáp sau mố cầu (kết cấu tường chắn kết hợp): Sàn giảm tải;
  - Các vị trí nút giao tiếp với đường hiện hữu: Đào thày đất kết hợp đóng cừ tràm.
- h) Thiết kế thoát nước:*
- Thoát nước ngang:
    - + Ngoài các kênh, rạch đã xây dựng cầu, tại một số vị trí trên tuyến khi cắt qua các rạch nhỏ bố trí một số công ngang để đảm bảo khả năng lưu thông nước hai bên khu vực tuyến cắt qua;
    - + Thống kê vị trí xây dựng công ngang đường.

*\* Tuyến chính, tuyến phải:*

STT	TÊN CÔNG	VỊ TRÍ	LOẠI CÔNG	KHẨU ĐỘ	CHIỀU DÀI (M)
1	Số 1	Km16+287,49	Tròn	D1500	15
2	Số 2	Km17+988,16	Tròn	D1500	57
3	BSI	Km18+487	Tròn	D1000	19
4	Số 3	Km19+790	Tròn	D1000	15
5	Số 4	Km20+551,13	Hộp	1x3x2.5	20
6	Số 5	Km21+644,90	Hộp	1x3x2.5	67
7	Số 6	Km22+523,06	Tròn	D1500	30
8	Số 7	Km24+161,06	Tròn	D1500	15
9	Số 8	Km24+564,09	Tròn	D1500	15
10	Số 9	Km25+342,33	Tròn	D1500	15
11	Số 10	Km25+657,78	Hộp	1x3x2.5	18
12	Số 11	Km25+657,78	Tròn	D1500	72

**\* Tuyến chính, tuyến trái:**

STT	TÊN CỐNG	VỊ TRÍ	LOẠI CỐNG	KHẨU ĐỘ	CHIỀU DÀI (M)
1	Số 1	Km16+287,49	Tròn	D1500	15
2	Số 2	Km168+487	Tròn	D1000	15
3	Số 3	Km20+551,13	Hộp	1x3x2.5	20
4	Số 5	Km22+523,06	Tròn	D1500	30
5	Số 6	Km24+161,06	Tròn	D1500	15
6	Số 7	Km24+564,09	Tròn	D1500	15
7	Số 8	Km25+342,33	Tròn	D1500	15
8	Số 9	Km25+657,78	Hộp	1x3x2.5	18

**\* Nút giao, thiết kế cống tròn:**

NÚT GIAO	STT	TÊN CỐNG	VỊ TRÍ	KHẨU ĐỘ	CHIỀU DÀI (M)	GHI CHÚ
ĐT832	1	Số 1	ĐT.832	D1500	18	Mở rộng
	2	Số 1	ĐT.833	D1000	21	Mở rộng
	3	Số 2	Nhánh 4	D1000	15	Làm mới
	4	Số 3	Nhánh 5	D1000	33	Làm mới
	5	Số 4	Nhánh 2	D1000	12	Làm mới
ĐT827B	6	BS2	ĐT.827B	D1500	35	Làm mới

**\* Kết cấu cống:**

+ Cống hộp bằng BTCT C30, móng sửa dụng ống BTCT Dự ứng lực D350mm chiều dài từ 26÷30m.

+ Cống tròn bằng BTCT đúc sẵn đường kính D1000-D1500m, móng cống được gia cố bằng cừ tràm mật độ 25 cây/m<sup>2</sup>, L=4,5m trên suốt chiều dài móng cống.

+ Cửa xả phía ngoài bằng bê tông C20. Thượng và hạ lưu sân cống gia cố bằng đá học xây vữa dày 30cm. Taluy được gia cố bằng tấm bê tông xi măng C20 kích thước 40x40cm.

- Hệ thống thoát nước dọc:

+ Tại các vị trí nằm trong đoạn siêu cao đường cầu đầu cầu Vàm Cỏ Đông và đường đầu cầu phía mộ M2 cầu Vàm Cỏ Tây. Bố trí các rãnh BTM thu nước dưới chân taluy và nước được dẫn đến các hệ thống cống ngang để thoát ra kênh rạch hiện hữu. Cụ thể như sau:

STT	Lý trình	Chiều dài rãnh	Ghi chú
1	Km18+097.78 - Km18+385.02	283.46	Nhánh phải
2	Km18+097.78 - Km18+385.02	291.45	Nhánh trái

3	Km19+842.92	-	Km20+097.78	258.40	Nhánh phải
4	Km19+842.92	-	Km20+097.78	251.123	Nhánh trái
5	Km27+652.78	-	Km28+057.78	411.76	Nhánh phải
6	Km27+652.78	-	Km28+057.78	399.94	Nhánh trái

+ Kết cấu rãnh được lấp ghép bằng tám BTXM C20 đặt trên lớp đá dăm dẽm dày 5cm.

i) Tổ chức các điểm quay đầu xe:

- Các điểm quay đầu xe có thể bố trí kết hợp tại các nút giao đồng mức lớn. Cụ thể các vị trí quay đầu xe dự kiến như sau:

STT	Tên điểm	Vị trí	Ghi chú
1	Điểm số 1	Km15+097	Nút giao ĐT.826
2	Điểm số 2	Km17+737	
3	Điểm số 3	Km20+597	
4	Điểm số 4	Km21+713	Nút giao ĐT.832
5	Điểm số 5	Km23+876	Nút giao đường Huỳnh Văn Đảnh
6	Điểm số 6	Km26+389	Nút giao ĐT.833

+ Cầu tạo phần quay đầu xe: bố trí làn tăng, giảm tốc, biển báo hiệu để dễ dàng nhận biết và đảm bảo an toàn thông.

j) Hệ thống báo hiệu đường bộ:

- Hệ thống báo hiệu đường bộ: thiết kế vạch sơn kẻ đường, biển báo hiệu, tôn sóng, cọc tiêu, cột Kilomet... đúng theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN41:2024/BGTVT của Bộ Giao thông vận tải

**1.2.2.2 Giải pháp thiết kế phần cầu:**

a) Vị trí xây dựng cầu:

STT	Tên cầu		Lý trình tim cầu
1	Cầu Rạch Kiến Vàng	Đơn nguyên trái	KM15+909.14
2		Đơn nguyên phải	KM15+956.15
3	Cầu Rạch Cá	Đơn nguyên trái	KM21+309.32
4		Đơn nguyên phải	KM21+326.16
5	Cầu Rạch Thôn Thành	Đơn nguyên trái	KM23+405.81
6		Đơn nguyên phải	KM15+401.09
7	Cầu Rạch Đồng Hiềm	Đơn nguyên trái	KM24+934.2
8		Đơn nguyên phải	KM24+975.64

b) Mặt cắt ngang cầu, cụ thể như sau:

+ Phần xe chạy : 2x3,50m =7,00m  
 + Dải phân cách : 1x0,50m =0,50m

+ Lê gia cố	:	2x0,50m	=1,00m
+ Dải an toàn	:	2x0,5m	=1,00m
+ Lê đất	:	2x1,75m	=1,75m

**Tổng cộng** : **10,25m**

c) Kết cấu phần trên:

- Sơ đồ nhịp:

STT	Tên cầu		Sơ đồ nhịp cầu	Mặt cắt ngang cầu
1	Cầu Rạch Kiến Vàng	Đơn nguyên trái	(9,98+9,26+9,92)m, chiều dài cầu tính đến mép sau mố là 29,16m	Sử dụng kết cấu dầm bản bằng BTCT C40, chiều cao dầm tại vị trí giữa nhịp H=0,45m đối với đơn nguyên trái và H=0,55m đối với đơn nguyên phải. Chiều cao dầm tại vị trí trụ H=1,2m. Bề rộng dầm tại vị trí mố trụ B=1,2m
2		Đơn nguyên phải	(12,26+11,52+12,17)m, chiều dài cầu tính đến mép sau mố là 35,95m	
3	Cầu Rạch Cá	Đơn nguyên trái	(8,90+8,28+8,90)m, chiều dài cầu tính đến mép sau mố là 26,09m	Mặt cắt ngang cầu sử dụng kết cấu dầm bản bằng BTCT C40, chiều cao dầm tại vị trí giữa nhịp H=0,45m. Chiều cao dầm tại vị trí trụ H=1,2m. Bề rộng dầm tại vị trí mố trụ B=1,2m
4		Đơn nguyên phải		
5	Cầu Rạch Thôn Thành	Đơn nguyên trái	(10,60+10,00+10,60)m, chiều dài cầu tính đến mép sau mố là 31,20m	Sử dụng kết cấu dầm bản bằng BTCT C40, chiều cao dầm tại vị trí giữa nhịp H=0,55m. Chiều cao dầm tại vị trí trụ H=1,2m. Bề rộng dầm tại vị trí mố trụ B=1,2m
6		Đơn nguyên phải		
7	Cầu Rạch Đồng Hiềm	Đơn nguyên trái	(14,58+13,83+14,46)m, chiều dài cầu tính đến mép sau mố là 242,87m	Sử dụng kết cấu dầm bản bằng BTCT C40, chiều cao dầm tại vị trí giữa nhịp H=0,65m đối với đơn nguyên trái và H=0,45m đối với đơn nguyên phải. Chiều cao dầm tại vị trí trụ H=1,2m. Bề rộng dầm tại vị trí mố trụ B=1,2m
8		Đơn nguyên phải	(8,93+8,3+8,9)m, chiều dài cầu tính đến mép sau mố là 26,14m	

- Lốp phủ mặt cầu bằng bê tông nhựa C16 dày 7cm trên lớp tưới nhựa dính bám 0,5kg/m<sup>2</sup> và lớp phòng nước dạng phun;

- Lan can và cột đèn chiếu sáng trên cầu thiết kế đảm bảo mỹ quan công trình.

d) Kết cấu phần dưới:

- Giải pháp kết cấu mố, trụ cầu:

+ Mố cầu bằng bê tông cốt thép C40 dạng tường, sau mố đặt bản quá độ bằng bê tông cốt thép C25 dài 6m trên hết phạm vi mặt cắt ngang cầu. Phải dưới bệ mố và bản quá độ tạo phẳng bằng lớp bê tông lót C12 dày 10cm

- + Trụ cầu: trụ cầu bằng bê tông cốt thép C40, dạng trụ dẹt, cọc liên xả mũ.  
- Giải pháp thiết kế về số lượng, chiều dài cọc đóng của kết cấu móng mố, trụ cầu:

STT	Cầu	Đơn nguyên	Vị trí	Số lượng cọc D60cm (cọc)	Chiều dài dự kiến (m)
1	Cầu Rạch Kiến Vàng	Đơn nguyên trái	M1	7	37
2			M2	7	37
3			T1	7	42
4			T2	7	42
5		Đơn nguyên phải	M1	7	43
6			M2	7	39
7			T1	7	50
8			T2	7	48
1	Cầu Rạch Cá	Đơn nguyên trái	M1	7	28
2			M2	7	29
3			T1	7	36
4			T2	7	32
5		Đơn nguyên phải	M1	7	30
6			M2	7	30
7			T1	7	34
8			T2	7	34
1	Cầu Rạch Thôn Thành	Đơn nguyên trái	M1	7	33
2			M2	7	33
3			T1	7	40
4			T2	7	39
5		Đơn nguyên phải	M1	7	39
6			M2	7	39
7			T1	7	43
8			T2	7	43
1	Cầu Rạch Đồng Hiếm	Đơn nguyên trái	M1	7	43
2			M2	7	43
3			T1	7	46
4			T2	7	46

STT	Cầu	Đơn nguyên	Vị trí	Số lượng cọc D60cm (cọc)	Chiều dài dự kiến (m)
5			M1	7	27
6		Đơn nguyên phải	M2	7	32
7	T1		7	32	
8			T2	7	32

- Giải pháp thiết kế sản giảm tải sau mô cầu:

+ Sau mô bố trí sản giảm tải tường chắn chữ U bằng bê tông cốt thép C30, hệ móng sử dụng cọc ống DUL D400 loại A, được bố trí tạo phẳng bằng lớp bê tông đệm C12 dày 10cm.

+ Sản giảm tải bố trí từ nón vuốt nổi với phạm vi phân tuyến. Từ nón và mái taluy được gia cố bằng các tấm ốp bê tông; chân khay bằng bê tông C20 được gia cố bằng cọc cừ tràm L=4.5m.

+ Bảng thống kê chiều dài sản giảm tải:

STT	Cầu	Đơn nguyên	Vị trí	Chiều dài sản giảm tải		Số lượng cọc D40cm (cọc)	Chiều dài dự kiến (m)
				(m)	(m)		
1			M1	10		26	32
2	Cầu Rạch Kiến Vàng	Đơn nguyên trái	M2	10		26	32
3			M1	16		36	36
4		Đơn nguyên phải	M2	16		36	36
5			M1	10		26	28
6	Cầu Rạch Cá	Đơn nguyên trái	M2	10		26	29
7			M1	10		26	30
8		Đơn nguyên phải	M2	10		26	28
9			M1	10		25	32
10	Cầu Rạch Thôn Thành	Đơn nguyên trái	M2	10		25	29
11			M1	10		25	35
12		Đơn nguyên phải	M2	10		25	33
13			M1	13		31	40
14	Cầu Rạch Đồng Hiếm	Đơn nguyên trái	M2	16		36	42
15			M1	10		26	25
16		Đơn nguyên phải	M2	10		26	32

- Các chi tiết khác:

+ Gờ lan can bằng bê tông cốt thép đổ tại chỗ.

- + Lan can dùng thép mạ kẽm.
- + Thoát nước mặt cầu: thoát trực tiếp xuống kênh thông qua các cửa thu nước bố trí dọc mép trong của lan can.
- + Bố trí các bộ đỡ trụ đèn chiếu sáng chõ sẵn trên cầu bằng BTCT.

**1.3. Thuế giá trị gia tăng:** Nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) trong giá dự thầu. Nhà thầu khi tham gia dự thầu phải chào giá dự thầu với thuế giá trị gia tăng là **10%** theo đúng cơ cấu của giá gói thầu được duyệt.

**1.4. kê khai số liệu điều chỉnh (áp dụng cho hợp đồng theo đơn điều chỉnh):**

**BẢNG KÊ SỐ LIỆU ĐIỀU CHỈNH**

STT	Mã chỉ số	Mô tả chỉ số	Nguồn chỉ số	Giá trị cơ sở và ngày cơ sở	Số tiền	Hệ số điểm do nhà thầu đề xuất
1	A	Không điều chỉnh (15,34%)	Chỉ số giá hoặc giá gốc tương ứng, được xác định trong khoảng 28 ngày trước ngày đóng thầu	Theo chỉ số giá/Thông báo giá tỉnh Long An, xác định trong khoảng 28 ngày trước ngày nộp HSTT theo HD		
2	B1	Nhân công (4,17%)	Chỉ số giá hoặc giá gốc tương ứng, được xác định trong khoảng 28 ngày trước ngày đóng thầu	Theo chỉ số giá/Thông báo giá tỉnh Long An, xác định trong khoảng 28 ngày trước ngày nộp HSTT theo HD		

3	B2	Máy thi công (5,8%)	Chỉ số giá hoặc giá gốc tương ứng, được xác định khoảng 28 ngày trước ngày đóng thầu	Theo chỉ số giá/Thông báo giá tỉnh Long An, xác định khoảng 28 ngày trước ngày nộp HSTT theo HĐ		
4	B3	Đá các loại (13%)	Chỉ số giá hoặc giá gốc tương ứng, được xác định khoảng 28 ngày trước ngày đóng thầu	Theo chỉ số giá/Thông báo giá tỉnh Long An, xác định khoảng 28 ngày trước ngày nộp HSTT theo HĐ		
5	B4	Cát các loại (43,41%)	Chỉ số giá hoặc giá gốc tương ứng, được xác định khoảng 28 ngày trước ngày đóng thầu	Theo chỉ số giá/Thông báo giá tỉnh Long An, xác định khoảng 28 ngày trước ngày nộp HSTT theo HĐ		
6	B5	Thép các loại (1,27%)	Chỉ số giá hoặc giá gốc tương ứng, được xác định khoảng 28 ngày trước ngày đóng thầu	Theo chỉ số giá/Thông báo giá tỉnh Long An, xác định khoảng 28 ngày trước ngày nộp HSTT theo HĐ		

7	B6	Bê tông nhựa (15,66%)	Chỉ số giá hoặc giá gốc tương ứng, được xác định trong khoảng 28 ngày trước ngày đóng thầu	Theo chỉ số giá/Thông báo giá tỉnh Long An, xác định khoảng 28 ngày trước ngày nộp HSTT theo HĐ		
8	B7	Bê tông thương phẩm (1,35%)	Chỉ số giá hoặc giá gốc tương ứng, được xác định trong khoảng 28 ngày trước ngày đóng thầu	Theo chỉ số giá/Thông báo giá tỉnh Long An, xác định khoảng 28 ngày trước ngày nộp HSTT theo HĐ		

**2. Thời hạn hoàn thành:** Tối đa 730 ngày.

**II. Yêu cầu về tiến độ thực hiện**

Nêu yêu cầu về thời gian từ khi khởi công đến khi hoàn thành công trình: Tối đa 730 ngày.

Trường hợp ngoài yêu cầu thời hạn hoàn thành cho toàn bộ công trình còn có yêu cầu tiến độ hoàn thành cho từng hạng mục công trình thì lập bảng yêu cầu tiến độ hoàn thành: Không yêu cầu.

**III. Yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật**

Toàn bộ các yêu cầu về mặt kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật phải được soạn thảo dựa trên cơ sở quy mô, tính chất của dự án, gói thầu và tuân thủ quy định của pháp luật xây dựng chuyên ngành về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

Yêu cầu về mặt kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật bao gồm các nội dung chủ yếu sau (chi tiết nhà thầu cần phải căn cứ vào hồ sơ thiết kế).

## **1. Các tiêu chuẩn quy chuẩn tham khảo:**

- + Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/11/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.
- + Áp dụng các Quy chuẩn, TCVN, TCN được nêu trong tập Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, Chỉ dẫn kỹ thuật phát hành cho nhà thầu.

## **2. Các yêu cầu về tổ chức kỹ thuật thi công, giám sát:**

### **a. Yêu cầu chung:**

- + Nhà thầu phải thi công và hoàn thiện công trình và sửa chữa bất kỳ sai sót nào trong công trình theo đúng thiết kế và tuân thủ các quy trình, quy phạm xây dựng hiện hành của Việt Nam cũng như phù hợp với điều kiện riêng của công trình và theo chỉ dẫn của cán bộ giám sát về mọi vấn đề nêu hay không nêu trong hợp đồng.
- + Nhà thầu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính ổn định, an toàn của tất cả các hoạt động của công trường trong suốt thời gian thi công, hoàn thiện công trình và trong giai đoạn bảo hành công trình.
- + Nhà thầu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc bảo vệ công trình, nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị đưa vào thi công xây dựng công trình kể từ ngày khởi công xây dựng công trình đến ngày nghiệm thu bàn giao công trình.
- + Nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng có xảy ra bất kỳ tổn thất hư hỏng nào đối với công trình, người lao động, nguyên vật liệu, máy móc thiết bị thì nhà thầu phải tự sửa chữa, bồi thường bằng chính kinh phí của mình.
- + Cung cấp toàn bộ nguyên vật liệu đúng yêu cầu kỹ thuật theo thiết kế đưa vào thi công công trình.
- + Tổ chức thi công thi công công trình đạt yêu cầu kỹ thuật và theo đúng thời hạn hoàn thành công trình đã nêu trong hồ sơ dự thầu được chấp thuận.
- + Cung cấp danh sách Ban chỉ huy công trường có kinh nghiệm và đủ năng lực đảm bảo thực hiện đúng thời hạn và nghĩa vụ của nhà thầu.
- + Giám sát theo dõi những khối lượng do mình thực hiện trong công trường trong suốt quá trình thi công.
- + Nếu chủ đầu tư nhận thấy không thể chấp nhận nhân viên của nhà thầu mà theo ý kiến của chủ đầu tư người đó có hành vi sai phạm hoặc không có năng lực thực hiện đúng dẫn nhiệm vụ thì nhà thầu không được phép cho người đó làm việc ở công trường nữa và nên thay thế càng sớm càng tốt.
- + Nhà thầu phải báo cáo chi tiết về bất kỳ tai nạn, hư hỏng nào trong hoặc ngoài công trường. Trong trường hợp có tai nạn nghiêm trọng, hư hỏng, chết người, nhà thầu phải báo cáo ngay lập tức bằng các phương tiện nhanh nhất sẵn có.
- + Sau khi thi công hoàn thiện công trình và trước khi nghiệm thu công trình, nhà thầu phải thu dọn công trường sạch sẽ.
- + Nhà thầu phải chịu trách nhiệm lập đầy đủ hồ sơ hoàn công theo đúng yêu cầu của chủ đầu tư và các tiêu chuẩn nghiệm thu công trình.

b. Giám sát thi công:

+ Giám sát kỹ thuật thi công công trình được quyền tiếp cận các vị trí thi công để kiểm tra quá trình thi công của nhà thầu bất cứ lúc nào. Nhà thầu phải có trách nhiệm hỗ trợ giám sát kỹ thuật công trình các công tác trên.

+ Toàn bộ vật liệu, thiết bị, bán thành phẩm sản xuất chỉ được đưa vào công trường khi có văn bản nghiệm thu của giám sát kỹ thuật công trình. Mọi vật liệu, thiết bị bán thành phẩm không được giám sát kỹ thuật chấp thuận phải chuyển ra khỏi phạm vi công trường.

+ Khi phát hiện những trường hợp bất hợp lý trong thiết kế thi công có thể gây hại đến công trình hoặc thiệt hại vật chất cho chủ đầu tư phải thông báo cho tổ chức đơn vị thiết kế có biện pháp xử lý.

+ Vật tư thay thế chất lượng tương đương phải có chứng chỉ của nhà sản xuất và phải được tổ chức thiết kế, chủ đầu tư cho phép bằng văn bản mới được đưa vào công trường.

+ Các phần khuất của công trình trước khi lấp phải có biên bản nghiệm thu. Nếu không tuân thủ theo những quy định trên thì mọi tổn thất phục hồi công trình do nhà thầu chịu.

+ Nhà thầu phải chấp nhận tạm thời đình chỉ hoặc hoãn thi công không được đòi hỏi bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của giám sát thi công và chủ đầu tư trong những trường hợp sau:

+ Lý do an ninh và an toàn bảo vệ môi trường

+ Lý do nguyên nhân thời tiết, khí hậu.

### 3. Yêu cầu về chủng loại vật tư:

Nhà thầu phải chào theo đúng mẫu, đúng theo danh mục vật tư, thiết bị như trong hồ sơ thiết kế. Trường hợp nhà thầu phát hiện sai hoặc thiếu danh mục hoặc nhà thầu muốn đề xuất vật tư, thiết bị thay thế thì phải chào trong bảng chào riêng.

### 4. Yêu cầu về trình tự thi công, lắp đặt:

- Nhà thầu phải tuân thủ quy trình thi công, nghiệm thu và các yêu cầu thi công trong hồ sơ thiết kế được duyệt.

- Nhà thầu phải lập biện pháp thi công, biện pháp tổ chức thi công (thuyết minh và bản vẽ) cho các hạng mục công việc chính của gói thầu theo hạng mục công việc trong hồ sơ thiết kế được duyệt.

### 5. Yêu cầu về vận hành thử nghiệm, an toàn:

Nhà thầu phải lập hồ sơ bản vẽ hoàn công toàn bộ công trình theo quy định trước khi tiến hành tổ chức nghiệm thu công trình. Trong hồ sơ bản vẽ hoàn công phải ghi rõ họ tên, chữ ký của người lập bản vẽ, người đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên và đóng dấu. Bản vẽ hoàn công được tư vấn giám sát thi công xây dựng kiểm tra và ký, đóng dấu.

### 6. Yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ:

Nhà thầu phải thực hiện nghiêm về quy định phòng, chống, cháy nổ theo quy định

hiện hành. Lập ban chỉ huy phòng chống cháy nổ, có phương án phòng cháy cụ thể, có thiết bị chữa cháy cục bộ, có bố trí các biển báo cấm lửa, hiệu lệnh chữa cháy tại công trường.

#### **7. Yêu cầu về vệ sinh môi trường:**

Nhà thầu phải thực hiện nghiêm về quy định về vệ sinh môi trường theo quy định hiện hành. Có biện pháp giảm bụi, tiếng ồn, chất thải rắn, chất thải sinh hoạt, nước thải sinh hoạt và thi công.

#### **8. Yêu cầu về an toàn lao động:**

- Nhà thầu phải có các biện pháp và phương tiện hữu hiệu đảm bảo an toàn cho người, thiết bị và công trình trong suốt quá trình thi công.

- Cụ thể phải: Thiết kế mặt bằng thi công phù hợp: bảo đảm thi công liên tục, bảo đảm vệ sinh, an toàn gồm: nhà làm việc, lán công nhân, công trình tạm, kho bãi vật liệu, vị trí đặt máy móc thi công, đường ra vào công trường cho người và xe máy, cung cấp điện, nước và hệ thống thoát nước thải.

Các biện pháp an toàn cho từng công tác thi công như: Đào móng đóng cừ tràm, khi làm việc trên cao, khi lắp đặt các cấu kiện, thiết bị, khi vận hành máy móc.

- Nhà thầu phải chịu trách nhiệm pháp lý trước Nhà nước cùng các phí tổn về việc để xảy ra tai nạn trên công trường.

- Tại những vị trí nguy hiểm Nhà thầu phải có các biển báo, cấm cờ, rào chắn, ban đêm có đèn.

- Nhà thầu chịu trách nhiệm về an toàn thi công, an toàn lao động, an ninh khu vực, đảm bảo giao thông và vệ sinh môi trường theo quy định hiện hành của Nhà nước trong thời gian thực hiện hợp đồng;

- Tổ chức huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh lao động cho tất cả các nhân sự tham gia gói thầu trước khi thực hiện hợp đồng.

#### **9. Biện pháp huy động nhân lực và thiết bị phục vụ thi công:**

- Nhà thầu phải thường xuyên đối chiếu tiến độ thực hiện so với tiến độ thi công mà nhà thầu đã thống nhất với tư vấn giám sát, chủ đầu tư để kịp thời có biện pháp xử lý, các chậm trễ từng khâu công tác, từng mũi thi công.

- Nếu tư vấn giám sát và chủ đầu tư thấy tiến độ Nhà thầu thực hiện bị chậm, có khả năng làm chậm thời hạn hoàn thành công trình thì Nhà thầu phải có biện pháp can thiệp với sự đồng ý của tư vấn giám sát để đẩy nhanh tiến độ theo yêu cầu bằng cách tập trung nhân công và thiết bị, Nhà thầu sẽ không được trả thêm khoản tiền nào về những biện pháp đó.

#### **10. Yêu cầu về biện pháp tổ chức thi công tổng thể và các hạng mục:**

Nhà thầu phải xây dựng bảng tiến độ thi công tổng thể và chi tiết công trình theo thời gian nhà thầu đã dự thầu nhưng không được vượt thời gian quy định trong hồ sơ mời thầu.

#### **11. Yêu cầu về hệ thống kiểm tra, giám sát chất lượng của nhà thầu:**

- Nhà thầu bằng kinh phí và năng lực của mình phải tổ chức tại hiện trường một bộ phận thí nghiệm, để kiểm tra và đánh giá chất lượng thi công của mình, thiết kế các cấp phối bê tông tốt nhất, căn cứ theo mác bê tông được quy định trong hồ sơ thiết kế, ... các kết quả thí nghiệm trên phải bằng các văn bản do tổ chức có đầy đủ tư cách pháp nhân thực hiện.

- Công tác thí nghiệm bao gồm:
  - + Thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý của các loại vật liệu.
  - + Xác định độ ẩm, lẫn tạp chất của vật liệu trong đất.
  - + Và các thí nghiệm cần thiết khác theo quy định trong các Quy trình kiểm tra, nghiệm thu hiện hành.

Khi một trong các yêu cầu thí nghiệm trên, Nhà thầu không đảm nhận được, thì Chủ đầu tư có quyền thuê một đơn vị tư vấn hoặc một trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng có tư cách pháp nhân thực hiện.

- Công tác giám sát chất lượng:
  - + Nhà thầu phải có kỹ sư giám sát kết hợp với tư vấn giám sát do chủ đầu tư thuê thường xuyên kiểm tra chất lượng vật liệu xây dựng, chất lượng và số lượng máy móc thiết bị thi công, trang thiết bị thí nghiệm kiểm tra, tay nghề của công nhân và tổ chức sản xuất, công nghệ thi công ngay trên hiện trường.
  - + Kết quả kiểm tra phải được ghi vào sổ chất lượng công trình nếu đảm bảo yêu cầu; phải lập biên bản và có biện pháp xử lý với chỉ huy trưởng công trường nếu có nhiều sai phạm. Chủ đầu tư, tư vấn giám sát có quyền yêu cầu chỉ huy trưởng công trường đưa vật liệu, máy móc thiết bị thi công kém chất lượng kể cả cán bộ kỹ sư điều hành và công nhân lao động có sai phạm về chất lượng thi công ra khỏi công trình.

#### **IV. Các bản vẽ:**

E-HSMT này gồm có các bản vẽ trong danh mục sau đây: Theo hồ sơ thiết kế đính kèm.

### **Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG**

#### **Chương VI. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG**

*Điều kiện hợp đồng bao gồm E-DKC, E-DKCT của Hợp đồng và Phụ lục Hợp đồng (nếu có) thể hiện quyền lợi và nghĩa vụ của các bên.*

*E-DKC Hợp đồng được áp dụng cho tất cả các hợp đồng của các gói thầu khác nhau. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này. E-DKCT quy định cụ thể các nội dung tương ứng với E-DKC khi áp dụng đối với từng gói thầu nhằm bổ sung thông tin cần thiết để hoàn chỉnh hợp đồng, đảm bảo tính khả thi cho việc ký kết và thực hiện hợp đồng*

*Đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng theo kết quả đầu ra, tùy theo chất lượng đầu ra mà nhà thầu sẽ được thanh toán với giá trị khác nhau. Nếu nhà thầu thực hiện đúng yêu cầu của E-HSMT, nhà thầu sẽ được thanh toán 100% giá trị hợp đồng (đối với hợp đồng trọn gói) hoặc bằng 100% giá trị theo khối lượng công việc thực tế nhân với đơn giá (đối với hợp đồng theo đơn giá cố định, hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh). Nếu nhà thầu không đảm bảo chất lượng công trình như đã đề xuất thì nhà thầu chỉ được thanh toán tương ứng với chất lượng đã hoàn thành.*

*Để áp dụng điều khoản về giảm trừ thanh toán, Chủ đầu tư cần xây dựng phụ lục Hợp đồng, trong đó nêu rõ yêu cầu về chất lượng đầu ra; mức độ chất lượng có thể chấp nhận được; biện pháp kiểm tra, đánh giá, xác định mức độ đáp ứng về chất lượng của công trình (ví dụ lấy mẫu phân tích, phương pháp và trình tự thủ tục sẽ áp dụng để đánh giá...); mức độ giảm trừ thanh toán theo kỳ thanh toán.*

*Trường hợp Chủ đầu tư có nguồn lực tài chính để khuyến khích nhà thầu khi nhà thầu hoàn thành việc cung cấp dịch vụ với chất lượng xuất sắc, có thể bổ sung điều khoản về “lãng giá trị thanh toán” trên nguyên tắc tương tự như đối với điều khoản giảm trừ thanh toán vào E-DKC và E-DKCT.*

	<b>A. Các quy định chung</b>
<b>1. Định nghĩa</b>	<p>Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>1.1. “Bản vẽ” là các bản vẽ của công trình, bao gồm các bản vẽ, bảng tính toán, thông tin kỹ thuật của công trình theo hợp đồng và bất kỳ bản vẽ điều chỉnh hoặc bổ sung nào do Chủ đầu tư phát hành theo hợp đồng hoặc do nhà thầu lập đã được Chủ đầu tư chấp thuận;</p> <p>1.2. Biên bản nghiệm thu là biên bản được lập, phát hành theo quy định của pháp luật về xây dựng;</p> <p>1.3. “Bất khả kháng” là những sự kiện hoặc tình huống nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không thể lường trước, không thể tránh được mà nguyên nhân không phải do sơ suất hoặc thiếu chú ý của các bên. Sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch và cấm vận hàng hóa;</p> <p>1.4. “Chủ đầu tư” là bên thuê Nhà thầu thực hiện công trình và được quy định tại <b>E-DKCT</b>;</p> <p>1.5. “Đại diện Chủ đầu tư” là người được Chủ đầu tư nêu ra trong hợp đồng hoặc được ủy quyền theo từng thời gian và điều hành công việc thay mặt cho Chủ đầu tư.</p> <p>1.6. “Bản xác nhận hoàn thành việc bảo hành công trình xây dựng” là văn bản được Chủ đầu tư phát hành trên cơ sở Nhà thầu đã khắc phục sửa chữa các sai sót của công trình trong thời hạn bảo hành công trình;</p> <p>1.7. “Công trình” là các Công trình chính và Công trình tạm, hoặc một trong hai loại công trình này tùy từng trường hợp theo quy định <b>E-DKCT</b>;</p> <p>1.8. “Công trình tạm” là các công trình cần thiết phục vụ thi công công trình, hạng mục công trình;</p> <p>1.9. “Công trình chính” là các công trình mà Nhà thầu thi công theo hợp đồng;</p> <p>1.10. “Công trường” là khu vực được xác định trong <b>E-DKCT</b>;</p> <p>1.11. “Giá hợp đồng” là giá trị ghi trong hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu.</p> <p>1.12. “Hợp đồng” là thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu để thực hiện, hoàn thành công trình, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo;</p> <p>1.13. “Năm” là năm dương lịch;</p> <p>1.14. “Tháng” là tháng dương lịch;</p>

- 1.15. “Ngày” là ngày dương lịch;
- 1.16. “Ngày hoàn thành” là ngày hoàn thành công trình được Chủ đầu tư xác nhận theo **E-DKCT**;
- 1.17. “Ngày hoàn thành dự kiến” là ngày mà dự kiến Nhà thầu sẽ hoàn thành công trình. Ngày hoàn thành dự kiến được quy định tại **E-DKCT**;
- 1.18. “Ngày khởi công” là ngày được ghi trong **E-DKCT**. Đó là ngày chậm nhất mà Nhà thầu phải bắt đầu thực hiện công trình. Ngày khởi công không nhất thiết phải trùng với ngày tiếp nhận mặt bằng công trường;
- 1.19. “Nhà thầu” là nhà thầu trúng thầu (có thể là nhà thầu độc lập hoặc liên danh) và được quy định tại **E-DKCT**;
- 1.20. “Đại diện Nhà thầu” là người được Nhà thầu nêu ra trong hợp đồng hoặc được Nhà thầu ủy quyền bằng văn bản và điều hành công việc thay mặt Nhà thầu.
- 1.21. “Nhà thầu phụ” là tổ chức, cá nhân ký hợp đồng với nhà thầu để tham gia thực hiện công việc xây lắp;
- 1.22. “Nhà xưởng” là bất kỳ bộ phận không tách rời nào của công trình có chức năng cơ điện, hoá học hay sinh học;
- 1.23. “Sai sót” là bất kỳ phần nào của công trình chưa hoàn thành theo đúng hợp đồng;
- 1.24. “Sự kiện bồi thường” là các sự kiện được xác định theo Mục 48 E-DKC;
- 1.25. “Thay đổi” là các yêu cầu bằng văn bản của Chủ đầu tư làm thay đổi công trình;
- 1.26. “Thiết bị” là nhà xưởng, xe, máy móc của Nhà thầu được tạm thời mang đến công trường để thi công công trình;
- 1.27. “Thời hạn bảo hành công trình xây dựng” là thời gian Nhà thầu chịu trách nhiệm pháp lý về sửa chữa các sai sót với công trình. Thời hạn bảo hành được tính từ ngày công trình được nghiệm thu, bàn giao;
- 1.28. “Thông số kỹ thuật” là các yêu cầu kỹ thuật của công trình kèm trong Hợp đồng và bất kỳ thay đổi hay bổ sung nào được Chủ đầu tư đưa ra hay phê duyệt;
- 1.29. “Nhà thầu tư vấn” là tổ chức, cá nhân do Chủ đầu tư ký hợp đồng thuê để thực hiện một hoặc một số công việc chuyên môn liên quan đến việc quản lý thực hiện hợp đồng. Tên nhà thầu tư vấn được quy định tại **E-DKCT**;
- 1.30. “Tư vấn thiết kế” là tư vấn thực hiện việc thiết kế xây dựng

	<p>công trình.</p> <p>1.31. “Đại diện nhà thầu tư vấn” là người được nhà thầu tư vấn ủy quyền làm đại diện để thực hiện các nhiệm vụ do nhà thầu tư vấn giao.</p> <p>1.32. “Vật tư” là nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu và công cụ, dụng cụ, máy móc thiết bị sử dụng trong công trình;</p> <p>1.33. “Thời gian thực hiện hợp đồng” được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi các bên đã hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký.</p>
<p><b>2. Tài liệu hợp đồng và thứ tự ưu tiên</b></p>	<p>2.1. Đối với trường hợp hoàn thành từng phần theo quy định tại <b>E-ĐKCT</b>, các thuật ngữ “Công trình”, “Ngày hoàn thành” và “Ngày hoàn thành dự kiến” quy định tại E-ĐKC được hiểu là áp dụng tương ứng cho từng phần của Công trình.</p> <p>2.2. Tất cả các tài liệu nêu tại Mục 2.3 E-ĐKC (bao gồm cả các phần của tài liệu) sẽ cấu thành Hợp đồng để tạo thành thể thống nhất, có tính tương hỗ, bổ sung và giải thích cho nhau.</p> <p>2.3. Các tài liệu cấu thành Hợp đồng được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Văn bản Hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng;</li> <li>b) E-ĐKCT của hợp đồng được điền đầy đủ toàn bộ nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng (nếu có);</li> <li>c) Biên bản hoàn thiện hợp đồng;</li> <li>d) E-ĐKC của hợp đồng;</li> <li>đ) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;</li> <li>e) Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng;</li> <li>g) E-HSDT và các tài liệu làm rõ E-HSDT của Nhà thầu;</li> <li>h) E-HSMT và các tài liệu sửa đổi E-HSMT (nếu có);</li> <li>i) Các tài liệu khác quy định tại <b>E-ĐKCT</b>.</li> </ul> <p>2.4. Tài liệu hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng quy định tại Điều 65 Luật Đầu thầu và được các bên ký số để tạo thành hợp đồng điện tử bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Văn bản hợp đồng;</li> <li>b) Điều kiện cụ thể của hợp đồng được điền đầy đủ toàn bộ nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng (nếu có);</li> </ul>

	<p>c) Phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi công việc, biểu giá, tiến độ thực hiện (nếu có);</p> <p>d) Tài liệu khác (nếu có).</p>
<p><b>3. Luật và ngôn ngữ</b></p>	<p>Luật điều chỉnh hợp đồng là luật Việt Nam, ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt.</p>
<p><b>4. Thông báo</b></p>	<p>4.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản. Thuật ngữ “bảng văn bản” hay “văn bản” là bản ghi bằng tay, đánh máy, được in ra hoặc dưới dạng điện tử và sau đó được lưu trữ lâu dài.</p> <p>4.2. Thông báo của một bên sẽ được coi là có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.</p>
<p><b>5. Bảo đảm thực hiện hợp đồng</b></p>	<p>5.1. Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được nộp lên Chủ đầu tư không muộn hơn ngày quy định tại Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng. Bảo đảm thực hiện hợp đồng được thực hiện bằng một hoặc các hình thức sau:</p> <p>a) Đặt cọc bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản của Chủ đầu tư hoặc Séc bảo chi đối với bảo đảm thực hiện hợp đồng có giá trị dưới 50 triệu đồng và thời gian có hiệu lực của Séc bảo chi phù hợp với thời gian thực hiện gói thầu;</p> <p>b) Nộp thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam;</p> <p>c) Nộp giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.</p> <p>Bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại điểm b và điểm c khoản này là bảo đảm không có điều kiện (trả tiền khi có yêu cầu), theo mẫu quy định tại Phần 3 hoặc một mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận.</p> <p>5.2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng có giá trị và hiệu lực quy định tại <b>E-ĐKCT</b>.</p> <p>5.3. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Chủ đầu tư để bồi thường cho bất kỳ tổn thất nào phát sinh do Nhà thầu không hoàn thành các nghĩa vụ hợp đồng.</p> <p>5.4. Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại <b>E-ĐKCT</b>.</p>
<p><b>6. An toàn, phòng chống</b></p>	<p>An toàn lao động, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ</p>

**cháy nổ và vệ  
sinh môi  
trường**

**6.1. An toàn lao động**

- a) Nhà thầu phải lập các biện pháp an toàn cho người và công trình trên công trường xây dựng, kể cả các công trình phụ cận;
- b) Biện pháp an toàn, nội quy về an toàn lao động phải được thể hiện công khai trên công trường xây dựng để mọi người biết và chấp hành; những vị trí nguy hiểm trên công trường phải bố trí người hướng dẫn, cảnh báo đề phòng tai nạn;
- c) Các bên có liên quan phải thường xuyên kiểm tra giám sát công tác an toàn lao động trên công trường. Khi phát hiện có vi phạm về an toàn lao động thì phải đình chỉ thi công xây dựng. Tổ chức, cá nhân để xảy ra vi phạm về an toàn lao động thuộc phạm vi quản lý của mình phải chịu trách nhiệm trước pháp luật;
- d) Nhà thầu có trách nhiệm đào tạo, hướng dẫn, phổ biến các quy định về an toàn lao động cho người lao động của mình. Đối với một số công việc yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thì người lao động phải có giấy chứng nhận đào tạo về an toàn lao động;
- đ) Nhà thầu có trách nhiệm cấp đầy đủ các trang bị bảo hộ lao động, an toàn lao động cho người lao động.

Khi có sự cố về an toàn lao động, nhà thầu thi công xây dựng và các bên có liên quan có trách nhiệm tổ chức xử lý và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về an toàn lao động theo quy định của pháp luật, đồng thời chịu trách nhiệm khắc phục và bồi thường những thiệt hại do Nhà thầu không bảo đảm an toàn lao động gây ra.

**6.2. Bảo vệ môi trường**

- a) Nhà thầu phải thực hiện các biện pháp bảo đảm về môi trường cho người lao động trên công trường và bảo vệ môi trường xung quanh, bao gồm có biện pháp chống bụi, chống ồn, xử lý phế thải và thu dọn hiện trường; phải thực hiện các biện pháp bao che, thu dọn phế thải đưa đến đúng nơi quy định;
- b) Trong quá trình vận chuyển vật liệu xây dựng, phế thải phải có biện pháp che chắn bảo đảm an toàn, vệ sinh môi trường;
- c) Các bên phải có trách nhiệm kiểm tra giám sát việc thực hiện bảo vệ môi trường xây dựng, đồng thời chịu sự kiểm tra giám sát của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường. Trường hợp nhà thầu thi công xây dựng không tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường thì chủ đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước về môi trường có quyền tạm ngừng thi công xây dựng và yêu cầu nhà thầu thực hiện đúng biện pháp bảo vệ môi trường.
- d) Tổ chức, cá nhân để xảy ra các hành vi làm tổn hại đến môi trường trong quá trình thi công xây dựng công trình phải chịu trách

<p>nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra.</p> <p>6.3. Phòng chống cháy nổ:</p> <p>Các bên tham gia hợp đồng xây dựng phải tuân thủ các quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy.</p>	
<p><b>7. Quyền và nghĩa vụ chung của Chủ đầu tư</b></p> <p>7.1. Quyền của Chủ đầu tư:</p> <p>a) Chủ đầu tư có quyền kiểm tra, giám sát nhưng không được gây cản trở hoạt động thi công bình thường của Nhà thầu và bất kỳ chậm trễ, trì hoãn hay yêu cầu bổ sung kéo dài nào trong việc kiểm tra/kiểm định của Chủ đầu tư thì đều không được tính vào tiến độ thi công của Nhà thầu;</p> <p>b) Nếu Chủ đầu tư xét thấy mình có quyền với bất kỳ khoản thanh toán nào theo bất cứ điều nào hoặc các quy định khác liên quan đến hợp đồng thì phải thông báo và cung cấp các chi tiết cụ thể cho Nhà thầu.</p> <p>c) Trường hợp Chủ đầu tư nhận thấy vấn đề hoặc tình huống dẫn tới khiếu nại phải thông báo cho Nhà thầu càng sớm càng tốt. Các thông tin chi tiết phải xác định cụ thể điều khoản hoặc cơ sở khiếu nại khác và phải bao gồm chứng minh của số tiền và sự kéo dài mà Chủ đầu tư tự cho mình có quyền được hưởng liên quan đến hợp đồng. Chủ đầu tư sau đó phải quyết định:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số tiền (nếu có) mà Chủ đầu tư có quyền yêu cầu Nhà thầu thanh toán;</li> <li>- Kéo dài (nếu có) thời hạn thông báo sai sót;</li> </ul> <p>Chủ đầu tư có thể khấu trừ số tiền này từ bất kỳ khoản nợ hay sẽ nợ nào của Nhà thầu. Chủ đầu tư chỉ được quyền trừ hoặc giảm số tiền từ tổng số được xác nhận khoản nợ của Nhà thầu hoặc theo một khiếu nại nào khác đối với Nhà thầu theo khoản này;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các quyền khác theo quy định của pháp luật.</li> </ul> <p>7.2. Nghĩa vụ của Chủ đầu tư</p> <p>a) Xin giấy phép xây dựng theo quy định;</p> <p>b) Bàn giao toàn bộ hoặc từng phần mặt bằng xây dựng cho Nhà thầu quản lý, sử dụng phù hợp với tiến độ và các thỏa thuận của hợp đồng;</p> <p>c) Thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu về nhân lực chính của Chủ đầu tư tham gia quản lý và thực hiện hợp đồng;</p> <p>d) Bổ trí đủ nguồn vốn để thanh toán cho Nhà thầu theo tiến độ thanh toán trong hợp đồng;</p>	

- đ) Cung cấp kịp thời hồ sơ thiết kế và các tài liệu có liên quan, vật tư (nếu có) theo thỏa thuận trong hợp đồng và quy định của pháp luật có liên quan;
- e) Xem xét và chấp thuận bằng văn bản đối với các đề xuất liên quan đến thiết kế, thi công của Nhà thầu trong quá trình thi công xây dựng công trình. Nếu trong khoảng thời gian này mà Chủ đầu tư không trả lời thì coi như Chủ đầu tư đã chấp thuận đề nghị hay yêu cầu của Nhà thầu;
- g) Chủ đầu tư phải có sẵn để cung cấp cho Nhà thầu toàn bộ các số liệu liên quan mà Chủ đầu tư có về điều kiện địa hình, địa chất, thủy văn và những nội dung của công tác khảo sát về công trường, bao gồm cả các yếu tố môi trường liên quan đến hợp đồng.

## 8. Quyền và nghĩa vụ chung của Nhà thầu

### 8.1. Quyền của Nhà thầu

a) Được quyền đề xuất với Chủ đầu tư về khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng; từ chối thực hiện công việc ngoài phạm vi hợp đồng khi chưa được hai bên thống nhất và những yêu cầu trái pháp luật của Chủ đầu tư.

b) Được thay đổi các biện pháp thi công sau khi được Chủ đầu tư chấp thuận nhằm đẩy nhanh tiến độ, bảo đảm chất lượng, an toàn, hiệu quả công trình trên cơ sở giá hợp đồng đã ký kết.

### 8.2. Nghĩa vụ của Nhà thầu

a) Nhà thầu phải thi công xây dựng công trình đúng thiết kế, tiêu chuẩn dự án, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng, bảo đảm chất lượng, tiến độ, an toàn, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ.

b) Nhà thầu phải lập biện pháp tổ chức thi công, ghi nhật ký thi công xây dựng công trình, lập hồ sơ thanh toán, lập hồ sơ hoàn công, lập quyết toán hợp đồng, thí nghiệm vật liệu, kiểm định, thiết bị, sản phẩm xây dựng theo đúng quy định của hợp đồng.

c) Nhà thầu phải giữ bí mật thông tin liên quan đến hợp đồng hoặc pháp luật có quy định liên quan đến bảo mật thông tin.

d) Nhà thầu phải trả lời bằng văn bản các đề nghị hay yêu cầu của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian quy định tại **E-ĐKCT**, nếu trong khoảng thời gian quy định Nhà thầu không trả lời thì được coi là Nhà thầu đã chấp nhận đề nghị hay yêu cầu của Chủ đầu tư.

### 8.3. Báo cáo về nhân lực và thiết bị của Nhà thầu

Nhà thầu phải trình cho Chủ đầu tư những thông tin chi tiết về số lượng nhân lực tối thiểu, thiết bị chủ yếu của Nhà thầu trên công trường.

### 8.4. Hợp tác

- Nhà thầu phải có trách nhiệm hợp tác trong công việc đối với nhân sự của Chủ đầu tư và các Nhà thầu khác trong dự án. Hợp tác có thể bao gồm việc sử dụng các thiết bị, công trình tạm, đường vào công trường... của nhà thầu trong trường hợp cần thiết, cấp bách. Trong trường hợp này, nếu phát sinh chi phí ngoài giá hợp đồng thì các bên xem xét thỏa thuận bổ sung chi phí này.

- Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về các hoạt động thi công xây lắp của mình trên công trường và phối hợp hoạt động của các Nhà thầu khác ở phạm vi (nếu có) được nêu rõ trong E-HSMT của Chủ đầu tư.

#### 8.5. Định vị các mốc

- Nhà thầu phải định vị công trình theo các mốc và cao trình tham chiếu được xác định trong hợp đồng. Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm về việc định vị đúng tất cả các hạng mục của công trình và phải điều chỉnh sai sót về vị trí, cao độ, kích thước hoặc căn tuyến của công trình.

- Chủ đầu tư sẽ phải chịu trách nhiệm về bất kỳ sai sót nào về việc cung cấp thông tin trong các mục được chỉ ra trên đây hoặc các thông báo để tham chiếu đó (*các điểm mốc, tuyến và cao trình chuẩn*), nhưng Nhà thầu phải cố gắng để kiểm chứng độ chính xác của chúng trước khi sử dụng.

#### 8.6. Điều kiện về công trường

Nhà thầu được coi là đã thăm tra và xem xét công trường, khu vực xung quanh công trường, các số liệu và thông tin có sẵn nêu trên và đã được thỏa mãn trước khi nộp thầu, bao gồm:

a) Địa hình của công trường, bao gồm cả các điều kiện địa chất công trình khi mà trong E-HSMT hoặc tài liệu làm rõ đã có báo cáo khảo sát địa chất công trình;

b) Điều kiện địa chất thủy văn và khí hậu;

c) Mức độ và tính chất của công việc và vật liệu cần thiết cho việc thi công, hoàn thành công trình và sửa chữa sai sót.

d) Các quy định của pháp luật về lao động;

đ) Các yêu cầu của Nhà thầu về đường vào, ăn, ở, phương tiện, nhân lực, điều kiện giao thông, nước và các dịch vụ khác.

Nhà thầu được coi là đã thỏa mãn về tính đúng, đủ của điều kiện công trường để xác định giá hợp đồng.

Nếu gặp phải các điều kiện địa chất bất lợi mà Nhà thầu cho là không lường trước được thì Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư biết một cách sớm nhất có thể. Thông báo này sẽ mô tả các điều kiện địa chất sao cho Chủ đầu tư có thể kiểm tra được và phải nêu

Lý do tại sao Nhà thầu coi các điều kiện địa chất đó là không lường trước được. Nhà thầu phải tiếp tục thi công xây dựng công trình, sử dụng các biện pháp thỏa đáng, hợp lý, thích ứng với điều kiện địa chất đó và phải tuân theo chỉ dẫn của Chủ đầu tư đưa ra (nếu có). Trường hợp chỉ dẫn của Chủ đầu tư tạo ra sự thay đổi thì các bên có thể xem xét tiêu chí để thống nhất áp dụng theo Điều 15 E-DKC.

#### 8.7. Đường đi và phương tiện

Nhà thầu phải chịu toàn bộ chi phí và lệ phí cho các quyền về đường đi lại chuyên dùng hoặc tạm thời mà Nhà thầu cần có, bao gồm lối vào công trường. Nhà thầu cũng phải có thêm các phương tiện khác bên ngoài công trường cần cho công việc bằng kinh phí của mình.

Nhà thầu phải nỗ lực để tránh làm hư hỏng đường, cầu do việc sử dụng, đi lại của Nhà thầu hoặc người của Nhà thầu gây ra. Những nỗ lực này phải bao gồm việc sử dụng đúng các phương tiện và tuyến đường thích hợp.

Trừ khi được quy định khác trong các điều kiện và điều khoản này:

a) Nhà thầu không được sử dụng và chiếm lĩnh toàn bộ đường đi, vỉa hè bất kể kể nó là công cộng hay thuộc quyền kiểm soát của Chủ đầu tư hoặc những người khác;

b) Nhà thầu (*trong quan hệ giữa các bên*) sẽ phải chịu trách nhiệm sửa chữa nếu Nhà thầu làm hỏng khi sử dụng các tuyến đường đó;

c) Nhà thầu phải cung cấp các biển hiệu, biển chỉ dẫn cần thiết dọc tuyến đường và phải xin phép nếu các cơ quan liên quan yêu cầu cho việc sử dụng các tuyến đường, biển hiệu, biển chỉ dẫn;

d) Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về bất cứ khiêu nại nào có thể nảy sinh từ việc sử dụng hoặc các việc liên quan khác đối với các tuyến đường đi lại;

đ) Chủ đầu tư không bảo đảm sự thích hợp hoặc sẵn có các tuyến đường riêng biệt nào;

e) Chi phí do sự không thích hợp hoặc không có sẵn các tuyến đường cho yêu cầu sử dụng của Nhà thầu sẽ do Nhà thầu chịu.

#### 8.8. Vận chuyển vật tư thiết bị (trừ khi có quy định khác)

a) Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư không muộn hơn thời gian quy định tại **E-DKCT**, trước ngày mà mọi vật tư, thiết bị được vận chuyển tới công trường (bao gồm cả đóng gói, xếp hàng, vận chuyển, nhận, dỡ hàng, lưu kho và bảo vệ vật tư thiết bị);

b) Nhà thầu phải bồi thường và gánh chịu thiệt hại cho Chủ đầu tư đối với các hư hỏng, mất mát và chi phí (kể cả lệ phí và phí tư pháp) do việc vận chuyển vật tư thiết bị của Nhà thầu.

### 8.9. Thiết bị Nhà thầu

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm đối với toàn bộ thiết bị của mình. Khi được đưa tới công trình, thiết bị của Nhà thầu phải dùng riêng cho việc thi công công trình. Nhà thầu không được di chuyển ra khỏi công trường bất kỳ một loại thiết bị chủ yếu nào nếu không được sự đồng ý của Chủ đầu tư. Tuy nhiên, không yêu cầu phải có sự đồng ý của Chủ đầu tư đối với các xe cộ vận chuyển vật tư, thiết bị hoặc nhân lực của Nhà thầu ra khỏi công trường.

### 8.10. Thiết bị và vật liệu do Chủ đầu tư cấp (nếu có)

a) Chủ đầu tư phải chịu trách nhiệm đối với thiết bị, vật liệu của mình cấp cho Nhà thầu.

b) Nhà thầu phải chịu trách nhiệm đối với từng thiết bị, vật liệu của Chủ đầu tư trong khi người của Nhà thầu vận hành, lái, điều khiển, sử dụng, quản lý hoặc kiểm soát nó.

Chủ đầu tư phải cung cấp miễn phí, “các vật liệu do mình cung cấp” (nếu có) theo các chi tiết nêu trong các yêu cầu của Chủ đầu tư. Chủ đầu tư phải chịu rủi ro và dùng chi phí của mình, cung cấp những vật tư này tại thời điểm và địa điểm được quy định trong hợp đồng. Nhà thầu phải kiểm tra những vật liệu này và phải thông báo kịp thời cho Chủ đầu tư về sự thiếu hụt, sai sót hoặc không có của những vật liệu này. Trừ khi hai bên có thỏa thuận khác, Chủ đầu tư phải xác định ngay sự thiếu hụt, sai sót như đã được thông báo.

Sau khi được kiểm tra, vật liệu cấp không sẽ phải được Nhà thầu bảo quản và giám sát cẩn thận. Trách nhiệm kiểm tra, bảo quản của Nhà thầu không tách Chủ đầu tư khỏi trách nhiệm đối với sự thiếu hụt, sai sót, lỗi không thấy rõ khi kiểm tra.

### 8.11. Hoạt động của Nhà thầu trên công trường

Nhà thầu phải giới hạn các hoạt động của mình trong phạm vi công trường và khu vực bổ sung mà Nhà thầu có và được Chủ đầu tư đồng ý là nơi làm việc. Nhà thầu phải có sự chú ý cần thiết để giữ cho thiết bị của Nhà thầu và nhân lực của Nhà thầu chỉ hoạt động trong phạm vi công trường và các khu vực bổ sung và giữ cho không lấn sang khu vực lân cận. Trong thời gian thi công công trình, Nhà thầu phải giữ cho công trường không có các cản trở không cần thiết, và phải cất giữ hoặc sắp xếp thiết bị hoặc vật liệu thừa của mình. Nhà thầu phải dọn sạch rác và dỡ bỏ công trình tạm ra khỏi công trường khi không cần nữa.

Sau khi biên bản nghiệm thu công trình đã được cấp, Nhà thầu phải dọn sạch và đưa đi tất cả thiết bị của Nhà thầu, nguyên vật liệu thừa, phế thải xây dựng, rác và công trình tạm. Nhà thầu phải để lại những khu vực đó của công trường và công trình trong trạng thái sạch sẽ

	<p>và an toàn. Tuy nhiên, Nhà thầu có thể đề lại công trường, trong giai đoạn thông báo sai sót, những vật tư thiết bị cần để Nhà thầu hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng.</p> <p>Nếu tất cả những vật tư, thiết bị này không được dọn khỏi công trường trong thời gian quy định <b>E-DKCT</b> sau khi Chủ đầu tư cấp biên bản nghiệm thu, bàn giao; Chủ đầu tư có thể bán hoặc thải bỏ vật tư thiết bị, số tiền thu được từ việc bán vật tư, thiết bị sẽ trả cho Nhà thầu sau khi đã thanh toán các chi phí phát sinh cho Chủ đầu tư.</p> <p>8.12. Các vấn đề khác có liên quan</p> <p>Tất cả các cổ vật, đồng tiền, đồ cổ hoặc các di vật khác hoặc các hạng mục địa chất hoặc khảo cổ được tìm thấy trên công trường sẽ được đặt dưới sự bảo quản và thăm quyền của Chủ đầu tư. Nhà thầu phải chú ý không cho người của mình hoặc người khác lấy đi hoặc làm hư hỏng các đồ vật tìm thấy này.</p> <p>Khi phát hiện ra những đồ vật này, Nhà thầu phải thông báo ngay cho Chủ đầu tư để hướng dẫn giải quyết.</p>
<p><b>9. Quyền và nghĩa vụ của Nhà thầu tư vấn quản lý dự án (nếu có)</b></p>	<p>Trường hợp Chủ đầu tư thuê tư vấn quản lý dự án thì Nhà thầu tư vấn quản lý dự án có quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>9.1. Quyền của Nhà thầu tư vấn</p> <p>Nhà thầu tư vấn sẽ thực hiện các nhiệm vụ do Chủ đầu tư quy định trong hợp đồng. Nhà thầu tư vấn có thể bao gồm những cá nhân có trình độ chuyên môn phù hợp và có đủ năng lực để thực hiện những công việc này.</p> <p>Nhà thầu tư vấn không có quyền sửa đổi hợp đồng. Nhà thầu tư vấn có thể thực hiện quyền hạn được gắn với chức danh nhà tư vấn như đã được xác định hoặc được bao hàm do thấy cần thiết trong hợp đồng. Nếu Nhà thầu tư vấn được yêu cầu phải có sự chấp thuận của Chủ đầu tư trước khi thực thi một quyền hạn được xác định cụ thể thì những yêu cầu này phải được nói rõ trong hợp đồng. Chủ đầu tư cam kết không áp đặt đối với quyền hạn của Nhà thầu tư vấn, trừ những gì đã thỏa thuận với Nhà thầu. Tuy nhiên, mỗi khi Nhà thầu tư vấn thực thi một quyền hạn được xác định cụ thể mà cần có sự chấp thuận của Chủ đầu tư (ví mục đích của <i>hợp đồng</i>) thì được xem như Chủ đầu tư đã chấp thuận.</p> <p>Trừ khi được nêu khác đi trong điều kiện này thì:</p> <p>a) Mỗi khi thực thi nhiệm vụ hoặc thực hiện một quyền hạn đã được xác định cụ thể hoặc bao hàm trong hợp đồng, Nhà thầu tư vấn được xem là làm việc cho Chủ đầu tư;</p> <p>b) Nhà thầu tư vấn không có quyền giám sát bất kỳ nhiệm vụ, nghĩa</p>

vụ hoặc trách nhiệm nào theo hợp đồng hay cho một bên nào;

c) Bất kỳ sự chấp thuận, kiểm tra, xác nhận, đồng ý, xem xét, giám sát, chỉ dẫn, thông báo, đề xuất, yêu cầu, kiểm định hoặc hành động tương tự nào của Nhà thầu tư vấn (bao gồm cả trường hợp không có sự phân phối) cũng không hề miễn cho Nhà thầu khởi bất kỳ trách nhiệm nào theo hợp đồng, bao gồm cả trách nhiệm đối với các sai sót, bỏ sót, không nhất quán và không tuân thủ đúng.

### 9.2. Ủy quyền của Nhà thầu tư vấn

Nhà thầu tư vấn có thể phân công nhiệm vụ và ủy quyền cho một số cá nhân nhất định sau khi được sự chấp thuận của Chủ đầu tư. Những cá nhân này có thể là một Nhà thầu tư vấn thường trú hoặc giám sát viên độc lập được chỉ định để giám sát hoặc chạy thử các hạng mục thiết bị, vật liệu. Sự phân công, ủy quyền hoặc hủy bỏ sự phân công, ủy quyền của nhà tư vấn phải thể hiện bằng văn bản và chỉ có hiệu lực khi nào Chủ đầu tư nhận được văn bản đó. Tuy nhiên, trừ khi có thỏa thuận khác của hai bên trong hợp đồng hoặc của Chủ đầu tư, Nhà thầu tư vấn sẽ không ủy quyền để quyết định bất kỳ vấn đề gì.

Các cá nhân này phải là những người có đủ trình độ, năng lực để thực hiện các nhiệm vụ theo ủy quyền.

Mỗi cá nhân được phân công nhiệm vụ hoặc được ủy quyền, chỉ được quyền đưa ra chỉ dẫn cho Nhà thầu trong phạm vi được xác định trong sự ủy quyền. Bất kỳ sự chấp thuận, kiểm tra, xác nhận, đồng ý, xem xét, giám sát, chỉ dẫn, thông báo, đề xuất, yêu cầu, kiểm định hoặc hành động tương tự nào của một cá nhân phù hợp với sự ủy quyền sẽ có cùng hiệu lực như là việc thực hiện công việc của chính Nhà thầu tư vấn. Tuy nhiên:

a) Bất kỳ một sự không thành công trong công việc, không chấp thuận một công việc, thiết bị hoặc vật liệu nào đó, sẽ không có nghĩa là sự phê duyệt và do vậy, sẽ không phương hại đến quyền của Nhà thầu tư vấn trong việc bác bỏ công việc, thiết bị hoặc vật liệu đó;

b) Nếu Nhà thầu có điều gì hoài nghi đối với một quyết định hoặc chỉ dẫn nào đó của các cá nhân này thì Nhà thầu có thể nêu vấn đề đó với Nhà thầu tư vấn là người sẽ nhanh chóng kháng định, đảo ngược hoặc thay đổi quyết định hoặc chỉ dẫn đó.

### 9.3. Chỉ dẫn của Nhà thầu tư vấn

Nhà thầu tư vấn có thể đưa ra cho Nhà thầu bất kỳ lúc nào các chỉ dẫn và bản vẽ bổ sung hoặc sửa đổi cần thiết cho việc thi công xây dựng công trình và sửa chữa mọi sai sót, tất cả phải phù hợp với hợp đồng. Nhà thầu sẽ chỉ nhận các chỉ dẫn của Nhà thầu tư vấn hoặc người được ủy quyền.

Chủ đầu tư phải tuân theo các chỉ dẫn do nhà tư vấn hoặc người được ủy quyền đưa ra về bất kỳ vấn đề nào có liên quan đến hợp đồng. Khi có thể, các chỉ dẫn của Nhà thầu tư vấn và người được ủy quyền phải được đưa ra ở dạng văn bản. Trường hợp Nhà thầu tư vấn hoặc người được ủy quyền đưa ra chỉ dẫn bằng lời nói hoặc nhận được đề nghị chỉ dẫn bằng văn bản nhưng không trả lời bằng văn bản trong khoảng thời gian quy định tại E-DKCT thì đề nghị hoặc yêu cầu đó chính là chỉ dẫn bằng văn bản của Nhà thầu tư vấn hoặc người được ủy quyền (trường hợp cụ thể do các bên quy định trong hợp đồng).

#### 9.4. Thay thế Nhà thầu tư vấn

Nếu Chủ đầu tư có ý định thay thế Nhà thầu tư vấn thì phải thông báo cho Nhà thầu thông tin chi tiết tương ứng của Nhà thầu tư vấn được dự kiến thay thế. Chủ đầu tư không được thay thế Nhà thầu tư vấn bằng một người mà Nhà thầu có ý kiến từ chối một cách có lý do bằng cách gửi thông báo cho Chủ đầu tư các chi tiết, lý lẽ để giải thích.

#### 9.5. Quyết định của Nhà thầu tư vấn (trường hợp Chủ đầu tư không thuê Nhà thầu tư vấn thì khoản này áp dụng cho chính Chủ đầu tư)

Những điều kiện này quy định rằng, Nhà thầu tư vấn (thay mặt cho Chủ đầu tư) sẽ tiến hành công việc theo khoản này để đồng ý hay quyết định một vấn đề, nhà tư vấn phải trao đổi ý kiến với từng bên để cố gắng đạt được sự thống nhất chung. Trường hợp không đạt được sự thống nhất, nhà tư vấn sẽ đưa ra một quyết định khách quan phù hợp với hợp đồng, có xem xét thích đáng đến những sự việc có liên quan.

### 10. Quyền và nghĩa vụ của Nhà thầu tư vấn giám sát thi công xây dựng (nếu có)

Trường hợp Chủ đầu tư thuê tư vấn giám sát thi công xây dựng thì Nhà thầu tư vấn giám sát thi công xây dựng có quyền và nghĩa vụ sau đây:

10.1. Quyền của Nhà thầu tư vấn giám sát thi công xây dựng  
Nhà thầu tư vấn giám sát thi công xây dựng thực hiện các nhiệm vụ do Chủ đầu tư giao trong hợp đồng và các quy định cụ thể theo quy định của pháp luật. Tư vấn giám sát có thể bao gồm những cá nhân có trình độ chuyên môn phù hợp và có đủ năng lực để thực hiện những công việc này.

Tư vấn giám sát không có quyền sửa đổi hợp đồng. Tư vấn giám sát có thể thực hiện quyền hạn được gắn với chức danh Tư vấn giám sát như đã được xác định hoặc được bao hàm do thấy cần thiết trong hợp đồng. Nếu Tư vấn giám sát được yêu cầu phải có sự chấp thuận của Chủ đầu tư trước khi thực thi một quyền hạn được xác định cụ thể thì những yêu cầu này phải được nói rõ trong hợp đồng. Chủ đầu

tư cam kết không áp đặt đối với quyền hạn của Tư vấn giám sát, trừ những gì đã thỏa thuận với Nhà thầu.

Trừ khi được nêu khác đi trong điều kiện này thì:

- a) Tư vấn giám sát không có quyền giám sát bất kỳ nhiệm vụ, nghĩa vụ hoặc trách nhiệm nào theo hợp đồng hay cho một bên nào;
- b) Bất kỳ sự chấp thuận, kiểm tra, xác nhận, đồng ý, xem xét, giám sát, thông báo, yêu cầu, kiểm định hoặc hành động tương tự nào của Tư vấn giám sát (bao gồm cả trường hợp không có sự phản đối) cũng không hề miễn cho Chủ đầu tư khỏi bất kỳ trách nhiệm nào theo hợp đồng, bao gồm cả trách nhiệm đối với các sai sót, bỏ sót, không nhất quán và không tuân thủ đúng.

#### 10.2. Trách nhiệm của Tư vấn giám sát

Giám sát chất lượng thi công xây dựng công trình (*nếu không thuê tư vấn giám sát thì công việc này thuộc trách nhiệm của Chủ đầu tư*). Nội dung giám sát chất lượng thi công xây dựng công trình thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

#### 10.3. Thay thế Tư vấn giám sát

Nếu Chủ đầu tư có ý định thay thế Tư vấn giám sát thì phải thông báo cho Nhà thầu thông tin chi tiết tương ứng của Tư vấn giám sát được dự kiến thay thế. Chủ đầu tư không được thay thế Tư vấn giám sát bằng một người mà Nhà thầu có ý kiến từ chối một cách có lý do bằng cách gửi thông báo cho Chủ đầu tư các chi tiết, lý lẽ để giải thích.

### 11. Nhà thầu phụ

11.1. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ quy định tại **E-DKCT** để thực hiện một phần công việc nêu trong E-HSDT. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của Nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do nhà thầu phụ thực hiện. Việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT hoặc thay đổi nội dung thầu phụ nêu trong E-HSDT chỉ được thực hiện khi được chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận và không vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng; việc sử dụng nhà thầu phụ phải phù hợp với nhu cầu của nhà thầu trong thực hiện hợp đồng, nhà thầu phụ phải đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu của nhà thầu;

11.2. Giá trị công việc mà các nhà thầu phụ quy định tại Mục 11.1 E-DKC thực hiện không được vượt quá tỷ lệ phần trăm theo giá hợp đồng quy định tại **E-DKCT**.

	<p>11.3. Nhà thầu có trách nhiệm thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho nhà thầu phụ theo các điều khoản thỏa thuận giữa Nhà thầu và nhà thầu phụ. Chủ đầu tư có thể thanh toán trực tiếp cho Nhà thầu phụ trên cơ sở đề xuất thanh toán của Nhà thầu <i>(hoặc theo thỏa thuận khác của các bên)</i>.</p> <p>11.4. Yêu cầu khác về nhà thầu phụ quy định tại <b>E-ĐKCT</b>.</p>
<p><b>12. Hợp tác với các Nhà thầu khác</b></p>	<p>Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Nhà thầu phải hợp tác với các nhà thầu khác và các đơn vị liên quan cùng làm việc trên công trường trong khoảng thời gian làm việc của các nhà thầu, đơn vị liên quan đó theo kế hoạch. Trường hợp thay đổi kế hoạch làm việc của các nhà thầu khác, Chủ đầu tư sẽ thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu về những thay đổi đó.</p> <p>Trường hợp có quy định trong Thông số kỹ thuật hoặc theo yêu cầu của Chủ đầu tư, Nhà thầu phải hợp tác với và tạo điều kiện phù hợp cho nhân sự của Chủ đầu tư và các nhân sự khác tiến hành đánh giá tác động môi trường và xã hội. Chủ đầu tư phải thông báo trước cho Nhà thầu về việc này.</p>
<p><b>13. Nhân sự và Thiết bị</b></p>	<p>13.1. Nhà thầu phải huy động các nhân sự chủ chốt và sử dụng các thiết bị đã kê khai trong E-HSMT hoặc đã bổ sung để thực hiện công trình. Chủ đầu tư chỉ chấp thuận đề xuất thay thế nhân sự chủ chốt và thiết bị trong trường hợp kinh nghiệm, năng lực của nhân sự thay thế và chất lượng, tính năng của thiết bị thay thế là tương đương hoặc cao hơn so với đề xuất trong E-HSMT.</p> <p>13.2. Trường hợp Chủ đầu tư yêu cầu Nhà thầu cho nhân sự của Nhà thầu thôi việc với lý do chính đáng, Nhà thầu phải bảo đảm rằng người đó sẽ rời khỏi công trường trong vòng 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư và không còn được thực hiện bất kỳ công việc nào liên quan đến hợp đồng. Trong trường hợp cần thiết, Nhà thầu phải bổ sung ngay một nhân sự thay thế có năng lực, kinh nghiệm tương đương hoặc cao hơn.</p> <p>13.3. Trường hợp Chủ đầu tư xác định một nhân sự của Nhà thầu có các hành vi tham nhũng, gian lận, thông đồng, ép buộc hoặc gây trở ngại trong quá trình thực hiện công trình thì nhân sự đó sẽ bị buộc thôi việc theo Mục 13.2 E-ĐKC.</p>

<p><b>14. Điện, nước và an ninh công trường</b></p>	<p>14.1 Điện, nước trên công trường</p> <p>a) Trừ trường hợp quy định ở điểm b Mục này, Nhà thầu phải chịu trách nhiệm cung cấp điện, nước và các dịch vụ khác mà Nhà thầu cần.</p> <p>b) Nhà thầu có quyền sử dụng việc cung cấp điện, nước và dịch vụ khác có thể có trên công trường cho mục đích thi công công trình mà các chi tiết và giá đã được đưa ra trong các yêu cầu của Chủ đầu tư; Nhà thầu có trách nhiệm bảo vệ nguồn điện, nước để phục vụ thi công công trình. Nhà thầu phải tự mình chịu rủi ro và dùng chi phí của mình, cung cấp máy móc thiết bị cần thiết để sử dụng những dịch vụ này và để đo số lượng tiêu thụ. Số lượng tiêu thụ và số tiền phải trả cho các dịch vụ trên Nhà thầu phải thanh toán theo quy định của hợp đồng.</p> <p>14.2. An ninh công trường</p> <p>Trừ khi có quy định khác trong những điều kiện riêng:</p> <p>a) Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về việc cho phép những người không có nhiệm vụ vào công trường;</p> <p>b) Những người có nhiệm vụ được vào công trường gồm nhân lực của Nhà thầu và của Chủ đầu tư và những người khác do Chủ đầu tư (hoặc người thay mặt) thông báo cho Nhà thầu biết.</p>
<p><b>15. Bất khả</b></p>	<p>15.1. Nhà thầu không bị tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng, không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại hay bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng nếu rơi vào các sự kiện bất khả kháng gây cản trở tiến độ thực hiện hợp đồng hoặc không thể thực hiện nghĩa vụ hợp đồng.</p> <p>15.2. Khi xảy ra sự việc bất khả kháng, việc một bên không thực hiện được bất kỳ một nghĩa vụ nào của mình sẽ không bị coi là vi phạm hay phá vỡ Hợp đồng, với điều kiện bên bị ảnh hưởng bởi vụ việc này: (a) đã tiến hành những biện pháp ngăn ngừa hợp lý, cẩn trọng và các biện pháp thay thế cần thiết, tất cả với mục đích thực hiện được những điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này, và (b) phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình trong phạm vi Hợp đồng chừng nào việc thực hiện này còn hợp lý và thực tế.</p> <p>15.3. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không thể lường trước, không thể tránh được và khiến cho việc thực hiện hợp đồng là không khả thi mà nguyên nhân không phải do sơ suất hoặc thiếu chú ý của các bên. Sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch hoặc các chính sách, quy định của Nhà nước.</p> <p>15.4. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện</p>

	<p>bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện trong vòng 14 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.</p> <p>Nhà thầu bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để hạn chế hậu quả của sự việc bất khả kháng.</p> <p>15.5. Thời hạn mà một bên phải hoàn thành một công việc theo Hợp đồng này được gia hạn thêm một khoảng thời gian bằng đúng thời gian bên đó không thể thực hiện được công việc do sự kiện bất khả kháng gây ra.</p>
<p><b>16. Rủi ro của Chủ đầu tư và Nhà thầu</b></p>	<p>Chủ đầu tư chịu mọi rủi ro mà Hợp đồng này xác định là rủi ro của Chủ đầu tư, Nhà thầu chịu mọi rủi ro mà Hợp đồng này xác định là rủi ro của Nhà thầu.</p>
<p><b>17. Rủi ro của Chủ đầu tư</b></p>	<p>17.1. Kể từ Ngày khởi công cho đến ngày Chủ đầu tư phát hành Chứng nhận hết thời hạn bảo hành công trình, Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về các rủi ro sau đây:</p> <p>a) Rủi ro về thương tích, tử vong đối với con người, mất mát hoặc hư hỏng tài sản (ngoại trừ Công trình, Vật tư, Nhà xưởng, Thiết bị) do lỗi của Chủ đầu tư hoặc nhân sự của Chủ đầu tư;</p> <p>b) Rủi ro về tổn thất, hư hại đối với Công trình, Vật tư, Nhà xưởng, Thiết bị do lỗi của Chủ đầu tư, do thiết kế của Chủ đầu tư hoặc do bất khả kháng.</p> <p>17.2. Kể từ Ngày hoàn thành cho đến ngày Chủ đầu tư phát hành Chứng nhận hết thời hạn bảo hành công trình, Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về các rủi ro tổn thất hay hư hại công trình, nhà xưởng, vật tư, trừ trường hợp tổn thất hay hư hại đó bắt nguồn từ:</p> <p>(a) Một sai sót còn tồn tại vào ngày hoàn thành;</p> <p>(b) Một sự việc xảy ra trước ngày hoàn thành và không phải là rủi ro của Chủ đầu tư;</p> <p>(c) Các hoạt động của Nhà thầu trên công trường sau ngày hoàn thành.</p>
<p><b>18. Rủi ro của Nhà thầu</b></p>	<p>Nhà thầu chịu trách nhiệm về các rủi ro không phải là rủi ro của Chủ đầu tư, bao gồm rủi ro về thương tích, tử vong, mất mát hay hư hỏng tài sản (bao gồm cả công trình, vật tư, nhà xưởng, thiết bị) kể từ Ngày khởi công cho đến ngày Chủ đầu tư phát hành Chứng nhận hết thời hạn bảo hành công trình.</p>

	<p>19.1. Yêu cầu về bảo hiểm được quy định tại <b>E-DKCT</b>.</p> <p>19.2. Nhà thầu phải thực hiện mua bảo hiểm đối với các thiết bị, nhân lực của Nhà thầu, bảo hiểm đối với bên thứ ba.</p>
<p><b>20. Bảo hành</b></p>	<p>20.1. Sau khi nhận được biên bản nghiệm thu công trình, hạng mục công trình để đưa vào sử dụng, Nhà thầu phải:</p> <p>a) Thực hiện việc bảo hành công trình trong thời gian quy định tại <b>E-DKCT</b>;</p> <p>b) Trường hợp Chủ đầu tư trả tiền giữ lại trong các giai đoạn thanh toán cho bảo hành thì Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh để thực hiện nghĩa vụ bảo hành công trình trong vòng 21 ngày trước ngày nhận được biên bản nghiệm thu công trình, hạng mục công trình để đưa vào sử dụng. Bảo lãnh bảo hành phải có giá trị cho đến hết thời gian bảo hành.</p> <p>20.2. Trong thời gian bảo hành công trình Nhà thầu phải sửa chữa mọi sai sót, khiếm khuyết do lỗi của Nhà thầu gây ra trong quá trình thi công công trình bằng chi phí của Nhà thầu. Việc sửa chữa các lỗi này phải được bắt đầu trong vòng không quá 21 ngày sau khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư về các lỗi này. Nếu quá thời hạn này mà Nhà thầu không bắt đầu thực hiện các công việc sửa chữa thì Chủ đầu tư có quyền thuê một Nhà thầu khác (bên thứ ba) thực hiện các công việc này và toàn bộ chi phí cho việc sửa chữa để chi trả cho bên thứ ba sẽ do Nhà thầu chịu và được khấu trừ vào tiền bảo hành của Nhà thầu và thông báo cho Nhà thầu giá trị trên, Nhà thầu buộc phải chấp thuận giá trị trên.</p>
<p><b>21. Thông tin về Công trường</b></p>	<p>Nhà thầu có trách nhiệm nghiên cứu các thông tin về Công trường được nêu trong <b>E-DKCT</b> và các thông tin khác có liên quan.</p>
<p><b>22. Bảo đảm an ninh Công trường</b></p>	<p>Nhà thầu chịu trách nhiệm bảo đảm an ninh Công trường. Người không có nhiệm vụ liên quan thì không được vào Công trường. Người được phép vào Công trường chỉ bao gồm Nhân sự của Nhà thầu, Nhân sự của Chủ đầu tư, người được Chủ đầu tư thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu về việc được phép vào Công trường (bao gồm các nhà thầu khác của Chủ đầu tư trên Công trường).</p> <p>Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư phê duyệt kế hoạch đảm bảo an ninh Công trường.</p> <p>Nhà thầu phải (i) tiến hành kiểm tra lý lịch (nếu cần thiết) đối với các nhân sự thực hiện nhiệm vụ đảm bảo an ninh Công trường; (ii) đào tạo cho các nhân sự đảm bảo an ninh Công trường (hoặc đảm</p>

	<p>bảo họ đã được đào tạo đầy đủ) về việc sử dụng vũ lực, và về thái độ ứng xử phù hợp đối với Nhân sự của Nhà thầu, Nhân sự của Chủ đầu tư và các cộng đồng bị ảnh hưởng; (iii) yêu cầu các nhân sự đảm bảo an ninh Công trường tuân thủ quy định của pháp luật và các yêu cầu khác quy định trong Thông số kỹ thuật</p> <p>Nhà thầu không được cho phép các nhân sự đảm bảo an ninh Công trường sử dụng vũ lực trong quá trình thực hiện nhiệm vụ trừ trường hợp phòng ngừa và tự vệ phù hợp với bản chất và mức độ của các mối đe dọa.</p> <p>Khi bố trí công tác bảo đảm an ninh Công trường, Nhà thầu phải tuân thủ các yêu cầu khác quy định trong Thông số kỹ thuật.</p>
<p><b>23. Cổ vật phát hiện tại Công trường</b></p>	<p>23.1. Bất kỳ đồ vật gì có tính chất lịch sử hay có giá trị đáng kể được phát hiện tại công trường sẽ là tài sản của Nước Cộng hoà xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Nhà thầu phải thực hiện tất cả các biện pháp bảo vệ hợp lý, bao gồm lập hàng rào quanh khu vực có những phát hiện đó để tránh gây thêm tác động và ngăn ngừa Nhân sự của Nhà thầu hoặc những người khác đi dờn hoặc phá hoại các phát hiện đó. Nhà thầu phải thông báo ngay cho Chủ đầu tư về việc phát hiện này để giải quyết theo quy định của pháp luật.</p> <p>23.2. Trường hợp việc thực hiện hợp đồng bị chậm do việc phát hiện cổ vật hoặc Nhà thầu phải tham gia việc xử lý, bảo quản, vận chuyển cổ vật thì Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư để xem xét, giải quyết.</p>
<p><b>24. Quyền sử dụng Công trường</b></p>	<p>Chủ đầu tư phải giao quyền sử dụng Công trường cho Nhà thầu vào ngày quy định tại E-DKCT. Nếu một phần nào đó của Công trường chưa được giao cho Nhà thầu sử dụng vào ngày quy định tại E-DKCT thì Chủ đầu tư sẽ được xem là gây chậm trễ cho việc bắt đầu các hoạt động liên quan và điều này sẽ được xác định là một Sự kiện bồi thường.</p>
<p><b>25. Ra vào Công trường</b></p>	<p>Nhà thầu phải cho phép Chủ đầu tư hay bất kỳ người nào khác được Chủ đầu tư uỷ quyền ra vào Công trường và ra vào bất kỳ nơi nào đang thực hiện hoặc dự kiến sẽ thực hiện công việc có liên quan đến Hợp đồng.</p>
<p><b>26. Tư vấn giám sát</b></p>	<p>26.1. Tư vấn giám sát có trách nhiệm thực hiện các công việc nêu trong Hợp đồng.</p> <p>26.2. Tư vấn giám sát có thể đưa ra chỉ dẫn cho Nhà thầu về việc thi công xây dựng Công trình và sửa chữa sai sót vào bất kỳ lúc nào. Nhà thầu phải tuân theo các chỉ dẫn của Tư vấn giám sát.</p> <p>Nhà thầu và nhà thầu phụ có trách nhiệm lưu giữ các tài liệu, báo cáo và sổ sách ghi chép chính xác và có hệ thống về Công trình, thể</p>

	<p>hiện rõ những thay đổi về thời gian và chi phí liên quan đến Công trình.</p> <p>26.3. Trường hợp Chủ đầu tư thay đổi Tư vấn giám sát, Chủ đầu tư sẽ thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu.</p>
<p><b>27. Giải quyết tranh chấp</b></p>	<p>27.1. Chủ đầu tư và Nhà thầu có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.</p> <p>27.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian quy định tại <b>E-DKCT</b> kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì một bên có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế được xác định tại <b>E-DKCT</b>.</p>
	<p><b>B. Quản lý thời gian</b></p>
<p><b>28. Ngày khởi công và Ngày hoàn thành dự kiến</b></p>	<p>Nhà thầu có thể bắt đầu thực hiện công trình vào Ngày khởi công quy định tại <b>E-DKCT</b> và phải tiến hành thi công công trình theo đúng Biểu tiến độ thi công chi tiết do Nhà thầu trình và được Chủ đầu tư chấp thuận. Nhà thầu phải hoàn thành công trình vào Ngày hoàn thành dự kiến quy định tại <b>E-DKCT</b>.</p>
<p><b>29. Biểu tiến độ thi công chi tiết</b></p>	<p>29.1. Trong khoảng thời gian quy định tại <b>E-DKCT</b>, Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư xem xét, chấp thuận Biểu tiến độ thi công chi tiết bao gồm các nội dung sau:</p> <p>a) Trình tự thực hiện công việc của Nhà thầu và thời gian thi công dự tính cho mỗi giai đoạn chính của Công trình;</p> <p>b) Quá trình và thời gian kiểm tra, kiểm định được nêu cụ thể trong Hợp đồng;</p> <p>c) Báo cáo kèm theo gồm: báo cáo chung về các phương pháp mà Nhà thầu dự kiến áp dụng và các giai đoạn chính trong việc thi công công trình; số lượng nhân sự và thiết bị của Nhà thầu cần thiết trên Công trường cho mỗi giai đoạn chính.</p> <p>Đối với hợp đồng trọn gói, các hoạt động trong Biểu tiến độ thi công chi tiết phải phù hợp với Bảng kê các hoạt động.</p> <p>29.2. Nhà thầu phải thực hiện theo Biểu tiến độ thi công chi tiết sau khi bảng này được Chủ đầu tư chấp thuận.</p> <p>29.3. Việc Chủ đầu tư chấp thuận Biểu tiến độ thi công chi tiết sẽ không thay thế các nghĩa vụ của Nhà thầu. Nhà thầu có thể điều chỉnh Biểu tiến độ thi công chi tiết (trong đó thể hiện rõ tác động của các Thay đổi và Sự kiện bồi thường) và trình lại cho Chủ đầu tư vào bất kỳ thời điểm nào.</p> <p>29.4. Nhà thầu phải theo dõi tiến độ Công trình và trình Chủ đầu tư xem xét báo cáo tiến độ và Biểu tiến độ thi công chi tiết đã cập nhật</p>

(trong đó thể hiện rõ tiến độ thực tế, tác động đối với các công việc còn lại) vào những thời điểm không muộn hơn thời gian quy định tại **E-DKCT**. Trường hợp Nhà thầu không trình Biểu tiến độ thi công chi tiết đã cập nhật vào những thời điểm trên, Chủ đầu tư có thể giữ lại một số tiến quy định tại **E-DKCT** trong kỳ thanh toán tiếp theo. Số tiền này sẽ được thanh toán ở kỳ thanh toán kế tiếp sau khi Nhà thầu trình Biểu tiến độ thi công chi tiết đã cập nhật. Đối với hợp đồng trọn gói, Nhà thầu phải nộp Bảng kê các hoạt động đã cập nhật trong vòng 14 ngày kể từ khi có yêu cầu của Chủ đầu tư.

Ngoài các báo cáo tiến độ, Nhà thầu phải lập tức thông báo cho Chủ đầu tư bất kỳ nghi vấn, sự cố hoặc tai nạn trong Công trường, đã hoặc sẽ chắc chắn gây ảnh hưởng bất lợi đáng kể đối với môi trường, các cộng đồng bị ảnh hưởng. Nhân sự của Chủ đầu tư hoặc Nhân sự của Nhà thầu. Điều này bao gồm bất kỳ sự cố, tai nạn gây tử vong hoặc thương tích nghiêm trọng, ảnh hưởng bất lợi đáng kể.

Nhà thầu phải lập tức thông báo cho Chủ đầu tư bất kỳ nghi vấn, sự cố hoặc tai nạn xảy ra trong các cơ sở của các Nhà thầu phụ hoặc nhà cung cấp liên quan đến Công trình, đã hoặc sẽ chắc chắn gây ảnh hưởng bất lợi đáng kể đối với môi trường, các cộng đồng bị ảnh hưởng. Nhân sự của Chủ đầu tư, Nhân sự của Nhà thầu, và Nhân sự của các Nhà thầu phụ và các nhà cung cấp, ngay khi được biết về nghi vấn, sự cố hoặc tai nạn đó. Thông báo của Nhà thầu phải bao gồm đầy đủ thông tin về các sự cố và tai nạn như vậy. Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ chi tiết về các sự cố hay tai nạn đó cho Chủ đầu tư trong khoảng thời gian được Chủ đầu tư chấp thuận.

Nhà thầu phải yêu cầu các Nhà thầu phụ và các nhà cung cấp của mình lập tức thông báo cho Nhà thầu các sự cố và tai nạn như quy định trong Khoản này.

### **30. Thay đổi tiến độ thực hiện hợp đồng**

Chủ đầu tư và Nhà thầu sẽ thương thảo về việc gia hạn tiến độ thực hiện Hợp đồng trong các trường hợp sau đây:

30.1. Trường hợp bất khả kháng hoặc phát sinh các điều kiện bất lợi, cản trở nhà thầu trong việc thực hiện hợp đồng và không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia hợp đồng;

30.2. Thay đổi, điều chỉnh dự án, phạm vi công việc, phạm vi cung cấp, thiết kế, giải pháp thi công chủ đạo, biện pháp cung cấp do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ hợp đồng;

30.3. Một hoặc các bên đề xuất sáng kiến, cải tiến thực hiện hợp đồng mà cần thay đổi tiến độ nhằm mục đích mang lại lợi ích cao hơn cho chủ đầu tư;

30.4. Việc bàn giao mặt bằng không đúng với thỏa thuận trong hợp đồng, tạm dừng hợp đồng do lỗi của chủ đầu tư ảnh hưởng đến tiến

	<p>độ hợp đồng mà không do lỗi của nhà thầu;</p> <p>30.5. Tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không do lỗi của chủ đầu tư, nhà thầu.</p> <p>30.6. Chủ đầu tư chậm trễ không có lý do trong việc cấp Biên bản nghiệm thu công trình;</p> <p>30.7. Các trường hợp khác được mô tả tại <b>E-ĐKCT</b>.</p>
<p><b>31. Đẩy nhanh tiến độ</b></p>	<p>31.1. Trường hợp Chủ đầu tư cần Nhà thầu hoàn thành trước Ngày hoàn thành dự kiến, Chủ đầu tư phải yêu cầu Nhà thầu đề xuất các chỉ phí phát sinh nhằm đẩy nhanh tiến độ. Nếu Chủ đầu tư chấp nhận các chi phí mà Nhà thầu đề xuất thì Ngày hoàn thành dự kiến sẽ được điều chỉnh cho phù hợp và được Chủ đầu tư và Nhà thầu xác nhận.</p> <p>31.2. Nếu các chi phí phát sinh do Nhà thầu đề xuất để đẩy nhanh tiến độ được Chủ đầu tư chấp thuận thì Giá hợp đồng sẽ được điều chỉnh và các chi phí phát sinh sẽ được xem là một thay đổi của hợp đồng.</p>
<p><b>32. Trì hoãn theo yêu cầu của Chủ đầu tư</b></p>	<p>Chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu hoãn việc khởi công hay thực hiện chậm tiến độ đối với bất kỳ hoạt động nào của Công trình.</p>
	<p><b>C. Quản lý chất lượng</b></p>
<p><b>33. Kiểm tra chất lượng vật tư, máy móc, thiết bị</b></p>	<p>33.1. Nhà thầu phải đảm bảo tất cả vật tư, máy móc, thiết bị đáp ứng đúng yêu cầu kỹ thuật.</p> <p>33.2. Nhà thầu phải cung cấp mẫu, kết quả kiểm nghiệm đối với vật tư, máy móc, thiết bị quy định tại <b>E-ĐKCT</b> để kiểm tra và làm cơ sở nghiệm thu công trình.</p> <p>33.3. Chủ đầu tư sẽ kiểm tra vật tư, máy móc, thiết bị tại nơi khai thác, nơi sản xuất hoặc tại công trường vào bất kỳ thời điểm nào.</p> <p>33.4. Nhà thầu phải đảm bảo bố trí cán bộ và các điều kiện cần thiết cho việc kiểm tra vật tư, máy móc, thiết bị nêu trên.</p>
<p><b>34. Yêu cầu về chất lượng, kiểm tra giám sát và nghiệm thu công việc</b></p>	<p>34.1. Yêu cầu về chất lượng sản phẩm</p> <p>Yêu cầu về chất lượng sản phẩm của hợp đồng thi công xây dựng như sau:</p> <p>a) Công trình phải được thi công theo bản vẽ thiết kế (kể cả phần sửa đổi được Chủ đầu tư chấp thuận), chỉ dẫn kỹ thuật được nêu trong E-HSMT phù hợp với hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn được áp dụng cho dự án và các quy định về chất lượng công trình, xây dựng của nhà nước có liên quan; Nhà thầu phải có sơ đồ và thuyết</p>

minh hệ thống quản lý chất lượng thi công, giám sát chất lượng thi công của mình.

b) Nhà thầu phải cung cấp cho Chủ đầu tư các kết quả thí nghiệm vật liệu, sản phẩm của công việc hoàn thành. Các kết quả thí nghiệm này phải được thực hiện bởi phòng thí nghiệm hợp chuẩn theo quy định.

34.2. Kiểm tra, giám sát của Chủ đầu tư

a) Chủ đầu tư được quyền vào các nơi trên công trường và các nơi khai thác nguyên vật liệu tự nhiên của Nhà thầu phục vụ cho gói thầu để kiểm tra;

b) Trong quá trình sản xuất, gia công, chế tạo và xây dựng ở khu vực, trên công trường được quy định trong hợp đồng Chủ đầu tư được quyền kiểm tra, kiểm định, đo lường, thử các loại vật liệu và kiểm tra quá trình gia công, chế tạo thiết bị, sản xuất vật liệu.

Nhà thầu phải tạo mọi điều kiện cho người của Chủ đầu tư để tiến hành các hoạt động này, bao gồm cả việc cho phép ra vào, cung cấp các phương tiện đi lại ở khu vực trên công trường, các giấy phép và thiết bị an toàn. Những hoạt động này không làm giảm nghĩa vụ hoặc trách nhiệm của Nhà thầu.

Đối với các công việc mà người của Chủ đầu tư được quyền xem xét đo lường và kiểm định, Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư biết khi bắt kỳ công việc nào như vậy đã xong và trước khi được phủ lập, hoặc không còn được nhìn thấy hoặc đóng gói để lưu kho hoặc vận chuyển. Chủ đầu tư phải tiến hành ngay việc kiểm tra, giám định, đo lường hoặc kiểm định không được chậm trễ mà không cần lý do, hoặc thông báo ngay cho Nhà thầu việc Chủ đầu tư không kiểm tra, giám định, đo lường hoặc kiểm định để Nhà thầu có thể tiếp tục các công việc tiếp theo. Trong trường hợp Chủ đầu tư không tham gia quá trình này thì Chủ đầu tư không được khiếu nại về các vấn đề trên.

34.3. Nghiệm thu sản phẩm các công việc hoàn thành: Theo quy định pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực. Căn cứ nghiệm thu sản phẩm của hợp đồng là các bản vẽ thiết kế (kể cả phần sửa đổi, bổ sung được Chủ đầu tư chấp thuận); thuyết minh kỹ thuật; các quy chuẩn, tiêu chuẩn có liên quan; chứng chỉ kết quả thí nghiệm; biểu mẫu hồ sơ nghiệm thu bàn giao và các quy định khác có liên quan.

Chủ đầu tư phải kiểm tra, đánh giá chất lượng công việc của Nhà thầu và thông báo cho Nhà thầu về bất kỳ sai sót nào được phát hiện. Việc kiểm tra của Chủ đầu tư không làm thay đổi trách nhiệm của Nhà thầu. Chủ đầu tư có thể chỉ thị Nhà thầu tìm kiếm xem công trình có sai sót hay không và Nhà thầu phải kiểm tra, thử nghiệm

**35. Xác định các sai sót trong công trình**

	<p>bất kỳ phân việc nào mà Chủ đầu tư cho là có thể có sai sót.</p> <p>36.1. Nếu Chủ đầu tư chỉ thị Nhà thầu tiến hành một thử nghiệm không được quy định tại phần Thông số kỹ thuật nhằm kiểm tra xem có sai sót hay không và sau đó kết quả thử nghiệm cho thấy có sai sót thì Nhà thầu sẽ phải trả chi phí lấy mẫu và thử nghiệm. Nếu không có sai sót thì việc lấy mẫu, thử nghiệm đó sẽ được coi là một Sự kiện bồi thường.</p> <p>36.2. Trước khi bắt đầu thử nghiệm, Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư các tài liệu hoàn công, các sổ tay vận hành và bảo trì phù hợp với đặc tính kỹ thuật với đầy đủ chi tiết để vận hành, bảo trì, tháo dỡ, lắp đặt, điều chỉnh và sửa chữa.</p> <p>36.3. Nhà thầu phải cung cấp các máy móc, sự trợ giúp, tài liệu và các thông tin khác, điện, thiết bị, nhiên liệu, vật dụng, dụng cụ, người lao động, vật liệu và nhân viên có trình độ và kinh nghiệm cần thiết để tiến hành thử nghiệm cụ thể một cách hiệu quả. Nhà thầu phải thống nhất với Chủ đầu tư về thời gian, địa điểm tiến hành thử nghiệm của thiết bị, vật liệu và các hạng mục công trình.</p> <p>36.4. Chủ đầu tư phải thông báo trước cho Nhà thầu về việc tham gia vào lần thử nghiệm. Nếu Chủ đầu tư không tham gia vào lần thử nghiệm tại địa điểm và thời gian đã thỏa thuận, Nhà thầu có thể tiến hành thử nghiệm và coi như việc thử nghiệm đã được tiến hành với sự có mặt của Chủ đầu tư, trừ khi có thỏa thuận khác giữa các bên.</p> <p>36.5. Nhà thầu phải trình cho Chủ đầu tư các báo cáo có xác nhận về các lần thử nghiệm và các bên ký biên bản thử nghiệm làm cơ sở thanh lý hợp đồng theo quy định.</p>
<p><b>37. Sửa chữa khác phục Sai sót</b></p>	<p>37.1. Kể từ Ngày hoàn thành cho đến khi kết thúc Thời hạn bảo hành công trình, Chủ đầu tư phải thông báo cho Nhà thầu về các Sai sót trong công trình. Thời hạn bảo hành công trình phải được gia hạn cho đến khi các Sai sót được sửa chữa xong.</p> <p>37.2. Mỗi lần có thông báo về Sai sót trong Công trình, Nhà thầu phải tiến hành sửa chữa Sai sót đó trong khoảng thời gian quy định mà Chủ đầu tư đã thông báo.</p> <p>37.3. Nếu Nhà thầu không sửa chữa được các sai sót hay hư hỏng trong khoảng thời gian hợp lý, Chủ đầu tư hoặc đại diện của Chủ đầu tư có thể ấn định ngày để sửa chữa các sai sót hay hư hỏng và thông báo cho Nhà thầu biết về ngày này.</p>
<p><b>38. Sai sót không được sửa chữa</b></p>	<p>38.1. Nếu Nhà thầu không sửa chữa được các sai sót hay hư hỏng vào ngày đã được thông báo, Chủ đầu tư có thể tự tiến hành công việc hoặc thuê người khác sửa chữa và Nhà thầu phải chịu mọi chi phí (Nhà thầu không được kiến nghị về chi phí sửa chữa nếu không</p>

	<p>cung cấp được tài liệu chứng minh sự thiếu chính xác trong cách xác định chi phí sửa chữa của Chủ đầu tư), Nhà thầu sẽ không phải chịu trách nhiệm về công việc sửa chữa nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tiếp tục nghĩa vụ của mình đối với công trình theo hợp đồng.</p> <p>38.2. Nếu sai sót hoặc hư hỏng dẫn đến việc Chủ đầu tư không sử dụng được công trình hay phần lớn công trình cho mục đích đã định thì Chủ đầu tư sẽ chấm dứt hợp đồng; khi đó, Nhà thầu sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Chủ đầu tư theo hợp đồng và theo các quy định pháp luật.</p> <p>38.3. Nếu sai sót hoặc hư hỏng không thể sửa chữa ngay trên công trường được và được Chủ đầu tư đồng ý, Nhà thầu có thể chuyển khởi công trường thiết bị hoặc cấu kiện bị sai sót hay hư hỏng để sửa chữa.</p>
<p><b>39. Dự báo về sự cố</b></p>	<p>Nhà thầu cần dự báo sớm cho Chủ đầu tư về các sự việc có thể sắp xảy ra mà tác động xấu đến chất lượng công trình, làm tăng giá hợp đồng hay làm chậm trễ việc thực hiện hợp đồng. Chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu dự báo về ảnh hưởng của sự việc này đối với giá hợp đồng và thời gian thực hiện hợp đồng. Nhà thầu phải hợp tác với Chủ đầu tư để đưa ra các biện pháp khắc phục.</p>
	<p><b>D. Quản lý chi phí</b></p>
<p><b>40. Loại hợp đồng</b></p>	<p>Loại hợp đồng theo quy định tại <b>E-ĐKCT</b>.</p>
<p><b>41. Giá hợp đồng và bảng giá hợp đồng</b></p>	<p>41.1. Giá hợp đồng được ghi tại <b>E-ĐKCT</b>.</p> <p>41.2. Đối với hợp đồng trọn gói, Bảng giá hợp đồng quy định tại Phụ lục bảng giá hợp đồng là một bộ phận không tách rời của hợp đồng này, bao gồm các hạng mục công việc và thành tiền của các hạng mục đó. Nhà thầu phải thực hiện tất cả các hạng mục công việc để hoàn thành công trình theo thiết kế được duyệt, bảo đảm tiến độ, chất lượng theo đúng yêu cầu của gói thầu. Giá hợp đồng đã bao gồm toàn bộ các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có) và chi phí dự phòng. Giá hợp đồng không thay đổi trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng đối với phạm vi công việc, yêu cầu kỹ thuật và điều khoản quy định trong hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng và thay đổi phạm vi công việc phải thực hiện dẫn đến giá hợp đồng thay đổi.</p> <p>41.3. Đối với hợp đồng theo đơn giá cố định, đơn giá điều chỉnh, Bảng giá hợp đồng quy định tại Phụ lục bảng giá hợp đồng là một bộ phận không tách rời của hợp đồng này, bao gồm các hạng mục công việc mà Nhà thầu phải thực hiện và thành tiền của các hạng mục đó.</p>

	<p><b>42. Tạm ứng</b></p> <p>42.1. Chủ đầu tư phải cấp cho Nhà thầu khoán tiền tạm ứng theo quy định tại <b>E-ĐKCT</b>, sau khi Nhà thầu nộp Bảo lãnh tiền tạm ứng tương đương với khoản tiền tạm ứng. Bảo lãnh tiền tạm ứng phải được phát hành bởi một ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và có hiệu lực cho đến khi hoàn trả hết khoản tiền tạm ứng; giá trị của Bảo lãnh tiền tạm ứng, giá trị chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh tạm ứng sẽ được giảm dần theo số tiền tạm ứng mà Nhà thầu hoàn trả. Không tính lãi đối với tiền tạm ứng.</p> <p>42.2. Nhà thầu chỉ được sử dụng tiền tạm ứng cho việc trả lương cho người lao động, mua hoặc huy động thiết bị, nhà xưởng, vật tư và các chi phí huy động cần thiết cho việc thực hiện Hợp đồng. Nhà thầu phải chứng minh rằng khoản tiền tạm ứng đã được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng bằng cách nộp bản sao các hóa đơn chứng từ hoặc tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư. Nhà thầu sẽ bị thu Bảo lãnh tiền tạm ứng trong trường hợp sử dụng tiền tạm ứng không đúng mục đích.</p> <p>42.3. Tiền tạm ứng phải được hoàn trả bằng cách khấu trừ một tỷ lệ nhất định trong các khoản thanh toán đến hạn cho Nhà thầu, theo bảng kê tỷ lệ phân trăm công việc đã hoàn thành làm cơ sở thanh toán. Khoản tiền tạm ứng hay hoàn trả tiền tạm ứng sẽ không được tính đến khi định giá các công việc đã thực hiện, các Thay đổi Hợp đồng, các Sự kiện bồi thường, thưởng hợp đồng hoặc Bồi thường thiệt hại.</p> <p>42.4. Tiền tạm ứng được thu hồi dần qua các lần thanh toán khối lượng hoàn thành của hợp đồng và đảm bảo thu hồi hết khi giá trị thanh toán đạt 80% giá hợp đồng đã ký (trừ trường hợp được người có thẩm quyền cho tạm ứng ở mức cao hơn).</p>
<p><b>43. Hồ sơ thanh toán</b></p>	<p>43.1. Hồ sơ thanh toán đối với hợp đồng trọn gói:</p> <p>a) Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của đại diện Chủ đầu tư và Nhà thầu; biên bản nghiệm thu khối lượng này là bản xác nhận hoàn thành công trình, hạng mục công trình, khối lượng công việc phù hợp với phạm vi công việc phải thực hiện theo hợp đồng mà không cần xác nhận khối lượng hoàn thành chi tiết;</p> <p>b) Đề nghị thanh toán của Nhà thầu cần thể hiện các nội dung: giá trị khối lượng hoàn thành theo Hợp đồng, giá trị khối lượng các công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng, giá trị đề nghị thanh toán trong giai đoạn sau khi đã bù trừ các khoản này có xác nhận của đại diện Chủ đầu tư và Nhà thầu.</p>

	<p>43.2. Hồ sơ thanh toán đối với hợp đồng theo đơn giá cố định:</p> <p>a) Biên bản nghiệm thu khối lượng thực hiện trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của đại diện nhà thầu, chủ đầu tư và tư vấn giám sát (nếu có);</p> <p>b) Bản xác nhận khối lượng điều chỉnh tăng hoặc giảm so với hợp đồng có xác nhận của đại diện nhà thầu, chủ đầu tư và tư vấn giám sát (nếu có);</p> <p>c) Bảng tính giá trị đề nghị thanh toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành đã được xác nhận và đơn giá ghi trong hợp đồng;</p> <p>d) Đề nghị thanh toán của nhà thầu, trong đó nêu rõ khối lượng đã hoàn thành và giá trị hoàn thành, giá trị tăng (giảm) so với hợp đồng, giá trị đã tạm ứng, giá trị đề nghị thanh toán trong giai đoạn thanh toán.</p> <p>43.3. Hồ sơ thanh toán đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh:</p> <p>a) Biên bản nghiệm thu khối lượng thực hiện trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của đại diện nhà thầu, chủ đầu tư và tư vấn giám sát (nếu có);</p> <p>b) Bản xác nhận khối lượng điều chỉnh tăng hoặc giảm so với hợp đồng có xác nhận của đại diện nhà thầu, chủ đầu tư và tư vấn giám sát (nếu có);</p> <p>c) Bảng tính giá trị đề nghị thanh toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành đã được xác nhận và đơn giá ghi trong hợp đồng hoặc đơn giá được điều chỉnh theo quy định của hợp đồng;</p> <p>d) Đề nghị thanh toán của nhà thầu, trong đó nêu rõ khối lượng đã hoàn thành và giá trị hoàn thành, giá trị tăng (giảm) so với hợp đồng, giá trị đã tạm ứng, giá trị đề nghị thanh toán trong giai đoạn thanh toán.</p> <p>43.4. Hồ sơ thanh toán đối với hợp đồng theo kết quả đầu ra:</p> <p>a) Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của đại diện nhà thầu, chủ đầu tư và tư vấn giám sát (nếu có); biên bản nghiệm thu khối lượng này là bản xác nhận khối lượng hoàn thành, mức độ hoàn thành theo quy định của Hợp đồng.</p> <p>b) Đề nghị thanh toán của Nhà thầu cần thể hiện các nội dung: giá trị khối lượng hoàn thành theo Hợp đồng, mức độ hoàn thành, giá trị khối lượng các công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng, giá trị đề nghị thanh toán trong giai đoạn sau khi đã bù trừ các khoản này.</p>
<p><b>44. Thanh toán</b></p>	<p>44.1. Việc thanh toán thực hiện theo quy định tại <b>E-DKCT</b>. Trường hợp Chủ đầu tư thanh toán chậm, Nhà thầu sẽ được trả lãi trên số</p>

	<p>tiền thanh toán chậm vào lần thanh toán kế tiếp. Lãi suất thanh toán chậm được tính từ ngày phải thanh toán theo thỏa thuận hoặc kế hoạch phải thanh toán cho đến ngày thanh toán thực tế và mức lãi suất áp dụng là mức lãi suất hiện hành đối với các khoản vay thương mại bằng VND.</p> <p>44.2. Đồng tiền thanh toán là: VND.</p>
<b>45. Điều chỉnh thuế</b>	Việc điều chỉnh thuế thực hiện theo quy định tại <b>E-ĐKCT</b> .
<b>46. Tiền giữ lại</b>	<p>46.1. Mỗi lần thanh toán cho Nhà thầu, Chủ đầu tư sẽ giữ lại một phần theo quy định tại <b>E-ĐKCT</b> cho đến khi hoàn thành toàn bộ công trình.</p> <p>46.2. Tiền giữ lại sẽ được hoàn trả cho Nhà thầu khi kết thúc Thời hạn bảo hành và Chủ đầu tư đã xác nhận rằng mọi sai sót mà Chủ đầu tư thông báo cho Nhà thầu trước khi kết thúc thời hạn đó đã được sửa chữa. Nhà thầu có thể thay thế tiền giữ lại bằng thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.</p>
<b>47. Sửa đổi hợp đồng</b>	<p>47.1. Chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu sửa đổi, bổ sung các nội dung sau đây trong phạm vi công việc của hợp đồng:</p> <p>a) Thay đổi về chất lượng và các thông số của một hạng mục công việc nào đó;</p> <p>b) Thay đổi về thiết kế;</p> <p>c) Thay đổi các mốc hoàn thành và thời gian thực hiện hợp đồng;</p> <p>d) Các trường hợp khác quy định tại <b>E-ĐKCT</b></p> <p>47.2. Trường hợp việc sửa đổi, bổ sung các nội dung trong phạm vi công việc của hợp đồng quy định tại Mục 47.1 E-ĐKCT làm thay đổi chi phí hoặc thời gian thực hiện bất kỳ điều khoản nào trong hợp đồng, giá hợp đồng hoặc ngày hoàn thành phải được điều chỉnh tương ứng và hai bên tiến hành sửa đổi hợp đồng. Yêu cầu của Nhà thầu về việc điều chỉnh giá hợp đồng, ngày hoàn thành phải được thực hiện trong vòng 28 ngày, kể từ ngày Nhà thầu nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư về việc sửa đổi, bổ sung nội dung công việc của hợp đồng.</p> <p>47.3. Chủ đầu tư và Nhà thầu sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng trong trường hợp sửa đổi hợp đồng.</p> <p>47.4. Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng mà không làm kéo dài thời gian thực hiện hợp đồng thì chủ đầu tư và nhà thầu thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh. Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng làm kéo dài thời gian thực hiện hợp đồng thì chủ đầu tư và nhà thầu chỉ được thỏa thuận, thống nhất việc điều</p>

	<p>chính sau khi được người có thẩm quyền cho phép. Việc điều chỉnh tiến độ thi công tuân thủ quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực.</p> <p>47.5. Trường hợp phạm vi công việc nêu trong hợp đồng có sự thay đổi ảnh hưởng tới giá hợp đồng, hai bên thỏa thuận, thống nhất về thay đổi nội dung công việc, giá hợp đồng để làm cơ sở ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng.</p> <p>47.6. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Nhà thầu có thể đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí bao gồm ít nhất các nội dung sau đây:</p> <p>a) Nội dung giải pháp, giải thích sự khác biệt so với các yêu cầu theo hợp đồng đã ký kết;</p> <p>b) Phân tích toàn diện diện chi phí và lợi ích của giải pháp bao gồm mô tả và ước tính các chi phí (bao gồm cả chi phí vòng đời) có thể phát sinh cho Chủ đầu tư trong trường hợp chấp thuận đề xuất của Nhà thầu;</p> <p>c) Tác động của giải pháp đối với hiệu quả thực hiện hợp đồng;</p> <p>d) Mô tả các công việc cần thực hiện.</p> <p>47.7. Chủ đầu tư có thể chấp thuận đề xuất của Nhà thầu nếu đề xuất này chứng minh được một trong các lợi ích dưới đây mà không làm ảnh hưởng đến các công năng cần thiết của Công trình:</p> <p>a) Rút ngắn thời gian thực hiện hợp đồng;</p> <p>b) Giảm giá hợp đồng hoặc chi phí vòng đời cho Chủ đầu tư;</p> <p>c) Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoặc tính bền vững của Công trình;</p> <p>d) Bất kỳ lợi ích nào khác cho Chủ đầu tư.</p> <p>Trường hợp đề xuất của Nhà thầu được Chủ đầu tư chấp thuận và làm giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu theo tỷ lệ quy định tại <b>E-ĐKCT</b> đối với phần giá trị giảm giá hợp đồng.</p> <p>Trường hợp đề xuất của Nhà thầu được Chủ đầu tư chấp thuận và làm tăng giá hợp đồng nhưng giảm chi phí vòng đời do tác động của các yếu tố quy định tại các điểm a, b, c và d Mục này, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu theo phần giá trị tăng giá hợp đồng.</p>
<p><b>48. Sự kiện bồi thường</b></p>	<p>48.1. Các sự kiện sau đây sẽ được xem là Sự kiện bồi thường:</p> <p>a) Chủ đầu tư không giao một phần mặt bằng Công trường vào Ngày tiếp nhận Công trường theo quy định tại Mục 24 E-ĐKC;</p> <p>b) Chủ đầu tư sửa đổi lịch hoạt động của các Nhà thầu khác, làm ảnh hưởng đến công việc của Nhà thầu trong Hợp đồng này;</p> <p>c) Chủ đầu tư thông báo trì hoãn công việc hoặc không cấp Bản vẽ, Thông số kỹ thuật hay các chỉ thị cần thiết để thực hiện Công trình</p>

	<p>đúng thời hạn;</p> <p>d) Chủ đầu tư yêu cầu Nhà thầu tiến hành các thử nghiệm bổ sung nhưng kết quả không tìm thấy Sai sót;</p> <p>đ) Chủ đầu tư không phê chuẩn hợp đồng sử dụng Nhà thầu phụ mà không có lý do xác đáng, hợp lý;</p> <p>e) Điều kiện nền đất công trường xấu hơn nhiều so với dự kiến tại thời điểm trước khi có Thư Chấp Thuận mà dự kiến đó đã được đưa ra một cách hợp lý dựa trên các thông tin cung cấp cho các nhà thầu (bao gồm các Báo Cáo Khảo Sát Công Trường), các thông tin có sẵn khác và kết quả thị sát Công Trường.</p> <p>g) Chủ đầu tư yêu cầu giải quyết tình huống đột xuất hoặc công việc phát sinh cần thiết để bảo đảm an toàn công trình hoặc các lý do khác;</p> <p>h) Các nhà thầu khác và cơ quan, đơn vị liên quan hoặc Chủ Đầu Tư không làm việc vào các ngày đã nêu trong Hợp Đồng và không làm việc trong các điều kiện đã nêu trong Hợp Đồng, gây ra chậm trễ hoặc làm phát sinh chi phí cho Nhà Thầu.</p> <p>i) Tạm ứng chậm;</p> <p>k) Nhà thầu chịu ảnh hưởng từ rủi ro của Chủ đầu tư;</p> <p>l) Chủ đầu tư chậm cấp giấy chứng nhận hoàn thành công trình mà không có lý do hợp lý.</p> <p>48.2. Nếu Sự kiện bồi thường làm tăng chi phí hay cản trở việc hoàn thành công việc trước Ngày hoàn thành dự kiến, giá hợp đồng sẽ được điều chỉnh tăng lên, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được gia hạn. Chủ đầu tư phải xem xét quyết định việc điều chỉnh giá hợp đồng và gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng.</p> <p>48.3. Sau khi Nhà thầu cung cấp thông tin chứng minh ảnh hưởng của từng Sự kiện bồi thường đối với dự toán chi phí của Nhà thầu, Chủ đầu tư phải xem xét, đánh giá và điều chỉnh giá hợp đồng cho phù hợp. Nếu dự toán của Nhà thầu không hợp lý thì Chủ đầu tư sẽ điều chỉnh giá hợp đồng dựa trên dự toán phù hợp theo đúng quy định do Chủ đầu tư lập.</p> <p>48.4. Nhà thầu có thể không được bồi thường khi các quyền lợi của Chủ đầu tư bị ảnh hưởng nặng nề do việc Nhà thầu không cảnh báo sớm hoặc không hợp tác với Chủ đầu tư.</p>
<p><b>49. Phạm vi và hợp đồng</b></p>	<p>49.1. Nhà thầu bị phạt theo mức quy định tại E-ĐKCT cho mỗi ngày chậm hoàn thành công trình so với ngày hoàn thành dự kiến hoặc ngày hoàn thành dự kiến được gia hạn. Tổng số tiền phạt không vượt quá tổng số tiền quy định tại E-ĐKCT. Chủ đầu tư có thể khấu trừ khoản tiền phạt từ các khoản thanh toán đến hạn của</p>

	<p>Nhà thầu.</p> <p>49.2. Việc bồi thường thiệt hại thực hiện theo quy định tại <b>E-ĐKCT</b>.</p> <p>49.3. Việc thường hợp đồng được thực hiện theo quy định tại <b>E-ĐKCT</b>.</p>
<p><b>50. Công nhật</b></p>	<p>50.1. Trường hợp phát sinh Công nhật thì chi phí Công nhật do Nhà thầu đề xuất trong E-HSDT sẽ chỉ được áp dụng khi Chủ đầu tư có thông báo trước bằng văn bản về việc các công việc phát sinh sẽ được thanh toán theo Công nhật.</p> <p>50.2. Tất cả công việc thanh toán theo Công nhật phải được Nhà thầu ghi lại.</p> <p>50.3. Nhà thầu được thanh toán các chi phí Công nhật sau khi Chủ đầu tư chấp thuận bản kê khai chi phí Công nhật.</p>
<p><b>51. Chi phí sửa chữa</b></p>	<p>Những tổn thất hoặc hư hại của Công trình hoặc Vật tư đưa vào sử dụng cho Công trình trong khoảng thời gian từ Ngày khởi công đến khi kết thúc Thời hạn bảo hành sẽ do Nhà thầu sửa chữa và tự chi trả chi phí sửa chữa, nếu các tổn thất hay hư hại đó xảy ra do các hành động hay sơ suất của Nhà thầu.</p>
	<p><b>E. Kết thúc hợp đồng</b></p>
<p><b>52. Nghiệm thu</b></p>	<p>Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu theo quy định của pháp luật xây dựng hiện hành. Biên bản nghiệm thu phải được đại diện Chủ đầu tư, Tư vấn giám sát và Nhà thầu ký xác nhận.</p>
<p><b>53. Hoàn thành</b></p>	<p>Nhà thầu phải yêu cầu Chủ đầu tư cấp Giấy chứng nhận hoàn thành công trình và Chủ đầu tư sẽ cấp Giấy chứng nhận sau khi xác định Công trình đã được hoàn thành.</p>
<p><b>54. Bàn giao</b></p>	<p>Chủ đầu tư cần tiếp nhận công trường và công trình theo thời gian được quy định tại <b>E-ĐKCT</b> kể từ khi Nhà thầu được cấp Biên bản nghiệm thu công trình.</p> <p>Bàn giao hạng mục công trình, công trình thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng.</p>
<p><b>55. Bản vẽ hoàn công, hướng dẫn vận hành</b></p>	<p>55.1. Nhà thầu phải hoàn thành và nộp cho Chủ đầu tư bản vẽ hoàn công theo quy định của pháp luật hiện hành, tài liệu hướng dẫn quy trình vận hành thiết bị lắp đặt (nếu có) vào ngày quy định tại <b>E-ĐKCT</b>.</p> <p>55.2. Nếu Nhà thầu không nộp bản vẽ hoàn công hoặc hướng dẫn vận hành vào ngày quy định tại <b>E-ĐKCT</b> hoặc các tài liệu này không được Chủ đầu tư chấp nhận, Chủ đầu tư sẽ giữ lại số tiền quy</p>

<p>định tại <b>E-ĐKCT</b> từ khoản thanh toán đến hạn cho Nhà thầu.</p> <p>56.1. Quyết toán hợp đồng</p> <p>Quyết toán hợp đồng xây dựng theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực và gồm các quy định sau:</p> <p>a) Sau khi nhận được biên bản nghiệm thu đã hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo quy định của hợp đồng, Nhà thầu sẽ trình cho Chủ đầu tư hồ sơ quyết toán hợp đồng với các tài liệu trình bày chi tiết theo mẫu mà Chủ đầu tư đã chấp thuận trong khoảng thời gian quy định tại <b>E-ĐKCT</b>, bao gồm các tài liệu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ công việc thuộc phạm vi hợp đồng;</li> <li>- Bảng xác nhận giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi hợp đồng;</li> <li>- Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng, trong đó nêu rõ phần đã thanh toán và giá trị còn lại mà Chủ đầu tư có trách nhiệm thanh toán cho Nhà thầu;</li> <li>- Hồ sơ hoàn công, nhật ký thi công xây dựng công trình;</li> <li>- Các tài liệu khác theo thỏa thuận trong hợp đồng (<i>nếu có</i>).</li> </ul> <p>b) Thời hạn Nhà thầu giao nộp hồ sơ quyết toán hợp đồng không được quá số ngày quy định tại <b>E-ĐKCT</b>, kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc cần thực hiện theo hợp đồng, bao gồm cả công việc phát sinh (nếu có).</p> <p>56.2. Thanh lý hợp đồng</p> <p>Thanh lý hợp đồng xây dựng theo quy định pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực và các quy định sau:</p> <p>a) Hợp đồng được thanh lý trong trường hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký;</li> <li>- Hợp đồng bị chấm dứt (hủy bỏ) theo quy định của pháp luật.</li> </ul> <p>b) Việc thanh lý hợp đồng phải được thực hiện trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký hoặc trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày hợp đồng bị chấm dứt (hủy bỏ) theo quy định của pháp luật và không quá 90 ngày đối với những hợp đồng có quy mô lớn, phức tạp.</p> <p>56.3. Chấm dứt trách nhiệm của Chủ đầu tư</p> <p>Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm với Nhà thầu về bất cứ việc gì và vấn đề gì theo hợp đồng hoặc liên quan đến hợp đồng sau khi thanh lý hợp đồng.</p>	<p><b>56. Quyết toán và thanh lý hợp đồng</b></p>
---	---

<p><b>57. Chấm dứt hợp đồng</b></p>	<p>57.1. Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu có thể chấm dứt Hợp đồng nếu bên kia có vi phạm cơ bản Hợp đồng.</p> <p>57.2. Các vi phạm cơ bản Hợp đồng bao gồm, nhưng không chỉ hạn chế ở các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Nhà thầu dừng thi công 28 ngày trong khi việc dừng thi công này không có trong Biểu tiến độ thi công và chưa được Chủ đầu tư cho phép;</p> <p>b) Chủ đầu tư yêu cầu Nhà thầu trì hoãn tiến độ Công trình và không rút lại chỉ thị này trong vòng 28 ngày kể từ ngày ban hành văn bản yêu cầu Nhà thầu trì hoãn tiến độ;</p> <p>c) Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu bị phá sản hoặc phải thanh lý tài sản để tái cơ cấu hoặc sáp nhập;</p> <p>d) Nhà thầu có một giấy đề nghị thanh toán cho các khối lượng công việc hoàn thành đã được nghiệm thu theo quy định nhưng không được Chủ đầu tư thanh toán trong vòng 28 ngày kể từ ngày Nhà thầu gửi đề nghị thanh toán;</p> <p>đ) Nhà thầu không sửa chữa những sai sót gây ảnh hưởng đến tiến độ, chất lượng Công trình trong khoảng thời gian mà Chủ đầu tư yêu cầu;</p> <p>e) Nhà thầu không duy trì Bảo lãnh tiền tạm ứng, Bảo lãnh thực hiện hợp đồng theo quy định;</p> <p>g) Nhà thầu chậm trễ việc hoàn thành Công trình và số tiền phạt hợp đồng tương đương với tổng số tiền tối đa bị phạt;</p> <p>h) Có bằng chứng cho thấy Nhà thầu đã vi phạm một trong các hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu trong quá trình đấu thầu hoặc thực hiện Hợp đồng.</p> <p>57.3. Khi Nhà thầu vi phạm Hợp đồng do một nguyên nhân khác ngoài các trường hợp liệt kê trong Mục 57.2 E-ĐKC nêu trên, Chủ đầu tư sẽ quyết định đó có phải một vi phạm cơ bản với Hợp đồng hay không.</p> <p>57.4. Nếu Hợp đồng bị chấm dứt, Nhà thầu phải ngừng công việc ngay lập tức, giữ Công trường an toàn và rời khỏi Công trường càng sớm càng tốt.</p>
<p><b>58. Thanh toán khi chấm dứt hợp đồng</b></p>	<p>58.1. Nếu hợp đồng bị chấm dứt do lỗi của Nhà thầu quy định tại Mục 57 E-ĐKC, Chủ đầu tư sẽ lập biên bản xác nhận giá trị các công việc đã thực hiện, vật liệu đã mua trừ đi khoản tiền tạm ứng của Nhà thầu đã nhận. Nếu số tiền tạm ứng nhiều hơn giá trị các công việc đã thực hiện, vật liệu đã mua thì nhà thầu phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho Chủ đầu tư khoản tiền chênh lệch này.</p>

	<p>Trường hợp ngược lại, Chủ đầu tư có trách nhiệm thanh toán cho nhà thầu.</p> <p>58.2. Nếu hợp đồng bị chấm dứt do lỗi của Chủ đầu tư quy định tại Mục 57 E-ĐKC hoặc do bất khả kháng, Chủ đầu tư sẽ lập biên bản xác nhận giá trị các công việc đã thực hiện, vật liệu đã mua, chi phí hợp lý cho việc di chuyển máy móc, thiết bị, hồi hương nhân sự mà Nhà thầu thuê cho công trình và chi phí của Nhà thầu về việc bảo vệ công trình, trừ đi khoản tiền tạm ứng mà Nhà thầu đã nhận. Chủ đầu tư có trách nhiệm thanh toán cho Nhà thầu khoản tiền chênh lệch này.</p>
<b>59. Tài sản</b>	Tất cả Vật tư trên công trường, Nhà xưởng, Thiết bị, Công trình tạm và Công trình đều sẽ là tài sản của Chủ đầu tư nếu Hợp đồng bị chấm dứt do lỗi của Nhà thầu.
<b>60. Chấm dứt hợp đồng do bất khả kháng</b>	<p>Nếu việc thực hiện hợp đồng bị dừng lại do bất khả kháng thì Chủ đầu tư phải chứng nhận hợp đồng bị chấm dứt do bất khả kháng. Nhà thầu phải bảo đảm an toàn cho Công trường và dừng công việc càng nhanh càng tốt sau khi nhận được giấy chứng nhận của Chủ đầu tư; Nhà thầu sẽ được thanh toán cho tất cả các công việc đã thực hiện trước khi có giấy chứng nhận hợp đồng bị chấm dứt do bất khả kháng.</p>

**Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG**

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ E-ĐKCT phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

<b>A. Các quy định chung</b>	
<b>E-ĐKC 1.4</b>	Chủ đầu tư là: Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng Long An.
<b>E-ĐKC 1.7</b>	Công trình bao gồm: Tên gói thầu: Thi công xây dựng đoạn từ sông Vàm Cỏ Tây đến ĐT.827B. Tên dự án: Xây dựng đường dẫn vào 03 cầu trên ĐT.827E. Địa điểm thi công gói thầu: xã Tâm Vu, tỉnh Tây Ninh.
<b>E-ĐKC 1.10</b>	Địa điểm công trường tại xã Tâm Vu, tỉnh Tây Ninh và được xác định trong Bản vẽ số <b>[Xem file đính kèm]</b> .
<b>E-ĐKC 1.16</b>	Ngày hoàn thành là: ___ [ghi ngày]
<b>E-ĐKC 1.17</b>	Ngày hoàn thành dự kiến cho toàn bộ Công trình là: ___ [ghi ngày]. <i>[Nếu quy định các ngày khác nhau để hoàn thành các phần Công trình ("hoàn thành từng phần" hoặc các mốc hoàn thành) thì phải liệt kê toàn bộ ở đây].</i>
<b>E-ĐKC 1.18</b>	Ngày khởi công là: ___ [ghi ngày].
<b>E-ĐKC 1.19</b>	Nhà thầu là: ___ [ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu].
<b>E-ĐKC 1.29</b>	- Tư vấn quản lý dự án: ___ [ghi tên, địa chỉ, điện thoại, fax, email của Tư vấn quản lý dự án nếu có]; - Tư vấn giám sát là: ___ [ghi tên, địa chỉ, điện thoại, fax, email của Tư vấn giám sát]; ...
<b>E-ĐKC 2.1</b>	Hoàn thành từng phần: ___ [Chủ đầu tư điền]
<b>E-ĐKC 2.3(i)</b>	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng: ___ [liệt kê tài liệu].
<b>E-ĐKC 5.2</b>	- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 5% giá hợp đồng. - Thời gian hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng là: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến khi công trình

	<p>được nghiệm thu, bàn giao và Nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định.</p> <p>- Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được Chủ đầu tư chấp thuận và tuân thủ mẫu số 15 Chương VIII. Nếu các điều khoản của bảo đảm thực hiện hợp đồng nêu rõ ngày hết hiệu lực và Nhà thầu chưa hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng vào thời điểm 07 ngày trước ngày bảo đảm thực hiện hợp đồng của Nhà thầu đã nộp cho Chủ đầu tư hết hiệu lực, Nhà thầu sẽ phải gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng cho tới khi công việc đã được hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong.</p>
<b>E-ĐKC 5.4</b>	<p>Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Chủ đầu tư phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Nhà thầu ngay sau khi hoặc không chậm hơn 20 ngày kể từ khi công trình được nghiệm thu, bàn giao, đồng thời Nhà thầu đã chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành theo quy định.</p>
<b>E-ĐKC 8.2(d)</b>	<p>Nhà thầu có văn bản trả lời yêu cầu của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian không quá 05 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu.</p>
<b>E-ĐKC 8.8(a)</b>	<p>Nhà thầu có văn bản thông báo trong khoảng thời gian tối thiểu 05 ngày, trước ngày vật tư, thiết bị được vận chuyển tới công trường.</p>
<b>E-ĐKC 8.11</b>	<p>Thời gian di dời vật tư, thiết bị ra khỏi công trường: 05 ngày kể từ ngày biên bản nghiệm thu công trình được cấp.</p>
<b>E-ĐKC 9.3</b>	<p>Nhà tư vấn đưa ra chỉ dẫn trả dưới dạng văn bản trong thời hạn không quá 05 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị chỉ dẫn của các bên liên quan.</p>
<b>E-ĐKC 11.1</b>	<p>Danh sách nhà thầu phụ: _____ [<i>Ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT</i>].</p>
<b>E-ĐKC 11.2</b>	<p>Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 20%.</p>
<b>E-ĐKC 11.4</b>	<p>Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ _____ [<i>Ghi yêu cầu khác về nhà thầu phụ (nếu có)</i>].</p>
<b>E-ĐKC 19.1</b>	<p>Yêu cầu về bảo hiểm: Kể từ ngày khởi công cho đến hết thời hạn bảo hành công trình, Nhà thầu phải mua bảo hiểm cho người lao động thi công trên công trường và bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với bên thứ ba cho rủi ro của Nhà thầu.</p>
<b>E-ĐKC 20.1(a)</b>	<p>Thời gian bảo hành công trình 12 tháng kể từ ngày có biên bản nghiệm thu hoàn thành đưa công trình vào sử dụng.</p>

<b>E-ĐKC 21</b>	<p>Thông tin về Công trường là:</p> <p>Tên gói thầu: Thi công xây dựng đoạn từ sông Vàm Cỏ Tây đến ĐT.827B.</p> <p>Tên dự án: Xây dựng đường dẫn vào 03 cầu trên ĐT.827E.</p> <p>Địa điểm thi công gói thầu: xã Tâm Vu, tỉnh Tây Ninh.</p> <p>Ngày tiếp nhận, sử dụng Công trường là: _____ [ghi địa điểm và ngày].</p> <p>Thời gian để tiến hành hòa giải: Theo quy định hiện hành.</p> <p>Giải quyết tranh chấp: Theo quy định hiện hành.</p>
<b>E-ĐKC 24</b>	
<b>E-ĐKC 27.2</b>	
<b>B. Quản lý thời gian</b>	
<b>E-ĐKC 28</b>	<p>- Ngày khởi công: _____ [ghi ngày dự định khởi công].</p> <p>- Ngày hoàn thành dự kiến: _____ [ghi ngày hoàn thành dự kiến].</p>
<b>E-ĐKC 29.1</b>	Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư Biểu tiến độ thi công chi tiết trong vòng 07 ngày từ ngày ký Hợp đồng.
<b>E-ĐKC 29.4</b>	<p>- Thời gian cập nhật Biểu tiến độ thi công chi tiết: 07 ngày.</p> <p>- Số tiền giữ lại nếu nộp muộn Biểu tiến độ thi công chi tiết cập nhật: <b>1.445.284.000 VND (tương đương 1% giá trị gói thầu).</b></p>
<b>E-ĐKC 30.7</b>	Các trường hợp khác: _____ [ghi các trường hợp gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng khác (nếu có)].
<b>C. Quản lý chất lượng</b>	
<b>E-ĐKC 33.2</b>	Vật tư, máy móc, thiết bị: _____ [ghi tên, chủng loại vật tư, máy móc, thiết bị cần yêu cầu Nhà thầu cung cấp mẫu, kết quả kiểm nghiệm (nếu có)].
<b>D. Quản lý chi phí</b>	
<b>E-ĐKC 40</b>	Loại hợp đồng: Theo đơn giá điều chỉnh.
<b>E-ĐKC 41.1</b>	<p>Giá hợp đồng: Được trượt giá.</p> <p><i>Trường hợp hợp đồng có quy định về trượt giá thì chọn phương pháp bù trừ trực tiếp hoặc phương pháp điều chỉnh bằng công thức điều chỉnh trên cơ sở áp dụng chỉ số giá. Phương pháp điều chỉnh giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng và quy định rõ trong hợp đồng.</i></p>

<b>E-ĐKC 42.1</b>	<p>- Tạm ứng: <b>Tối thiểu 10%, tối đa 30% giá trị hợp đồng</b> (tùy theo Kế hoạch vốn được giao, Chủ đầu tư có thể chuyển tiền tạm ứng một hoặc nhiều lần).</p> <p>- Thời gian tạm ứng: <b>Quy định chi tiết theo hợp đồng ký kết.</b></p> <p>Tiền tạm ứng được thu hồi dần qua các lần thanh toán, mức thu hồi của từng lần do hai bên thống nhất ghi trong hợp đồng nhưng phải bảo đảm tiền tạm ứng được thu hồi hết khi giá trị thanh toán đạt 80% giá hợp đồng đã ký kết.</p>
<b>E-ĐKC 44.1</b>	Phương thức thanh toán: Chuyển khoản.
<b>E-ĐKC 45</b>	<p>Điều chỉnh thuế: Được phép.</p> <p>Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.</p>
<b>E-ĐKC 46.1</b>	Phản tiền giữ lại từ số tiền thanh toán là: 9%.
<b>E-ĐKC 47.1(d)</b>	Trường hợp sửa đổi hợp đồng: Theo thỏa thuận hợp đồng và quy định của pháp luật.
<b>E-ĐKC 47.7</b>	Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 20% giá trị giảm giá hợp đồng.
<b>E-ĐKC 49.1</b>	Mức phạt: Theo thỏa thuận hợp đồng và quy định của pháp luật.
<b>E-ĐKC 49.2</b>	Bồi thường thiệt hại: Áp dụng.
<b>E-ĐKC 49.3</b>	Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế.
<b>E-ĐKC 49.3</b>	Thưởng hợp đồng: Không áp dụng.
<b>E. Kết thúc hợp đồng</b>	
<b>E-ĐKC 54</b>	Thời gian bàn giao công trình: Trong vòng 07 ngày kể từ khi nhà thầu được cấp Biên bản nghiệm thu công trình.
<b>E-ĐKC 55.1</b>	Thời gian nộp bản vẽ hoàn công: Trong vòng 15 ngày kể từ ngày bàn giao đưa công trình vào sử dụng.
<b>E-ĐKC 55.2</b>	Số tiền giữ lại: <b>13.007.562.000 VND. (9% giá gói thầu).</b>
<b>E-ĐKC 56.1(a)</b>	Nhà thầu phải nộp hồ sơ quyết toán công trình trong 30 ngày kể từ ngày nhận được biên bản nghiệm thu đã hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo quy định của hợp đồng.

### **Chương VIII. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG**

Mục này bao gồm các biểu mẫu mà sau khi ghi thông tin hoàn chỉnh sẽ trở thành một phần của Hợp đồng. Mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng và Mẫu bảo lãnh tiền tạm ứng dành cho Nhà thầu trúng thầu ghi thông tin và hoàn chỉnh sau khi được trao hợp đồng.

## THƯ CHẤP THUẬN E-HSDT VÀ TRAO HỢP ĐỒNG<sup>(1)</sup>

\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Kính gửi: \_\_\_\_ [ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu trúng thầu] (sau đây gọi tắt là “Nhà thầu”)

Về việc: *Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng*

Căn cứ Quyết định số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ của \_\_\_\_ [ghi tên chủ đầu tư] (sau đây gọi tắt là “Chủ đầu tư”) về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu \_\_\_\_ [ghi tên, số hiệu gói thầu], Chủ đầu tư \_\_\_\_ [ghi tên Chủ đầu tư] (sau đây gọi tắt là “Chủ đầu tư”) thông báo: Chủ đầu tư đã chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng cho Nhà thầu để thực hiện gói thầu \_\_\_\_ [ghi tên, số hiệu gói thầu] với giá hợp đồng là \_\_\_\_ [ghi giá trúng thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu] với thời gian thực hiện gói thầu là \_\_\_\_ [ghi thời gian thực hiện gói thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu].

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư theo kế hoạch như sau:

*Trường hợp hoàn thiện hợp đồng thông qua phương tiện điện tử:*

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: \_\_\_\_ [ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng];
- Địa chỉ phương tiện điện tử: \_\_\_\_ [ghi đường link, tên đăng nhập, mật khẩu (nếu có) ...];
- Việc ký biên bản hoàn thiện hợp đồng (nếu có) thực hiện trên Hệ thống.

*Trường hợp hoàn thiện hợp đồng trực tiếp:*

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: \_\_\_\_ [ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng], tại địa điểm<sup>(2)</sup> \_\_\_\_ [ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng].

Đề nghị Nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Mẫu số 15 Phần 3 của E-HSMT với số tiền \_\_\_\_ và thời gian hiệu lực \_\_\_\_ [ghi số tiền tương ứng và thời gian có hiệu lực theo quy định tại Mục 5.2 E-DKCT của E-HSMT].

Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà thầu hoàn thiện, ký kết hợp đồng và thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo yêu cầu nêu trên. Chủ đầu tư sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của Nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Nếu đến ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_<sup>(3)</sup> mà Nhà thầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà thầu sẽ bị loại và không được nhận lại bảo đảm dự thầu.

*Ghi chú:*

(1) Trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, các bên phải điền đầy đủ và đưa toàn bộ nội dung, bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, thương thảo hợp đồng (nếu có), hoàn thiện hợp đồng (nếu có) vào điều kiện cụ thể của hợp đồng để hình thành tài liệu hợp đồng điện tử.

(2) Khuyến khích thực hiện hoàn thiện hợp đồng qua phương tiện điện tử. Trường hợp việc hoàn thiện hợp đồng thực hiện trực tiếp thì Chủ đầu tư điền thông tin về địa điểm (văn phòng, cơ quan Chủ đầu tư...) để Nhà thầu đến tiến hành hoàn thiện hợp đồng.

(3) Ghi thời gian phù hợp với thời gian quy định trong Mẫu bảo lãnh dự thầu.

## HỢP ĐỒNG ĐIỆN TỬ<sup>(4)</sup>

(Hợp đồng điện tử)

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Hợp đồng số: \_\_\_\_\_ [Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin]

Gói thầu: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu]

Thuộc dự án: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu]

- Căn cứ<sup>(2)</sup> \_\_\_\_\_ (Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015) [Chủ đầu tư kê khai thông tin];

- Căn cứ<sup>(2)</sup> \_\_\_\_\_ (Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 06 năm 2023) [Chủ đầu tư kê khai thông tin];

- Căn cứ Quyết định số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ của \_\_\_\_ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu \_\_\_\_\_ [ghi tên gói thầu] và Thông báo chấp thuận E-HSMT và trao hợp đồng số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ của Chủ đầu tư [Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu]

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được Chủ đầu tư và nhà thầu trúng thầu ký ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ [Chủ đầu tư kê khai thông tin]

- Các căn cứ khác (nếu có). [Hệ thống để trường ký tự để Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền và nhà thầu tự kê khai]

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Đối với trường hợp Chủ đầu tư trực tiếp ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng với nhà thầu:

**Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)**

Tên Chủ đầu tư: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Địa chỉ: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Điện thoại: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Fax: \_\_\_\_\_

E-mail: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Tài khoản: \_\_\_\_\_ [Chủ đầu tư kê khai thông tin]

Mã số thuế: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

<sup>(4)</sup> Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung hợp đồng theo mẫu này có thể sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đặc biệt là đối với các nội dung khi hoàn thiện hợp đồng có sự khác biệt so với E-DKCT.

<sup>(2)</sup> Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

Chức vụ: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Đối với trường hợp Chủ đầu tư ủy quyền ký kết và quản lý hợp đồng:

**Chủ đầu tư**

Tên Chủ đầu tư: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Địa chỉ: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Điện thoại: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Fax: \_\_\_\_\_

E-mail: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Tài khoản: \_\_\_\_\_ [Chủ đầu tư kê khai thông tin]

Mã số thuế: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Chức vụ: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

**Đơn vị được ủy quyền (sau đây gọi là Bên A)**

Tên Đơn vị được ủy quyền: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Địa chỉ: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Điện thoại: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Fax: \_\_\_\_\_

E-mail: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Tài khoản: \_\_\_\_\_; [Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin]

Mã số thuế: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Chức vụ: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số \_\_\_\_\_ ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_ (trường hợp được ủy quyền) [Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin].

**Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)**

Tên nhà thầu: \_\_\_\_\_ [Chủ đầu tư kê khai]

Địa chỉ: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Điện thoại: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Fax: \_\_\_\_\_

E-mail: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Tài khoản: \_\_\_\_\_

Mã số thuế: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Chức vụ: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng hợp đồng xây lắp với các nội dung sau:

### **Điều 1. Đối tượng hợp đồng**

Bên A giao cho bên B thực hiện việc thi công xây dựng, lắp đặt công trình theo đúng thiết kế.

### **Điều 2. Thành phần hợp đồng**

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng;
2. E-ĐKCT của hợp đồng đã được điền đầy đủ các nội dung chi tiết và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng (nếu có);
3. Biên bản hoàn thiện hợp đồng;
4. E-ĐKC của hợp đồng;
5. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
6. Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng;
7. E-HSDT và các văn bản làm rõ E-HSDT của Nhà thầu;
8. E-HSMT và các tài liệu sửa đổi E-HSMT (nếu có);
9. Các tài liệu khác quy định tại E-ĐKCT.

### **Điều 3. Trách nhiệm của Bên A**

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng quy định tại Điều 5 của hợp đồng này theo phương thức được quy định tại điều kiện cụ thể của hợp đồng cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định tại điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

### **Điều 4. Trách nhiệm của Bên B**

Nhà thầu cam kết thi công trình theo thiết kế đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

### **Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán**

1. Giá hợp đồng: \_\_\_\_\_ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng].

a) Giá hợp đồng đối với hợp đồng trọn gói:

b) Giá hợp đồng đối với hợp đồng theo đơn giá có định:

- Giá hợp đồng ban đầu (không bao gồm thuế);

- Giá trị thuế

- Dự phòng.

c) Giá hợp đồng đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh:

- *Giá hợp đồng ban đầu (không bao gồm thuế);*
- *Giá trị thuế*
- *Dự phòng: trong đó nêu rõ giá trị trượt giá tạm tính trên cơ sở dự kiến trượt giá và quy định pháp luật về quản lý chi phí.*
- d) *Giá hợp đồng đối với hợp đồng theo kết quả đầu ra:*
- 2. Phương thức thanh toán: \_\_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất phương thức thanh toán theo quy định tại Mục 44.1 E-DKCT*].

#### **Điều 6. Loại hợp đồng**

Loại hợp đồng: \_\_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất loại hợp đồng theo E-DKCT*].

**Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng:** \_\_\_\_\_ [*Chỉ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin về thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với quy định tại Mục 28 E-DKC, E-HSDT và kết quả hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên*].

#### **Điều 8. Hiệu lực hợp đồng**

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ \_\_\_\_\_ [*Chỉ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin về ngày có hiệu lực của hợp đồng*].

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.  
Hợp đồng được lập trên sự chấp thuận của tất cả các bên.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA**

**NHÀ THẦU**

[*xác nhận, chữ ký số*]

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA**

**CHỦ ĐẦU TƯ/ĐƠN VỊ ĐƯỢC ỦY  
QUYỀN**

[*xác nhận, chữ ký số*]

**PHỤ LỤC BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG**

(Kèm theo hợp đồng số \_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_)

Phụ lục này được lập trên cơ sở yêu cầu nêu trong E-HSMT, E-HSDT và những thỏa thuận đã đạt được trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, bao gồm giá (thành tiền) cho từng hạng mục, nội dung công việc.

Giá (thành tiền) cho từng hạng mục, nội dung công việc đã bao gồm các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định và chi phí dự phòng.

**BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG***(áp dụng cho hợp đồng theo đơn giá)*

S TT	Mô tả công việc	Yêu cầu kỹ thuật/ Chỉ dẫn kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
<b>I</b>	<b>Hạng mục 1:</b>					
1						
2						
3						
<b>II</b>	<b>Hạng mục 2:</b>					
1						
2						
3						
<b>III</b>	<b>Hạng mục...</b>					
...	....					
<b>Giá hợp đồng</b>						
(Kết chuyển sang Điều 5 của Hợp đồng)						

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU**  
**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU TƯ**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và*

*đóng dấu]*

*đóng dấu]*

*đóng dấu]*

## BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_

Kính gửi: \_\_\_\_\_ [ghi tên Chủ đầu tư]

(sau đây gọi là Chủ đầu tư)

Theo đề nghị của \_\_\_\_\_ [ghi tên Nhà thầu] (sau đây gọi là Nhà thầu) là Nhà thầu đã trúng thầu gói thầu \_\_\_\_\_ [ghi tên gói thầu] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng xây lắp cho gói thầu trên (sau đây gọi là hợp đồng);<sup>(1)</sup>

Theo quy định trong E-HSMT (hoặc hợp đồng), Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, \_\_\_\_\_ [ghi tên của ngân hàng] có trụ sở đăng ký tại \_\_\_\_\_ [ghi địa chỉ của ngân hàng<sup>(3)</sup>] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là \_\_\_\_\_ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng như yêu cầu quy định tại Mục 5.2 E-DKCT]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn \_\_\_\_\_ [ghi số tiền bảo lãnh] như đã nêu trên, khi có văn bản của Chủ đầu tư thông báo Nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_<sup>(3)</sup>.

### Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Chủ đầu tư sẽ báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của \_\_\_\_\_ [ghi tên Nhà thầu] (sau đây gọi là Nhà thầu) là Nhà thầu trúng thầu gói thầu \_\_\_\_\_ [ghi tên gói thầu] đã ký hợp đồng số [ghi số hợp đồng] ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_ (sau đây gọi là Hợp đồng).”

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 5.2 E-DKCT.

## BẢO LÃNH TIỀN TẠM ÚNG <sup>(1)</sup>

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_

Kính gửi: \_\_\_\_\_ [ghi tên Chủ đầu tư]

(sau đây gọi là Chủ đầu tư)

[ghi tên hợp đồng, số hợp đồng]

Theo điều khoản về tạm ứng nêu trong điều kiện cụ thể của hợp đồng, \_\_\_\_\_ [ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu] (sau đây gọi là Nhà thầu) phải nộp cho Chủ đầu tư một bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm Nhà thầu sử dụng đúng mục đích khoản tiền tạm ứng \_\_\_\_\_ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] cho việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, \_\_\_\_\_ [ghi tên của ngân hàng] ở \_\_\_\_\_ [ghi tên quốc gia hoặc vùng lãnh thổ] có trụ sở đăng ký tại \_\_\_\_\_ [ghi địa chỉ của ngân hàng<sup>(2)</sup>] (sau đây gọi là “ngân hàng”), theo yêu cầu của Chủ đầu tư, đồng ý vô điều kiện, không hủy ngang và không yêu cầu Nhà thầu phải xem xét trước, thanh toán cho Chủ đầu tư khi Chủ đầu tư có yêu cầu với một khoản tiền không vượt quá \_\_\_\_\_ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng như yêu cầu quy định tại Mục 42.1 E-DKCT].

Ngoài ra, chúng tôi đồng ý rằng các thay đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh các điều kiện của hợp đồng hoặc của bất kỳ tài liệu nào liên quan đến hợp đồng được ký giữa Nhà thầu và Chủ đầu tư sẽ không làm thay đổi bất kỳ nghĩa vụ nào của chúng tôi theo bảo lãnh này.

Giá trị của bảo lãnh này sẽ được giảm dần tương ứng với số tiền tạm ứng mà Chủ đầu tư thu hồi qua các kỳ thanh toán quy định của Hợp đồng sau khi Nhà thầu xuất trình văn bản xác nhận của Chủ đầu tư về số tiền đã thu hồi trong các kỳ thanh toán.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày Nhà thầu nhận được khoản tạm ứng theo hợp đồng cho đến ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_ <sup>(3)</sup> hoặc khi Chủ đầu tư thu hồi hết số tiền tạm ứng, tùy theo ngày nào đến sớm hơn.

### Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- (1) Căn cứ điều kiện cụ thể của gói thầu mà quy định phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 42.1 E-DKCT.
- (2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.
- (3) Ngày quy định tại Mục 1.17 E-DKCT.

## GIẤY ỦY QUYỀN (1)

Hôm nay, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_, tại \_\_\_\_

Tôi là \_\_\_\_ [ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu], là người đại diện theo pháp luật của \_\_\_\_ [ghi tên nhà thầu] có địa chỉ tại \_\_\_\_ [ghi địa chỉ của nhà thầu] bằng văn bản này ủy quyền cho \_\_\_\_ [ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu \_\_\_\_ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án/dự toán mua sắm \_\_\_\_ [ghi tên dự án/dự toán mua sắm] do \_\_\_\_ [ghi tên Chủ đầu tư] tổ chức:

[- Tham gia quá trình đối chiếu tài liệu,

- Tham gia quá trình hoàn thiện hợp đồng đối với trường hợp hoàn thiện hợp đồng trực tiếp<sup>(2)</sup>.

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của \_\_\_\_ [ghi tên nhà thầu]. \_\_\_\_ [ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do \_\_\_\_ [ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày \_\_\_\_ đến ngày \_\_\_\_<sup>(3)</sup>. Giấy ủy quyền này được lập thành \_\_\_\_ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ \_\_\_\_ bản, người được ủy quyền giữ \_\_\_\_ bản, Chủ đầu tư giữ \_\_\_\_ bản.

### Người được ủy quyền

[ghi tên, chức danh, ký tên và  
đóng dấu (nếu có)]

### Người ủy quyền

[ghi tên người đại diện theo pháp luật của  
nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Chủ đầu tư khi đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng. Giấy ủy quyền phải bảo đảm có hiệu lực trước ngày thực hiện các công việc được ủy quyền.